



THEO DÕI NGHÈO ĐÔ THỊ THEO PHƯƠNG PHÁP CÙNG THAM GIA

Báo cáo Tổng hợp năm 2008

Tháng 4 năm 2009



THEO DÕI NGHÈO ĐÔ THỊ THEO PHƯƠNG PHÁP CÙNG THAM GIA

Báo cáo Tổng hợp năm 2008

Tháng 4 năm 2009



MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
LỜI TỰA	5
LỜI CẢM ƠN	7
TỪ VIẾT TẮT	8
TÓM LƯỢC	9
GIỚI THIỆU	13
Mục tiêu của Báo cáo	13
Phương pháp nghiên cứu	13
Địa điểm khảo sát	13
Nhóm nòng cốt thực hiện theo dõi nghèo	14
Khung theo dõi nghèo đô thị	15
Khảo sát thực địa	15
PHẦN 1. TỔNG QUAN VỀ NGHÈO ĐÔ THỊ	19
1.1 Diễn biến nghèo đô thị	19
Tỷ lệ nghèo đô thị thấp nhưng khó giảm thêm	19
Chuẩn nghèo đô thị đã lạc hậu	20
1.2 Hai nhóm nghèo đô thị: người bản xứ và người nhập cư	21
Người nghèo bản xứ	21
Người nghèo nhập cư	23
1.3 Những thách thức giảm nghèo đô thị	25
Người nghèo sống tập trung tại nơi có cơ sở hạ tầng yếu kém	25
Những người nghèo nhất đều có những bất lợi đặc thù	26
Người nghèo nhập cư vẫn khó tiếp cận các dịch vụ xã hội	27
Người nghèo bản xứ cũng khó tiếp cận các chính sách hỗ trợ	28
Thách thức về quản trị địa phương hướng tới giảm nghèo đô thị	30



PHẦN 2. TÍNH DỄ BỊ TỔN THƯƠNG CỦA CÁC NHÓM XÃ HỘI ĐẶC THÙ TẠI KHU VỰC ĐÔ THỊ	33
2.1 Công nhân nhập cư	33
Đặc điểm nhóm	33
Điều kiện sống	34
Dễ bị tổn thương trong Quan hệ lao động	36
Dễ bị tổn thương về Thu nhập và Chi tiêu	37
Vai trò của Công đoàn	39
2.2 Nhóm buôn bán nhỏ	42
Đặc điểm nhóm	42
Điều kiện sống và hành nghề	42
Tính dễ bị tổn thương	44
2.3 Nhóm xe ôm	47
Đặc điểm nhóm	47
Điều kiện sống và hành nghề	47
Tính dễ bị tổn thương	48
Quản lý và hỗ trợ	49
PHẦN 3. TÁC ĐỘNG CỦA GIÁ CẢ ĐẾN ĐỜI SỐNG, SINH KẾ NGƯỜI NGHÈO ĐÔ THỊ	51
3.1 Biến động giá cả	51
3.2 Đặc điểm tiêu dùng và mua bán của người nghèo đô thị	53
Mô hình chi tiêu	53
Tập quán mua bán	55
3.3 Tác động của giá cả tăng đến sinh kế và đời sống người nghèo đô thị	56
Tác động đến người nghèo bản xứ	56
Tác động đến người nghèo nhập cư	57
Tác động đến người nghèo ngoại thành	62
PHẦN 4. KẾT LUẬN: HƯỚNG TỚI GIẢI NGHÈO ĐÔ THỊ	65



LỜI TỰA ¹

Đầu năm 2007, Việt Nam chính thức là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Điều này sẽ mang đến nhiều cơ hội cho Việt Nam, nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức, đặc biệt trong việc đảm bảo chia sẻ lợi ích gia nhập WTO tới mọi người dân, bao gồm cả nhóm người nghèo và dễ bị tổn thương.

Trong bối cảnh này, ActionAid Việt Nam, Oxfam Anh và Oxfam Hồng Kông, những tổ chức làm việc lâu năm hỗ trợ người nghèo và thiệt thòi nhất ở Việt Nam, cùng với các đối tác địa phương, đã tiến hành thực hiện sáng kiến 'Theo dõi nghèo theo phương pháp cùng tham gia từ đầu năm 2007.

Sáng kiến này nhằm mục đích theo dõi hàng năm các kết quả giảm nghèo, gắn với những thay đổi về sinh kế và tiếp cận thị trường của người nghèo và dễ bị tổn thương tại một số cộng đồng điển hình trên cả nước. Chúng tôi mong muốn đóng góp các khuyến nghị cho thảo luận chính sách tại cấp quốc gia, cũng như cho việc điều chỉnh và thiết kế các chương trình của ActionAid và Oxfam tại Việt Nam.

Chúng tôi hy vọng Quý vị sẽ tìm thấy những điều bổ ích và thú vị trong báo cáo tổng hợp theo dõi nghèo năm thứ nhất này.

Thay mặt Oxfam Anh

Steve Price Thomas
Giám đốc

Thay mặt Action Aid Việt Nam

Phan Văn Ngọc
Giám đốc

¹ Nghiên cứu này có sự đóng góp của nhiều tổ chức và cá nhân. Tuy nhiên, các ý kiến, quan điểm, kết luận, và đề xuất trình bày trong nghiên cứu này không nhất thiết là quan điểm chính sách của Oxfam, AAV hay tổ chức và nhà nghiên cứu nào có tài liệu được trích dẫn trong báo cáo này.





LỜI CẢM ƠN

Báo cáo tổng hợp về theo dõi nghèo đô thị này là nỗ lực tập thể, và không thể hoàn thành nếu thiếu sự đóng góp quan trọng của rất nhiều người.

Chúng tôi xin cảm ơn lãnh đạo và cán bộ của các tổ chức ActionAid Việt nam (AAV), Oxfam Anh và Oxfam Hồng Kông và đã cho những ý kiến quý báu trong suốt các bước thiết kế, triển khai thực địa, hội thảo và viết báo cáo. Một số cán bộ của AAV và Oxfam đã trực tiếp tham gia các chuyến thực địa, đóng góp những kiến thức và kinh nghiệm hữu ích về phương pháp và nội dung nghiên cứu.

Chúng tôi xin cảm ơn sự cho phép và tạo điều kiện thuận lợi của UBND, các sở ban ngành liên quan ở cấp thành phố và cấp quận, huyện nơi tiến hành đợt theo dõi nghèo đô thị này. Chúng tôi xin cảm ơn các thành viên Nhóm nông cốt ở thành phố Hải Phòng và quận Gò Vấp (TP.HCM) gồm cán bộ sở ban ngành, các tổ chức đoàn thể ở cấp tỉnh và quận, huyện, các cán bộ phường, xã đã phối hợp chặt chẽ, dành nhiều thời gian và nỗ lực để hoàn thành công tác thực địa và viết báo cáo theo dõi nghèo của từng điểm quan trắc. Chúng tôi xin đặc biệt cảm ơn các cán bộ khu phố, tổ dân phố, thôn xóm đã cùng đi và hỗ trợ tích cực công tác thực địa. Sự tham gia tích cực và điều phối nhịp nhàng của các đối tác địa phương của AAV gồm Trung tâm vì người lao động nghèo (CWR) trực thuộc LĐLĐ thành phố Hải Phòng và Ban quản lý chương trình phát triển trực thuộc UBND quận Gò Vấp (TP.HCM) là không thể thiếu để đợt theo dõi nghèo đô thị này được thực hiện thành công.

Cuối cùng, chúng tôi xin bày tỏ những lời cảm ơn chân thành nhất tới những người dân nghèo nam và nữ, những thanh niên và trẻ em tại các tổ dân phố, thôn xóm đã dành thời gian chia sẻ những thuận lợi và khó khăn trong đời sống, những nhận xét, dự định và mong muốn trong tương lai của mình thông qua các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu. Nếu không có sự tham gia tích cực của họ, đợt theo dõi nghèo này không thể thực hiện được.

Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của mọi người quan tâm². Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Nhóm tư vấn công ty Trường Xuân (Ageless)
Hoàng Xuân Thành (Trưởng nhóm)
Đinh Thị Thu Phương
Phạm Việt Sơn
Hà Mỹ Thuận
Đinh Thị Giang

² Các ý kiến đóng góp có thể gửi cho: anh Hoàng Xuân Thành, Trưởng nhóm tư vấn, Giám đốc công ty Trường Xuân (Ageless): (04) 39434478 (văn phòng), 091 334 0972 (di động), email: thanhhx@gmail.com; chị Vũ Thị Quỳnh Hoa, Cán bộ chủ đề Quản trị Nhà nước, ActionAid Việt Nam, (04) 39439866, máy lẻ 126, email: hoa.vuthiquynh@actionaid.org; và chị Lê Kim Dung, Điều phối viên Chương trình, Oxfam Anh, (04) 39454362, máy lẻ 141, email: lkdung@oxfam.org.uk.



TỪ VIẾT TẮT

AAV	ActionAid Việt Nam
BHYT	Bảo hiểm Y tế
CLB	Câu lạc bộ
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
CWR	Trung tâm vì người lao động nghèo
HĐND	Hội đồng Nhân dân
HP	Hải Phòng
LĐLĐ	Liên đoàn Lao động
LĐ-TBXH	Lao động và Thương binh Xã hội
NHCS	Ngân hàng Chính sách Xã hội
NN-PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
PRA	Đánh giá nông thôn có sự tham gia
SCUK	Tổ chức cứu trợ trẻ em Anh
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
UBND	Ủy ban Nhân dân
VHLSS	Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
XĐGN	Xóa đói Giảm nghèo



TÓM LƯỢC

Sáng kiến theo dõi nghèo đô thị

Sáng kiến theo dõi nghèo đô thị do AAV và Oxfam phối hợp với các đối tác địa phương thực hiện tại 5 phường thuộc thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh trong tháng 5-7/2008. Tại mỗi địa phương, một Nhóm nòng cốt theo dõi nghèo gồm đại diện các cơ quan ban ngành đã được thành lập. Các thông tin thu được dựa trên kết quả các cuộc thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu với sự tham gia của 537 người và phỏng vấn phiếu hỏi 120 công nhân nhập cư.

Tổng quan về nghèo đô thị

Xu hướng trên cả nước là tỷ lệ nghèo đô thị còn rất thấp, nhưng đã chứng lại, thậm chí tăng nhẹ một số điểm từ năm 2006. Diễn biến tỷ lệ nghèo tại các điểm quan trắc cũng phù hợp với xu hướng chung, với tỷ lệ nghèo tăng nhẹ năm 2008. Nghèo càng khó giảm thêm khi đã "đi dần vào lõi". Giá 'cánh kéo' (giá đầu vào tăng cao hơn giá đầu ra), việc làm không ổn định và dòng di chuyển đến là nguyên nhân chính khiến việc tiếp tục giảm nghèo đô thị gặp khó khăn. Tỷ lệ nghèo thấp còn do chuẩn nghèo đô thị dùng cho năm 2008 không còn phù hợp với giá cả tăng cao trong hai năm vừa qua. Nếu tăng chuẩn nghèo lên 50% và được áp dụng ở một số thành phố như dự kiến cho khảo sát nghèo năm 2009, ước tính số hộ nghèo có thể tăng gấp hai hoặc ba lần.

Tuy nhiên, các số liệu hiện nay chưa phản ánh đúng tính trạng nghèo đô thị do chưa tính đến những người nhập cư. Nhiều hộ nhập cư thuộc diện nghèo và cận nghèo, nhưng hiện nay không có số liệu thống kê nào về nhóm nghèo này. Lý do là các cuộc điều tra nghèo chính thức thường không xét đến những người nhập cư không có hộ khẩu ở nơi đến, kể cả khi họ đã cư trú ổn định nhiều năm.

Hộ nghèo bản xứ còn rất ít và có những khó khăn đặc thù. Nhóm người bản xứ sống bằng lương hưu, trợ cấp xã hội thường rơi vào nhóm cận nghèo. Đời sống của người nghèo bản xứ đã có sự cải thiện đáng kể so với 4-5 năm trước. Tuy nhiên khoảng cách giàu - nghèo ngày càng tăng mạnh tại khu vực đô thị.

Có một dòng di chuyển ngược tâm của người nghèo bản xứ từ các khu vực trung tâm ra các khu ngoại vi do không hòa nhập được với cuộc sống đô thị. Tại các khu ngoại vi, người nghèo thường tập trung ở những nơi có cơ sở hạ tầng còn yếu kém và bấp bênh về sở hữu đất đai, hình thành các "ổ cụm" nghèo. Những người bản xứ thực sự nghèo khó tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi. Rất ít người nghèo tham gia chương trình dạy nghề miễn phí.

Người nghèo nhập cư gồm 2 nhóm chính: nhóm làm các công việc chính thức và nhóm làm các công việc phi chính thức. Người nhập cư thường di chuyển theo nhóm, tập trung tại các phường mới đô thị hóa. Thực tế, người nhập cư đang đóng góp hiệu quả vào sự phát triển kinh tế xã hội ở nơi họ đến.

Các chính sách ban hành theo tinh thần của Luật Cư trú mới đã thể hiện quan điểm cởi mở hơn với người nhập cư. Nhưng rất ít người nhập cư đủ điều kiện được cấp hộ khẩu. Giáo dục cấp 2, cấp 3 đối với trẻ em nhập cư còn rất khó khăn. Nhóm nghèo nhập cư cũng không tiếp cận được với các dịch vụ xã hội và các chính sách hỗ trợ dành cho hộ nghèo tại khu vực đô thị. Đang thiếu các chính sách bảo trợ xã hội cho người nhập cư trong bối cảnh đô thị hóa.

Công tác quản trị địa phương hướng tới giảm nghèo đô thị đang gặp những thách thức lớn về nhân sự, ngân quỹ và cơ sở vật chất. Việc nắm bắt, giải quyết các bức xúc của người dân còn chậm, nhất là ở các địa bàn tách biệt. Việc rà soát hộ nghèo hàng năm ở cấp cơ sở còn hạn chế. Mâu thuẫn giữa văn minh đô thị và sinh kế người nghèo chưa được giải quyết thấu đáo theo hướng có lợi cho người nghèo. Nhiều vấn đề giải tỏa đền bù và quy hoạch treo ở khu vực đô thị liên quan đến đời sống người nghèo chưa được giải quyết dứt điểm.



Tính dễ bị tổn thương của một số nhóm xã hội đặc thù

Công nhân nhập cư đa số còn trẻ, chưa lập gia đình, nữ đông hơn nam, đến từ các gia đình làm nông nghiệp. Kinh tế là lý do di cư chính, nhưng lớp trẻ có tâm lý thoát ly nông thôn để trải nghiệm môi trường sống mới. Công nhân nhập cư phải chịu giá phòng trọ tăng, giá điện nước cao, trong khi nơi ở chật hẹp thiếu tiện nghi, điều kiện vệ sinh môi trường không đảm bảo. Thời gian và điều kiện giải trí, tham gia các hoạt động xã hội của công nhân rất hạn chế. Điều kiện làm việc nhiều nơi không đảm bảo. Công nhân nhập cư thường tự đi mua thuốc chữa bệnh hơn là trông vào y tế nhà máy hay BHYT.

Công nhân nhập cư có xu hướng chuyển chỗ làm việc nhanh chóng. Tình trạng không ký hợp đồng lao động chủ yếu xảy ra ở khu vực tư nhân. Làm tăng giờ, tăng ca là cách chính để công nhân có thêm thu nhập, có tiền tiết kiệm gửi về quê. Tuy nhiên, thu nhập thường không ổn định do thiếu việc làm, đau ốm hoặc chuyển sang việc khác. Khi giá cả tăng công nhân nhập cư phải tiết kiệm tối đa mọi chi phí, và tiền gửi về nhà bị giảm mạnh thậm chí không còn tiền gửi về nhà.

Người buôn bán nhỏ đa số là phụ nữ ở nhiều lứa tuổi, kinh doanh đủ loại mặt hàng với số vốn nhỏ. Nhà nghèo, trình độ hạn chế và vốn ít là lý do của đa số người chọn nghề buôn bán nhỏ. Thu nhập của người buôn bán nhỏ không ổn định, chịu ảnh hưởng lớn của giá cả tăng cao, thời tiết bất thường và các đợt dịch bệnh. Biến động giá cả trong năm 2008 khiến nhiều mặt hàng có lượng bán giảm đi. Chính sách tăng cường quản lý đô thị mâu thuẫn với sinh kế của người bán hàng rong nghèo.

Người chạy xe ôm hầu hết là nam giới trung niên, đã có gia đình, không có tay nghề, điều kiện kinh tế khó khăn. Thu nhập từ chạy xe ôm không ổn định, tiền tiết kiệm hàng tháng không đáng kể. Chạy xe ôm gặp nhiều rủi ro, như phải cạnh tranh với các phương tiện giao thông công cộng, thời tiết bất thường, giá xăng tăng cao và kém an toàn nơi vắng người. Khói bụi ô nhiễm có thể gây ra các vấn đề về sức khỏe.

Tác động của giá cả đến đời sống, sinh kế người nghèo đô thị

Giá các mặt hàng lương thực và thực phẩm tăng mạnh nhất trong nửa đầu năm 2008. Sang nửa cuối 2008 giá lương thực, thực phẩm đã giảm nhẹ, nhưng vẫn cao hơn nhiều cùng kỳ năm trước. Giá “cánh kéo” khiến cho sức mua của người nghèo và cận nghèo giảm sút.

Người về hưu, mất sức, đối tượng bảo trợ xã hội đang phải vật lộn với chi phí cuộc sống tăng. Tích lũy không có, họ càng dễ bị tổn thương khi gặp rủi ro khác nhất là về sức khỏe. Họ đành phải xoay sở các nghề khác nhau, tiết kiệm chi tiêu tối đa. Cách đi chợ cũng phải thay đổi để mua được đồ rẻ. Các chi phí “hiếu hỷ” cũng được cắt giảm tối đa. Những người đứng tuổi, sức khỏe có hạn phải đối mặt với nguy cơ mất việc làm, không còn nguồn thu để trang trải cuộc sống. Các cơ sở bảo trợ xã hội cũng gặp rất nhiều khó khăn trong cơn bão giá.

Người nghèo và cận nghèo nhập cư chịu tác động mạnh nhất của giá cả tăng. Thu nhập của công nhân nhập cư chỉ tăng nhẹ trong khi giá cả tăng mạnh. Họ đang phải tìm mọi cách giảm chi tiêu, như cắt giảm các chi phí giải trí, mua sắm đến cắt giảm chi phí bữa ăn và chuyển phòng trọ ra vùng ngoại vi có giá rẻ hơn. Phần tiết kiệm và gửi tiền về nhà - mục đích chính của người nhập cư, cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tình trạng công nhân bỏ việc ở thành phố về quê hoặc bỏ doanh nghiệp để tìm việc khác đang gia tăng. Người nhập cư làm các công việc phi chính thức đã phải giảm chi tiêu nhưng vẫn không có tích lũy. Cách chống đỡ phổ biến của nhóm này là tăng thời gian lao động.

Ở vùng ngoại thành, xu hướng “bỏ ruộng” (cho người khác cấy) đang gia tăng. Thu nhập làm ruộng thấp so với làm nghề thủ công hoặc đi làm ăn xa là nguyên nhân chính dẫn đến “bỏ ruộng”. Người làm nghề thủ công cũng chịu thu nhập tăng chậm hơn so với giá lương thực, thực phẩm.

Giá cả tăng cao đang làm tăng mối liên kết nông thôn - thành thị, “nghèo đô thị đang phải nhờ vào nghèo nông thôn, và ngược lại”. Biến động giá cả gây tác động dây chuyền và qua lại giữa người lao động, người cung cấp dịch vụ và doanh nghiệp. Người cung cấp dịch vụ cho người nghèo cũng gặp khó khăn do lượng bán giảm sút. Nhiều doanh nghiệp phải giảm công nhân, giảm giờ làm hoặc chuyển một số công đoạn về các vùng nông thôn.



Trong cơn “bão giá”, dòng người nhập cư đến các đô thị lớn có thể sẽ tăng chậm lại hoặc thậm chí giảm do mức lương thấp, chi phí cuộc sống ở đô thị quá cao, điều kiện làm việc khắc nghiệt trong các nhà máy, nhiều nơi ở nông thôn giờ cũng có cơ hội việc làm. Người nghèo nhập cư có thể sẽ dần dần ra khỏi các khu trung tâm đô thị lớn. Các đô thị nhỏ hơn có thể sẽ là điểm đến ưa thích của nhiều người nhập cư trong thời gian tới.

Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính - kinh tế thế giới từ nửa cuối năm 2008, các doanh nghiệp hướng về xuất khẩu sẽ gặp nhiều khó khăn, càng gây áp lực về thiếu việc làm, giảm thu nhập lên công nhân, trong đó dòng người nhập cư sẽ tiếp tục chịu những tác động mạnh nhất. Đây là chủ đề cần tiếp tục theo dõi trong thời gian tới.

Một số đề xuất thảo luận

Một số gợi ý thảo luận chính sách nhằm hướng tới giảm nghèo đô thị thực sự hiệu quả trong thời gian tới được rút ra từ đợt khảo sát này như sau:

1. **Nhận diện đúng tình trạng nghèo đô thị:** Giảm nghèo đô thị không thể thực hiện hiệu quả nếu không nhận diện đúng qui mô và vai trò của dòng người nhập cư trong bức tranh nghèo. Bổ sung các số liệu, đánh giá về nhóm người nhập cư tại các khu vực đô thị và tình trạng nghèo trong nhóm này sẽ giúp các cơ quan quản lý các tiện ích cơ sở hạ tầng (điện, nước), cung cấp dịch vụ xã hội (giáo dục, y tế) và dịch vụ bảo trợ xã hội (giải quyết việc làm, hỗ trợ người nghèo, các nhóm xã hội đặc thù) có đầy đủ dữ liệu để hoạch định các kế hoạch ngân sách, kế hoạch đầu tư của mình nhằm đáp ứng các nhu cầu bức thiết của cả người nghèo bản xứ và người nghèo nhập cư.
2. **Điều chỉnh chuẩn nghèo đô thị:** chuẩn nghèo đô thị cần phản ánh đúng chi phí cho các nhu cầu thiết yếu về lương thực - thực phẩm và phi lương thực - thực phẩm trong bối cảnh giá cả tăng cao trong 2 năm gần đây. Nâng chuẩn nghèo sẽ cần có thêm ngân sách để hỗ trợ nhóm cận nghèo hiện nay. Cách làm của thành phố Hồ Chí Minh dự kiến tăng gấp đôi chuẩn nghèo (thu nhập dưới 12 triệu đồng/năm/người khu vực thành thị, 10 triệu đồng/năm/người khu vực nông thôn) từ đầu năm 2009 thể hiện cách tiếp cận này³. Tuy nhiên tại các đô thị khác ví dụ như thành phố Hải Phòng vẫn giữ chuẩn nghèo thấp theo mức chung của cả nước (thu nhập dưới 260.000 đồng/tháng/người khu vực thành thị, 200.000 đồng/năm/người khu vực nông thôn) do những khó khăn về cân đối ngân sách hỗ trợ hộ nghèo. Không chỉ là nâng chuẩn nghèo, mà quan trọng hơn là cần có một cơ chế điều chỉnh thường xuyên các chính sách hỗ trợ hộ nghèo và chính sách bảo trợ xã hội cho phù hợp với mức lạm phát hàng năm.
3. **Chương trình hỗ trợ các nhóm bất lợi đặc thù:** Cần có sự phân biệt giữa nhóm nghèo nói chung và nhóm nghèo nhất gặp những bất lợi đặc thù, dựa trên nguyên tắc phân loại hộ nghèo theo đặc điểm và nguyên nhân nghèo để triển khai các chính sách hỗ trợ phù hợp. Cách làm của thành phố Hồ Chí Minh tách các nhóm nghèo gặp bất lợi đặc thù ra khỏi chương trình hỗ trợ sinh kế cho người nghèo để có những chính sách hỗ trợ riêng về bảo trợ xã hội ("lưới an toàn") cho các nhóm đặc thù này rất đáng tham khảo cho các tỉnh, thành phố khác. Cũng cần đánh giá lại toàn diện các mô hình hỗ trợ các nhóm đặc thù hiện nay do nhiều chương trình, dự án đang tiến hành.
4. **Đầu tư, hỗ trợ đồng bộ để xóa các "ổ cụm" nghèo:** tại các vùng giáp ranh ven đô, trong các hẻm sâu, các địa bàn tách biệt tại các thành phố lớn còn tồn tại những "ổ cụm" nghèo - tập trung đông người nghèo đang gặp nhiều khó khăn về cơ sở hạ tầng, sử dụng đất đai, về đời sống và sinh kế. Cần có sự vào cuộc của các cơ quan ban ngành với sự đầu tư và hỗ trợ đồng bộ, dựa trên sự tham gia tích cực của người dân và thúc đẩy các thiết chế cộng đồng, để tiến tới xóa các ổ cụm nghèo này, cũng là nhằm góp phần cải thiện vệ sinh môi trường và an ninh trật tự đô thị.
5. **Cần nhắc kỹ việc hỗ trợ sinh kế người nghèo khi thực hiện các chính sách quản lý đô thị:** Các chính sách quản lý đô thị thường có mâu thuẫn với sinh kế của người nghèo (ví dụ

³ Tại thành phố Hà Nội, sau khi sát nhập với tỉnh Hà Tây, đã áp dụng chuẩn nghèo mới từ đầu năm 2009 là thu nhập dưới 500.000 đồng/người/tháng tại khu vực thành thị và thu nhập dưới 330.000 đồng/người/tháng tại khu vực nông thôn.



các chính sách cấm/hạn chế bán hàng rong, cấm xe tự chế tại khu vực nội thị sẽ khiến một bộ phận người nghèo gặp khó khăn về kế sinh nhai). Khi triển khai các chính sách quản lý đô thị cần nghiên cứu kỹ tác động đến sinh kế người nghèo, trực tiếp tham vấn những người bị ảnh hưởng để có biện pháp hỗ trợ phù hợp và hiệu quả.

6. **Cải thiện quản trị địa phương hướng tới giảm nghèo:** Vai trò của các phường rất quan trọng trong các nỗ lực giảm nghèo đô thị. Cùng với tiến trình cải cách chính quyền đô thị đang tiến hành (ví dụ, chương trình thí điểm bỏ HĐND cấp quận, huyện và phường tại 10 tỉnh thành trong cả nước), cần nâng cao năng lực cán bộ, tăng cường cơ sở vật chất và phân cấp, phân quyền về ngân sách để cấp phường, xã thực sự là đầu tàu trong việc thực thi các biện pháp hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn. Cần lưu ý đến việc minh bạch thông tin, giải quyết các bức xúc về giải tỏa đền bù và qui hoạch treo... trong các nỗ lực giảm nghèo. Xây dựng chương trình giảm nghèo ở từng phường, xã với sự tập trung chỉ đạo quyết liệt và sự vào cuộc của tất cả các ban ngành địa phương.
7. **Nâng cao vai trò của công đoàn trong hỗ trợ công nhân nhập cư:** Hiện nay công nhân nhập cư thường dựa vào mạng lưới xã hội phi chính thức của mình để đương đầu với khó khăn. Công nhân nhập cư đang rất cần được giúp đỡ, và Công đoàn có thể làm được nhiều việc nếu phát huy được vai trò đại diện và cầu nối thực sự của mình. Có những nhu cầu của công nhân nhập cư về phía Công đoàn có thể chủ động thực hiện (như tập huấn, truyền thông về pháp luật lao động, kiến thức chăm sóc sức khỏe, phòng chống HIV/AIDS...). Còn nhiều nhu cầu khác (như cải thiện điều kiện sống và làm việc, nâng cao tay nghề...), Công đoàn có thể giúp được nếu phát huy được vai trò đại diện và cầu nối giữa người lao động với chủ doanh nghiệp, với chính quyền và các tổ chức đoàn thể tại địa phương.



GIỚI THIỆU

Mục tiêu của Báo cáo

Việt Nam đã thay đổi nhanh chóng trong vòng 25 năm qua. Từ chỗ là một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo trong những năm gần đây. Năm 1993, có gần 60% dân số Việt Nam ở diện nghèo. Theo Báo cáo Phát triển Việt Nam năm 2008 thì tỷ lệ này đã giảm xuống còn 16% vào năm 2006.

Trong giai đoạn 2006-2010, Chính phủ Việt Nam sẽ thực hiện hàng loạt các chính sách cải cách sâu sắc, toàn diện nhằm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển và giúp những hộ gia đình nghèo còn lại thoát nghèo. Việc trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào đầu năm 2007 đánh dấu sự hội nhập đầy đủ của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. Bối cảnh đang thay đổi rất nhanh sẽ mang lại nhiều cơ hội cũng như thách thức cho người dân Việt Nam, đặc biệt là nhóm người nghèo ở cả khu vực nông thôn và thành thị.

Trước những thay đổi nhanh chóng và sâu sắc mà Việt Nam sẽ trải qua trong một vài năm tới, một nhóm các tổ chức phi Chính phủ quốc tế đã quyết định cùng hợp tác trong việc theo dõi những thay đổi này cũng như tác động của chúng. Các tổ chức phi chính phủ này gồm ActionAid Việt Nam, Oxfam Anh và Oxfam Hồng Kông đã phối hợp với các đối tác địa phương tại những tỉnh và thành phố mà các tổ chức có chương trình hỗ trợ để xây dựng một mạng lưới theo dõi nghèo theo phương pháp cùng tham gia nhằm mục tiêu:

“Tiến hành theo dõi định kỳ tình trạng nghèo của các nhóm dễ bị tổn thương tại một số cộng đồng dân cư điển hình, trong bối cảnh gia nhập WTO cùng với các chính sách cải cách của Chính phủ đến năm 2010, nhằm cung cấp các phân tích và đề xuất cho thảo luận chính sách cũng như việc thực hiện các chương trình, dự án của Oxfam, AAV và các đối tác”.

Mục đích của việc theo dõi nghèo hàng năm là:

- Cung cấp các thông tin nghiên cứu định tính hữu ích về tình trạng nghèo và phát triển nhằm bổ sung cho các số liệu thống kê và điều tra nghèo thu thập từ các nguồn khác, ví dụ như của nhà nước và các tổ chức.
- Xây dựng một mạng lưới quan trắc “cảnh báo sớm” nhằm xác định những tác động bất lợi đối với người nghèo và dễ bị tổn thương trong bối cảnh gia nhập WTO.
- Nâng cao năng lực địa phương và thúc đẩy sự tham gia của người dân vào quá trình theo dõi nghèo phục vụ công tác giảm nghèo một cách hiệu quả và công bằng.

Mạng lưới theo dõi nghèo nông thôn tại 09 tỉnh trên cả nước đã được triển khai từ năm 2007 và báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát trong năm 2007 đã được ấn hành⁴.

Mạng lưới theo dõi nghèo đô thị được triển khai từ năm 2008 tại thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh. Báo cáo này trình bày kết quả theo dõi nghèo đô thị theo phương pháp cùng tham gia tại thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2008.

Phương pháp nghiên cứu

Địa điểm khảo sát

Do điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm của tình trạng nghèo có sự khác nhau giữa các quận nội thành, các quận ven đô thị hóa và các huyện ngoại thành, đồng thời dựa vào quan hệ làm việc sẵn có của AAV với đối tác địa phương, các địa điểm tiến hành theo dõi nghèo đô thị được lựa chọn như sau:

⁴ Xem Báo cáo “Theo dõi nghèo theo phương pháp cùng tham gia tại một số cộng đồng dân cư nông thôn Việt Nam: Báo cáo tổng hợp năm 2007” do Oxfam Anh, Oxfam Hồng Kông và Action Aid Việt Nam ấn hành, tháng 11/2008.



- **Thành phố Hải Phòng:** theo dõi nghèo được tiến hành tại ba (03) phường xã, gồm một phường thuộc khu vực quận nội thành Lê Chân, một phường thuộc khu vực quận ven đô thị hóa Kiến An và một xã thuộc khu vực huyện ngoại thành An Lão.
- **Thành phố Hồ Chí Minh:** theo dõi nghèo được tiến hành tại hai (02) phường thuộc quận ven đô thị hóa Gò Vấp.

Trong mỗi phường hoặc xã, hai (02) tổ dân phố hoặc thôn xóm được lựa chọn để tiến hành theo dõi nghèo. Như vậy, tổng cộng có 5 phường/xã và 10 tổ dân phố/thôn xóm tham gia vào mạng lưới nghèo đô thị trong năm 2008. Các phường/xã và tổ dân phố/thôn xóm được lựa chọn không nhất thiết phải có chương trình phát triển của AAV/Oxfam.

Mục tiêu của mạng lưới theo dõi nghèo không nhằm đưa ra các số liệu thống kê mang tính đại diện, mà nhằm cung cấp các minh chứng định tính và ý kiến chia sẻ của người dân phục vụ cho thảo luận chính sách và xây dựng các chương trình phát triển. Do vậy, các điểm quan trắc được lựa chọn có mục đích, mang tính điển hình về tình trạng nghèo đô thị, đồng thời thể hiện được sự đa dạng giữa các điểm quan trắc (Xem Bảng 1).

BẢNG 1. Mạng lưới quan trắc nghèo đô thị

Phường / xã	Quận/ huyện	Thành phố	Vị trí địa lý	Tổng diện tích đất (ha)	Tổng số hộ gia đình (hộ)	Tổng số nhân khẩu (người)	Trong đó, số người thuộc diện KT3	Số người thuộc diện KT4 (ước tính)	Tỷ lệ hộ nghèo điều tra cuối 2007 ⁵ (%)
Niệm Nghĩa	Lê Chân	Hải Phòng	Nội đô	56	2985	11658	72	265	1,03
Lãm Hà	Kiến An	Hải Phòng	Ngoại vi đô thị hóa	175	2853	12076	595	667	0,93
An Thái	An Lão	Hải Phòng	Nông thôn ngoại thành	576	1980	7865	11	0	11,2
Phường 6	Gò Vấp	TP. HCM	Ngoại vi đô thị hóa	165	3209	22357	3341	8909	0
Phường 17	Gò Vấp	TP.HCM	Ngoại vi đô thị hóa	117	6851	45669	6210	16804	0,11

NGUỒN: Phiếu thông tin cấp phường/xã, số liệu đến cuối năm 2007

Nhóm nòng cốt thực hiện theo dõi nghèo

Một nhóm nòng cốt về theo dõi nghèo của từng quận/huyện được thành lập bao gồm 15-20 người:

- Đại diện các đối tác địa phương của chương trình AAV trên địa bàn, như Trung tâm vì người lao động nghèo (CWR) tại TP. Hải Phòng và Ban quản lý chương trình phát triển tại quận Gò Vấp - TP. HCM.
- Đại diện một số cơ quan cấp thành phố (riêng tại Hải Phòng) như Sở LĐ&TBXH, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Liên đoàn Lao động.
- Đại diện một số cơ quan cấp quận/huyện như phòng LĐ&TBXH, phòng NN&PTNT, phòng Tài chính-Kế hoạch, phòng Tài nguyên-Môi trường, Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Liên đoàn Lao động
- Đại diện từ các phường/xã, tổ dân phố/thôn xóm được lựa chọn tiến hành khảo sát.

Nhóm nòng cốt có trách nhiệm trực tiếp tiến hành các công việc theo dõi tình trạng nghèo đô thị tại các điểm quan trắc trên địa bàn mình, từ khâu tổ chức, triển khai thu thập thông tin và viết báo cáo thực địa. Nhóm nòng cốt được sự hỗ trợ kỹ thuật của Nhóm tư vấn công ty Trường Xuân (Ageless) và cán bộ chương trình AAV, Oxfam.

⁵ Chuẩn nghèo hiện hành của TP. Hải Phòng là thu nhập đầu người dưới 260.000 đồng/tháng/người. Chuẩn nghèo hiện hành của TP. Hồ Chí Minh là thu nhập đầu người dưới 500.000 đồng/tháng/người.



Khung theo dõi nghèo đô thị

Sáng kiến theo dõi nghèo theo phương pháp cùng tham gia này sẽ tiếp nối các thông tin về nghèo đô thị được nêu trong các báo cáo trước đây⁶, do đó sẽ không lặp lại các mô tả về đặc điểm cơ bản của nghèo đô thị, mà cố gắng cập nhật thông tin và phân tích sâu hơn về tính dễ bị tổn thương của các nhóm nghèo đô thị, nhất là nhóm nghèo nhập cư. Các nhóm nòng cốt đã xây dựng Khung theo dõi nghèo đô thị gồm 3 chủ đề chính liên kết với nhau. Báo cáo theo dõi nghèo đô thị được lập dựa trên 3 chủ đề chính này.

Chủ đề 1. Tổng quan về nghèo đô thị: diễn biến nghèo, các thách thức giảm nghèo, tính đa dạng và đa chiều của nghèo đô thị và phản hồi của người dân về các chính sách liên quan. Chủ đề này nhằm cung cấp một bức tranh tổng quan về nghèo đô thị tại các địa bàn khảo sát thông qua tiếng nói của người dân và cán bộ cơ sở, qua đó xác định các vấn đề mới nổi liên quan đến nghèo đô thị trong bối cảnh mới.

Chủ đề 2. Tính dễ bị tổn thương của các nhóm xã hội đặc thù tại khu vực đô thị: tính dễ bị tổn thương là một đặc trưng chủ đạo của nghèo đô thị, liên quan đến các nhóm xã hội đặc thù, thường làm việc trong khu vực phi chính thức và công nhân nhập cư. Chủ đề này tìm hiểu sâu về đặc điểm, điều kiện sống, kế sinh nhai, mức sống, tính dễ bị tổn thương của các nhóm đặc thù tại khu vực đô thị, nhằm cung cấp một số nghiên cứu trường hợp điển hình liên quan đến các nhóm dễ bị tổn thương tại khu vực đô thị hiện nay.

Chủ đề 3. Ảnh hưởng của biến động giá cả đến đời sống người nghèo đô thị: diễn biến giá cả lương thực, thực phẩm và các chi phí sinh hoạt, tác động của biến động giá cả đến đời sống và sinh kế của người nghèo đô thị, cách người nghèo đối phó với tình trạng tăng giá. Chủ đề chuyên sâu này (chỉ thực hiện trong năm 2008, các năm sau sẽ thay bằng chủ đề khác) nhằm cung cấp minh chứng từ các điểm quan trắc về tác động (bất lợi) của biến động giá cả đến người nghèo đô thị - một vấn đề nhận được sự quan tâm rộng rãi hiện nay.

Khảo sát thực địa

Vòng theo dõi nghèo đô thị đầu tiên được diễn ra từ tháng 5/2008 đến tháng 7/2008. Thời gian khảo sát thực địa theo phương pháp cùng tham gia tại mỗi phường/xã trong khoảng 1 tuần ngày. Các công cụ thu thập số liệu chính là:

Thảo luận nhóm: với các thông tin viên chính trong phường/xã, tổ dân phố/thôn xóm và với người dân nam/nữ, trẻ em nghèo và các nhóm xã hội đặc thù trên địa bàn (người hành nghề xe ôm, buôn bán nhỏ, lao động tự do, người bị nhiễm HIV/AIDS...) sử dụng các công cụ PRA như phân loại hộ (phân loại giàu-nghèo), đường thời gian, liệt kê và xếp hạng, sơ đồ phân tích sinh kế, biểu đồ di chuyển, sơ đồ nhân quả (cây nhân quả)... để hiểu hơn tiểu sử cộng đồng, diễn biến đời sống sinh kế, diễn biến nghèo, biến động giá cả, phản hồi của người dân về các chính sách và chương trình dự án để đẩy mạnh giảm nghèo ở địa phương. Đã thực hiện được **67** cuộc thảo luận nhóm với sự tham gia của **405** người dân và cán bộ cơ sở, trong đó có **182** nam giới và **223** phụ nữ, hầu như tất cả là người Kinh.

Phỏng vấn sâu ghi lại câu chuyện điển hình: phỏng vấn sâu một số hộ nghèo, cận nghèo điển hình (trong đó có các hộ thuộc diện nghèo nhất, phụ nữ làm chủ hộ) tại mỗi tổ dân phố/thôn xóm và một số người thuộc nhóm xã hội đặc thù tại mỗi phường/xã để hiểu sâu hơn quan niệm về nghèo, điều kiện sống, tình trạng dễ bị tổn thương, cách chống đỡ vượt qua khó khăn và phản hồi về chính sách. Đã thực hiện được **106** cuộc phỏng vấn sâu, trong đó có **48** người là nam giới, **58** người là nữ giới.

Phiếu phỏng vấn nhóm công nhân nhập cư: sử dụng một bảng hỏi dành riêng cho nhóm công nhân nhập cư làm việc trong các doanh nghiệp, tập trung vào tìm hiểu thông tin về đặc điểm nhân khẩu, điều kiện làm việc và mức sống. Địa điểm phỏng vấn (chọn mẫu theo phương pháp bắt gặp ngẫu nhiên) tại một số khu nhà trọ công nhân trên địa bàn. Đã hoàn thành được **120** phiếu phỏng vấn công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM). Trong số 120 người trả lời phiếu phỏng vấn có **42** người là nam giới, **78** người là nữ giới.

⁶ Ví dụ, hai báo cáo của SCUUK “Đánh nghèo có sự tham gia của cộng đồng tại thành phố Hồ Chí Minh” thực hiện vào năm 1999 và năm 2003.



Phiếu thông tin: ghi lại các thông tin cơ bản của phường/xã và tổ dân phố/thôn xóm tiến hành khảo sát, diễn biến giá cả lương thực, sản phẩm và vật tư đầu vào chủ yếu. Quan sát trực tiếp và chụp ảnh là công cụ cung cấp các thông tin bổ sung.

Phỏng vấn tác nhân thị trường: đã thực hiện **17** cuộc phỏng vấn các tác nhân thị trường liên quan đến đời sống và sinh kế của người dân (quầy buôn bán/cửa hàng/đại lý/doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, tạp hóa, vật tư nông nghiệp...).

Phỏng vấn cán bộ: Ngoài các công cụ trên đây, chuyến khảo sát còn thực hiện 9 cuộc phỏng vấn cán bộ các ban ngành cấp thành phố và quận/huyện.

Vòng khảo sát thực địa đầu tiên này nhằm thu thập các thông tin nền và xác định những vấn đề mới nổi lên. Các năm tiếp theo sẽ tiến hành khảo sát lặp lại nhằm theo dõi những thay đổi theo thời gian của tình trạng nghèo đô thị tại các điểm quan trắc. Một số đặc điểm chính của 10 tổ dân phố/thôn xóm là các điểm quan trắc trong mạng lưới theo dõi nghèo đô thị được nêu ở Bảng 2.

BẢNG 2. Một số đặc điểm của 10 tổ dân phố/thôn xóm tham gia mạng lưới quan trắc nghèo đô thị

Thành phố	TP. Hải Phòng						TP. Hồ Chí Minh			
Quận/Huyện	Lê Chân			Kiến An		An Lão		Gò Vấp		
Phường/Xã	Niệm Nghĩa			Lãm Hà		An Thái		Phường 6		Phường 17
Tổ dân phố/Thôn xóm	Tổ 1	Tổ 34	Tổ 1	Tổ 30	Tiên Cẩm 1	Tiên Cẩm 2	Tổ 25	Tổ 27	Tổ 48	Tổ 56
Tổng số hộ gia đình (hộ)	51	93	70	106	149	168	59	62	60	61
Trong đó:										
Hộ KT1 ⁷	40	87	20	90	149	168	43	27	46	38
Hộ KT2	11	8	50	16	0	0	14	27	10	12
Hộ KT3	0	0	0	0	0	0	2	8	4	6
Người thuộc diện KT4 (ước tính)	0	60	40	0	0	0	230	205	60	93
Tổng số nhân khẩu (người)	215	301	296	432	449	542	700	470	229	264
Tỷ lệ tăng dân số năm 2007 (%)	1	8	N/A	N/A	1	1	N/A	10	N/A	N/A
Tỷ lệ hộ nghèo cuối 2007 (%)	5,9	5,2	1	2,8	10,1	12,5	0	0	0	0
Tỷ lệ hộ sử dụng nước vôi (%)	100	100	100	100	0	0	0	0	40	0
Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới (%)	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
Tỷ lệ hộ có hố xí tự hoại/bán tự hoại (%)	100	100	100	98	30	30	100	100	100	100
Tỷ lệ hộ sống trong nhà tạm (%)	0	0	0	0	0	0	0	1,16	0	0
Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (%)	0	2	0	0	0	2	0	0	0	2
Số người già cả neo đơn thuộc diện trợ cấp xã hội (người)	2	1	0	0	11	9	0	1	0	1
Số trẻ em mồ côi, hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (em)	6	6	0	0	1	0	0	0	0	0
Số người bị tàn tật (người)	2	3	0	0	4	1	0	0	2	1
Số người nhiễm HIV/AIDS (người)	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0
Số lượng công nhân xí nghiệp ở trợ trên địa bàn (người) – ước tính	0	60	40	0	0	0	200	24	N/A	75

Nguồn: Phiếu thông tin cấp tổ dân phố/thôn xóm, số liệu đến cuối năm 2007
(Chú thích: N/A – không có số liệu)

⁷ KT là cách phân loại hộ gia đình tại các đô thị theo tình trạng cư trú. KT1 là hộ thường trú, có hộ khẩu chính thức trong cùng quận/huyện; KT2 là hộ thường trú, có hộ khẩu ở quận/huyện khác trong cùng thành phố; KT3 là hộ đăng ký tạm trú tại địa phương từ 6 tháng trở lên; KT4 là hộ (hoặc người) cư trú không ổn định, ở nhà trọ, đăng ký tạm trú dưới 6 tháng.





PHẦN 1.

TỔNG QUAN VỀ NGHÈO ĐÔ THỊ

1.1 Diễn biến nghèo đô thị

Tỷ lệ nghèo đô thị thấp nhưng khó giảm thêm

Xu hướng trên cả nước là tỷ lệ nghèo đô thị còn rất thấp, nhưng đã chứng lại, thậm chí tăng nhẹ

Số liệu VHLSS trên toàn quốc cho thấy nghèo tại Việt Nam tiếp tục giảm (Bảng 1). Nghèo nông thôn vẫn duy trì được xu hướng giảm mạnh mẽ mặc dù tốc độ giảm nghèo đã chậm lại trong những năm gần đây. Ngược lại, tỷ lệ nghèo đô thị có vẻ chững lại, thậm chí còn tăng nhẹ trong giai đoạn 2004-2006. Lưu ý rằng khi số lượng người nghèo đô thị trong mẫu điều tra VHLSS quá nhỏ, có thể làm giảm độ tin cậy của các con số thống kê⁸.

BẢNG 3. Tỷ lệ nghèo tại Việt Nam, giai đoạn 1993-2006

	1993	1998	2002	2004	2006
Toàn quốc	58,1	37,4	28,9	19,5	16,0
Khu vực đô thị	25,1	9,2	6,6	3,6	3,9
Khu vực nông thôn	66,4	45,5	35,6	25,0	20,4

Nguồn: Báo cáo phát triển Việt Nam 2006, dựa trên số liệu VHLSS

Diễn biến tỷ lệ nghèo tại các điểm quan trắc cũng phù hợp với xu hướng chung

Diễn biến nghèo tại các điểm quan trắc cũng phù hợp với xu thế chung của cả nước (Bảng 4). Tỷ lệ nghèo tại hầu hết các điểm quan trắc theo chuẩn nghèo của Chính Phủ (thu nhập bình quân đầu người dưới 260.000 đồng/tháng ở Hải Phòng, dưới 500.000 đồng/tháng ở TP.HCM) còn rất thấp - trên dưới 1%. Tỷ lệ nghèo cuối năm 2008 có nơi thậm chí còn tăng nhẹ so với cuối năm 2007.

BẢNG 4. Tỷ lệ hộ nghèo tại các điểm quan trắc, giai đoạn 2005-2008

Phường/xã	Quận/huyện	Thành phố	Vị trí địa lý	Tỷ lệ hộ nghèo theo điều tra cuối năm (%)			
				2005	2006	2007	2008
P. Niệm Nghĩa	Lê Chân	Hải Phòng	Nội đô	3,6	2,9	1,03	1,32
P, Lãm Hà	Kiến An	Hải Phòng	Ngoại vi đô thị hóa	N/A	1,54	0,93	0,68
Xã An Thái	An Lão	Hải Phòng	Nông thôn ngoại thành	14,5	12	11,2	8,92
Phường 6	Gò Vấp	TP.HCM	Ngoại vi đô thị hóa	3,6	2,2	0	0
Phường 17	Gò Vấp	TP.HCM	Ngoại vi đô thị hóa			0,11	0,03

Nguồn: số liệu rà soát hộ nghèo 2005-2008 tại các điểm quan trắc theo chuẩn nghèo mới

Ghi chú: Phường 6 và Phường 17 (quận Gò Vấp) mới chia tách ra từ đầu năm 2007, nên số liệu hộ nghèo các năm 2005 và 2006 là chung cho 2 phường. Phường Lãm Hà tách phường cuối năm 2005 nên không có số liệu hộ nghèo riêng cho năm 2005.

⁸ Báo cáo phát triển Việt Nam 2008 "Bảo trợ Xã hội", Báo cáo chung của các nhà tài trợ tại Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam, Hà nội, 6-7 tháng 12 năm 2007.



Các xã ngoại thành đã mang nhiều dáng dấp của khu vực đô thị, nhưng có tỷ lệ nghèo còn tương đối cao

Riêng tại các xã ngoại thành như xã An Thái (huyện An Lão, Hải Phòng), tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2008 vẫn còn tương đối cao - trên dưới 9%. Các xã ngoại thành này vẫn được coi là khu vực nông thôn trong điều tra hộ nghèo (theo chuẩn nghèo ở khu vực nông thôn là thu nhập đầu người dưới 200.000 đồng/tháng). Tuy nhiên, các xã ngoại thành đã mang nhiều dáng dấp của khu vực đô thị, đời sống và sinh kế đang có sự chuyển đổi theo hướng ngày càng ít dựa vào nông nghiệp, tăng thu nhập từ ngành nghề phi nông nghiệp như nghề thủ công và đi làm ăn xa (đi làm công nhân tại các công ty xí nghiệp, hoặc đi làm buôn bán nhỏ, lao động thủ công theo mùa vụ).

Giá cánh kéo, việc làm không ổn định và dòng di chuyển đến là nguyên nhân chính khiến tỷ lệ nghèo đô thị khó giảm thêm

Cán bộ cơ sở và người dân đưa ra một số lý giải cho tình trạng nghèo không giảm, thậm chí tăng tại các điểm quan trắc. Nghèo ngày càng khó giảm khi đã “đi dần vào lõi” gồm những người nghèo nhất có bất lợi đặc thù. Tác động bất lợi của giá cả trong năm 2008 cũng là một nguyên nhân quan trọng, khiến nghèo khó giảm thêm.

Nghèo đô thị hiện nay diễn biến phức tạp hơn, ở trong tình trạng dễ bị tổn thương hơn nhiều so với nghèo giai đoạn trước. Giá cánh kéo, việc làm không ổn định, thu nhập bấp bênh... làm cho ranh giới nghèo, không nghèo ngày càng trở nên mong manh. Số hộ nghèo – hiểu theo khả năng đáp ứng các nhu cầu cơ bản trong đời sống của hộ - có xu hướng tăng lên tại một số điểm nghiên cứu, do số phát sinh, mới di chuyển đến, hộ cận nghèo hoặc vừa thoát nghèo nay quay trở lại vòng nghèo (xem Hộp 1).

HỘP 1. Nếu điều tra lại thì nghèo đô thị sẽ tăng chứ không giảm

Phường Lãm Hà, quận Kiến An, Hải phòng có hơn 2.800 hộ gia đình, chỉ có 25 hộ nghèo trong danh sách chính thức. Phường ở quận ngoại vi mới đô thị hóa, là nơi các hộ sống trong nội đô chuyển ra hoặc từ các huyện ngoại thành chuyển vào (muốn thoát ly nông nghiệp vào thành phố làm phụ hồ, xích lô) ở vì đất ở đây còn rẻ, nên thực tế số hộ nghèo đông hơn nhiều con số chính thức.

Lãnh đạo phường cho biết, phường hiện có rất đông hộ gia đình không có hộ khẩu tại chỗ (thuộc diện KT3, KT4). Nếu điều tra lại hôm nay thì số hộ nghèo thực tế của Phường sẽ tăng lên khoảng 200-400 hộ. Lý do chính là gia tăng số hộ nghèo từ nơi khác đến. Ngoài ra còn lý do khác là một số hộ bản xứ ở đây bị thu hồi đất nông nghiệp để phát triển doanh nghiệp nay gặp khó khăn (thu hồi 4-5 sào được đền bù 20-30 triệu, nhưng không có tay nghề, học vấn thấp, công ăn việc làm và thu nhập không ổn định).

Chuẩn nghèo đô thị đã lạc hậu

Chuẩn nghèo đô thị giai đoạn 2006-2010 hiện nay không còn phù hợp do giá cả tăng cao

Một lý do dẫn đến tình trạng tỷ lệ nghèo đô thị thấp và khó giảm thêm là chuẩn nghèo hiện nay đã lạc hậu. Chuẩn nghèo của Chính phủ áp dụng cho giai đoạn 2006-2010 là thu nhập dưới 200.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và dưới 260.000 đồng/người/tháng ở khu vực đô thị. Trong bối cảnh giá cả tăng cao, chi phí sinh hoạt ở các đô thị quá đắt đỏ thì chuẩn nghèo này đã không còn phù hợp. Hầu hết người dân và cán bộ cơ sở được phỏng vấn đều cho rằng do chuẩn nghèo hiện nay quá thấp so với mức tăng của giá cả, nên việc giảm tỷ lệ nghèo trong năm qua (nếu có) không phản ánh đúng sự thay đổi đời sống của người nghèo ở từng địa phương, chỉ gọi là “đưa ra khỏi danh sách hộ nghèo” thôi, còn “thực sự đời sống có khá lên không thì chưa biết”. Thời gian vừa qua Chính phủ đã tăng lương tối thiểu cho phù hợp với mức tăng giá cả sinh hoạt. Đề xuất của nhiều cán bộ cơ sở và người dân là tăng chuẩn nghèo theo mức lương tối thiểu.

Mức sống thực tế của "hộ thoát nghèo" cũng bị ảnh hưởng xấu do giá cả tăng

Thực tế, Chính phủ cho phép các tỉnh, thành phố có thể đặt ra chuẩn nghèo của riêng mình, với điều kiện không thấp hơn chuẩn nghèo chung của cả nước. Hiện tại TP.HCM đã đặt ra chuẩn nghèo của riêng mình cao hơn nhiều chuẩn nghèo chung, và dự kiến sẽ tăng tiếp chuẩn nghèo lên gấp đôi từ năm 2009. Trong khi đó TP. Hải Phòng vẫn áp dụng mức chuẩn nghèo chung cho các khu vực đô thị của cả nước (xem Hộp 2).

Các tỉnh, thành phố có thể đặt ra chuẩn nghèo riêng cao hơn chuẩn nghèo chung, nhưng còn phụ thuộc vào nguồn ngân sách hỗ trợ hộ nghèo của địa phương



HỘP 2. Chuẩn nghèo nào là phù hợp tại các đô thị

TP. HCM hiện đang áp dụng chuẩn nghèo thu nhập dưới 500.000 đồng/người/tháng, cao gần gấp đôi so với chuẩn nghèo chung của cả nước ở khu vực đô thị dưới 260.000 đồng/người/tháng. Trong bối cảnh giá cả tăng vọt trong năm 2008, TP.HCM dự kiến sẽ tăng chuẩn nghèo lên gấp đôi, ở mức 1.000.000 đồng/người/tháng. Tại thời điểm giữa năm 2008, Thành phố đã chỉ thị các quận huyện khảo sát nhanh số hộ có mức thu nhập dưới 1 triệu đồng/tháng/người để cân nhắc quyết định áp dụng chuẩn nghèo mới từ đầu năm 2009.

TP. Hải Phòng hiện vẫn sử dụng chuẩn nghèo chung của cả nước áp dụng cho khu vực đô thị là thu nhập dưới 260.000 đồng/người/tháng. Phòng văn lãnh đạo Sở LĐ-TBXH cho biết, sở dĩ Hải Phòng chưa đặt ra chuẩn nghèo riêng cao hơn là do hạn chế trong cân đối ngân sách hỗ trợ hộ nghèo, nhất là về mua thẻ BHYT miễn phí. Tuy nhiên, trong điều kiện giá cả lương thực – thực phẩm và các chi phí khác tăng cao trong năm 2008, Hải Phòng cũng đang cân nhắc phương án tăng chuẩn nghèo riêng của mình thời gian tới.

1.2 Hai nhóm nghèo đô thị: người bản xứ và người nhập cư

Các số liệu nghèo hiện nay chưa phản ánh đúng tính trạng nghèo đô thị, do thường không tính đến những người nhập cư

Các dòng di chuyển lao động nông thôn – thành thị đang diễn ra với qui mô lớn, do đó người nghèo đô thị bao gồm 2 nhóm: nhóm nghèo bản xứ (có hộ khẩu tại thành phố) và nhóm nghèo nhập cư (không có hộ khẩu tại thành phố). Tuy nhiên, các số liệu điều tra nghèo đô thị cho đến nay thường không tính đến những người nhập cư. Tỷ lệ nghèo đô thị rất thấp như ở Bảng 3 và Bảng 4 chỉ bao gồm nhóm nghèo bản xứ, do đó không nêu được bức tranh đầy đủ của nghèo đô thị. Các phát hiện chính trong các phần sau của báo cáo này sẽ bao quát cả 2 nhóm nghèo bản xứ và nghèo nhập cư, qua đó hy vọng sẽ làm rõ thêm bức tranh nghèo đô thị tại 2 thành phố lớn là Hải Phòng và TP.HCM.

Người nghèo bản xứ

Hộ nghèo bản xứ còn rất ít, và thường có những khó khăn đặc thù

Nếu theo chuẩn nghèo chính thức hiện nay thì tại các điểm quan trắc ở Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM) còn rất ít hộ nghèo bản xứ. Điển hình là phường 6 Quận Gò Vấp ở thời điểm khảo sát giữa năm 2008 không còn hộ nghèo bản xứ nào theo chuẩn nghèo thu nhập dưới 500.000 đồng/tháng/người của TP.HCM.

Nhóm người bản xứ sống bằng lương hưu, trợ cấp xã hội thường rơi vào nhóm cận nghèo

Kết quả bài tập phân loại hộ tại các điểm quan trắc (không bao gồm người thuộc diện KT3 và KT4) cho thấy người nghèo bản xứ vẫn có những đặc điểm “truyền thống” như đã được nêu trong nhiều báo cáo khác. Nhóm nghèo nhất trong khu dân cư thường là những người già cả, tàn tật, ốm đau lâu ngày sống nhờ người thân, phụ nữ đơn thân, đông con còn nhỏ, học vấn và tay nghề thấp, chủ yếu làm nghề tự do, buôn bán nhỏ, làm thuê lao động phổ thông việc làm bấp bênh, thu nhập không ổn định (Bảng 5). Ngoài ra, có một số ít người nghèo bị nhiễm HIV/AIDS. Nhóm người về hưu, mất sức (con cái lớn đã tách hộ) sống bằng tiền lương hưu, trợ cấp xã hội hàng tháng ít ỏi, không có thu nhập gì khác, thường được xếp vào nhóm cận nghèo.



BẢNG 5. Đặc điểm chính của nhóm nghèo nhất theo cảm nhận của người dân

Đặc điểm của nhóm nghèo nhất	Khu vực nội đô (P. Niệm Nghĩa, Q.Lê Chân, Hải Phòng)	Khu vực ngoại vi đô thị hóa (P. Lãm Hà, Q. Kiến An, Hải Phòng P. 6 và P.17, Q. Gò Vấp, TP. HCM)	Khu vực nông thôn ngoại thành (xã An Thái, huyện An Lão, Hải Phòng)
Nghề nghiệp, thu nhập	Không có lương, lao động tự do, bán hàng rong... thu nhập thấp, bấp bênh Hết tuổi lao động, không có khả năng lao động	Lao động tự do, bán hàng rong... thu nhập thấp, bấp bênh Hết tuổi lao động, không có khả năng lao động	Hết tuổi lao động, không có khả năng lao động
Nhân khẩu	Già cả, đông con, bệnh tật	Già cả, đông con, bệnh tật, nhiễm HIV/AIDS	Già cả, bệnh tật
Học vấn chủ hộ	Cấp 2 trở xuống	Cấp 2 trở xuống	Cấp 2 trở xuống
Nhà cửa	Nhà cấp 4 lợp tôn	Nhà cấp 4 lợp tôn	90% ngói hoá, 10% nhà tạm (tranh tre, lợp lá)
Tài sản	100% có xe đạp, ti vi, không có xe máy	100% có tivicũ, 10% có xe máy (Hải Phòng) TP HCM: 100% có tivi, có xe máy giá trị thấp (Gò Vấp)	100% có tivi, không có xe máy, điện thoại
Vay vốn	Có nhu cầu nhưng khó vay vốn NHCS do kinh tế kém, ít người dám bảo lãnh	Không vay được vốn NHCS (Hải Phòng) Được vay vốn Quỹ xoá đói giảm nghèo (Gò Vấp)	Không vay vốn NHCS
Học hành con cái	Cho con đi học đầy đủ, ít nhất hết cấp 2	Cho con đi học đầy đủ, ít nhất hết cấp 2	Hộ già cả, các con đã lập gia đình riêng
Tham gia hoạt động xã hội	Tham gia không thường xuyên	Có tham gia họp tổ dân phố nhưng ít phát biểu	Ít tham gia

Nguồn: Bài tập phân loại kinh tế hộ tại các điểm quan trắc, tháng 6-7/2008

Trẻ em cảm nhận rõ về nghèo dựa trên khả năng của gia đình cho con em ăn học

Trẻ em cũng có cách nhìn rất chân thực về người nghèo tại nơi các cháu sinh sống. Khi được hỏi “nhà nghèo trong xóm là như thế nào?” hoặc “nhà nghèo khác nhà giàu như thế nào?”, các cháu thiếu niên trong độ tuổi 11-16 tại các điểm quan trắc đưa ra các nhận xét rất sinh động về người nghèo liên quan đến nghề nghiệp, thu nhập, nhà cửa, bữa ăn và đặc biệt là liên quan đến việc con em đi học. Có thể nói, trong con mắt trẻ thơ những khó khăn, bất lợi của người nghèo thể hiện rõ ở cách cho con em ăn học (xem Bảng 6). Trẻ em thuộc gia đình nghèo sợ nhất là "bố mẹ ốm không ai nuôi các cháu ăn học".

BẢNG 6. Nhận thức của trẻ em về người nghèo tại địa phương

Nhóm trẻ em ở quận nội đô và quận ngoại vi Hải Phòng	Nhóm trẻ em ở quận ngoại vi Gò Vấp (TP.HCM)	Nhóm trẻ em ở huyện nông thôn ngoại thành Hải Phòng
- Nhà nghèo làm ăn không được khấm khá, bố mẹ thường làm giúp việc, thợ xây - Nhà nghèo làm vất vả nhưng nhà vẫn xập xệ, nhà 1 tầng, chật hẹp, khi mùa mưa đến hay bị dột và ngập nước, không có xe máy, máy giặt, tủ lạnh - Nhà nghèo đông con, bố mẹ đi làm nuôi con không dư dật - Nhà nghèo bữa ăn có khi không đủ	- Nhà nghèo thiếu thốn về tiền bạc, khó khăn trong ăn uống, học tập - Không có tiền để mua những thứ cần dùng - Số con trong gia đình đông mà lương trong gia đình đó thấp - Do ít học nên không kiếm được việc làm dễ kiếm ra tiền, làm từ sáng đến tối vẫn không kiếm đủ tiền để lo cho gia đình	- Nghèo là còn ở nhà đất, mái rơm rạ, không được ở nhà xây - Nhà nhỏ, không có tủ lạnh, xe máy, không có ti vi phải đi xem nhờ, không có tủ đựng quần áo, giường chiếu cũ bị mọt ăn nằm cứ kêu cọt kẹt - Nhà thì chật chội, đông con - Ăn cơm thì chiều ăn cháo, sáng ăn cơm rang, chiều ăn cơm. Ăn chỉ có rau muống luộc với mắm. Một tuần mới



- Nhà nghèo phải đi vay mượn - Nhà nghèo có ông bố không chịu đi làm - Các bạn nghèo ít sách vở, thường phải sử dụng bộ sách giáo khoa cũ, quần áo cũ, không có tiền đóng góp ở trường - Nhà nghèo trẻ em ít được vui chơi mà phải phụ giúp việc nhà, nấu cơm, dọn dẹp, trông em; có bạn nghèo phải đi bán báo, bơm xe, phụ hồ, phát tờ rơi.	- Gia đình thường cãi vã về chuyện kinh tế - Gia đình có con bỏ học khi còn nhỏ - Điều kiện học tập cho các con thiếu thốn [Hộ nghèo nhập cư] - Hộ nghèo thường xuyên thay đổi việc làm và chỗ ở không ổn định - Hộ nghèo thường có ít học thức nên không hiểu biết về pháp luật, không đăng ký tạm trú tạm vắng.	có 1 bữa ăn ngon lành. - Nhiều bạn ham học nhưng nhà nghèo không được đến trường, phải đi làm phụ giúp bố mẹ - Quần áo phải vá, quần áo cũ, Tết không có quần áo mới để mặc, không có góc học tập, đi học phải đi bộ, cặp sách các bạn không đầy đủ - Đóng tiền học cho con thì phải bán thóc đi - Bố mẹ li thân các con phải ở với bà nhưng bà già yếu không còn đủ sức nuôi cháu ăn học. - Bố mẹ già yếu không đủ sức nuôi con ăn học nữa.
--	--	---

Nguồn: Thảo luận nhóm trẻ em tại các điểm quan trắc, tháng 6-7/2008

Đời sống hộ nghèo bản xứ đã có sự cải thiện so với 4-5 năm trước. Nhưng thách thức vẫn còn đó.

Nhìn chung người dân và cán bộ cơ sở ở tất cả các điểm khảo sát nhận thấy đời sống của người nghèo bản xứ hiện nay đã có sự cải thiện so với 4-5 năm trước. Hộ nghèo đô thị không thiếu gạo ăn, hầu hết (trừ một số hộ nghèo ở nông thôn ngoại thành) không còn ở nhà tạm, đã mua sắm được đồ đạc cơ bản trong nhà dù là đồ cũ giá trị thấp, “hộ nghèo cũng có xe máy, ti vi đủ cả”.

Khoảng cách giàu – nghèo ở khu vực đô thị ngày càng ngày càng tăng lên

Bài tập phân loại kinh tế hộ tại các điểm quan trắc cũng cho thấy rõ khoảng cách ngày càng tăng giữa những người khá giả làm chủ doanh nghiệp, có cửa hàng kinh doanh trên phố, đi làm có lương cao ổn định, có nhà lầu đầy đủ tiện nghi với những người nghèo và cận nghèo sống trong các ngõ hẻm sâu, lao động thủ công hoặc buôn bán nhỏ thu nhập bấp bênh “làm không đủ ăn”, “lương hưu quá thấp”, hàng ngày đang phải vật lộn với việc cho con em đi học, đảm bảo lương thực, thực phẩm và các nhu cầu thiết yếu khác trong cuộc sống.

Tại các phường mới đô thị hóa, chỉ có một số ít hộ nghèo chuyển đổi sinh kế thành công

Việc chuyển đổi cơ cấu ở các phường mới đô thị hóa hướng mạnh sang công nghiệp và thương mại - dịch vụ đã và đang đặt ra nhiều thách thức cho người nghèo bản xứ. Tay nghề và vốn liếng là những yếu tố cần cho quá trình chuyển đổi cơ cấu, nhưng cũng là những thứ người nghèo thiếu nhất. Việc chuyển đổi cơ cấu cũng tạo ra những cơ hội nhất định cho người nghèo như nam giới làm nghề phụ hồ, phụ nữ làm giữ trẻ, giúp việc nhà. Có một số ít người nghèo đã chuyển đổi thành công sang các mô hình nuôi trồng cây con đặc sản hoặc sinh vật cảnh (ví dụ mô hình nuôi dế và bọ cạp tại phường 6 quận Gò Vấp). Nhưng nhìn chung, người nghèo dựa vào lao động giản đơn ngày càng khó khăn do việc làm bấp bênh, thu nhập thấp.

Có một dòng di chuyển ngược tâm của hộ nghèo bản xứ từ các khu vực trung tâm ra các khu ngoại vi

Thời gian vừa qua, đã có một dòng di chuyển của người nghèo bản xứ từ các quận ngoại vi đô thị hóa ra các vùng ngoại thành lân cận do làm ăn thất bại, không hòa nhập được với cuộc sống đô thị. Nhiều người nghèo cất đất để bán khi giá đất tăng lên để xây nhà và mua sắm, sau đó lại bán nốt chỗ đất còn lại để đi ra xa hơn, mua đất rẻ hơn hoặc diện tích nhỏ hơn để ở. Ví dụ như phường 6 quận Gò Vấp đầu năm 2007 có 40 hộ nghèo bản xứ, đến cuối năm 2007 đã có 5 hộ nghèo bán nhà để dịch chuyển ra ở vùng xa hơn như quận 12. Lãnh đạo phường 6 cho biết “ở đây không còn hộ nghèo vì nghèo họ bán nhà ra ngoại thành hết rồi”, và “những người đến phường 6 mua đất làm nhà đều là người khá giả từ nội đô ra, không có ai là nghèo”.

Người nghèo nhập cư

Người nghèo nhập cư gồm hai nhóm chính: nhóm làm các công việc chính thức và nhóm làm các công việc phi chính thức

Người nhập cư (không có hộ khẩu tại thành phố, thuộc diện KT3, KT4) khá đa dạng, tựu trung gồm 2 nhóm chính: nhóm công nhân nhập cư làm trong các nhà máy, xí nghiệp (thường còn trẻ, có học vấn lớp 9 trở lên, chưa có gia đình, nữ đông hơn nam) và nhóm người nhập cư làm công việc phi chính thức như bán hàng rong, ve chai, đấm bóp, phụ hồ, giúp việc bán hàng... (phần đông học vấn thấp, đã có gia đình, phần đông đến từ các tỉnh miền Bắc và miền Trung). Người nhập cư chấp nhận làm mọi việc cực nhọc, ăn uống kham khổ, tiết kiệm chi tiêu tối đa để có tiền tiết kiệm và gửi về gia đình. Người nhập cư thường chỉ lo kiếm tiền hàng ngày, ít quan tâm hơn đến cải thiện điều kiện sống hiện tại ở thành phố.



Mô tả chi tiết về đặc điểm, điều kiện sống và làm việc, tính dễ bị tổn thương của một số nhóm nhập cư điển hình (công nhân nhập cư, người buôn bán nhỏ, chạy xe ôm) được nêu tại Phần 4 của báo cáo này.

Người nhập cư di chuyển theo nhóm, tập trung tại các phường mới đô thị hóa

Người nhập cư thường ở tập trung theo từng nhóm đồng hương tại các phường thuộc các quận ngoại vi mới đô thị hóa. Điển hình như tại phường 6 và phường 17 quận Gò Vấp (TP.HCM) số người nhập cư (diện KT3, KT4) chiếm trên 50% tổng số người hiện đang cư trú trên địa bàn. Đặc điểm lớn nhất của người nhập cư là nơi cư trú không ổn định. Riêng tại phường 17 quận Gò Vấp trong quý I năm 2008 đã có khoảng 1.800 người chuyển đến và 2.000 người chuyển đi (theo con số đăng ký tạm trú mà Phường nắm được).

Nhiều hộ nhập cư thuộc diện nghèo và cận nghèo, nhưng hiện nay không có số liệu thống kê nào về nhóm nghèo này

Nếu tính theo thu nhập hàng tháng thì nhóm người nhập cư độc thân thường không thuộc diện nghèo theo chuẩn nghèo hiện hành. Lương công nhân ít nhất cũng được 800.000 – 1 triệu đồng/tháng, người nhập cư làm nghề tự do tuy công việc bấp bênh nhưng mỗi ngày có việc làm cũng được ít nhất 40-50.000 đồng. Tuy nhiên, nhiều người nhập cư có gia đình thuộc diện khó khăn. Sau khi đã trừ các chi phí thuê nhà trọ, tiền điện nước, thì nhiều gia đình nhập cư chỉ còn ngân sách chi tiêu rất tằn tiện cho lương thực, thực phẩm và các khoản thiết yếu khác. Trên thực tế nhiều hộ nhập cư trên thực tế thuộc diện “nghèo” và “cận nghèo”, nhưng hiện nay không có bất cứ số liệu thống kê nào về nhóm nghèo này.

Lý do là các cuộc điều tra nghèo chính thức không xét đến những người nhập cư không có hộ khẩu, kể cả khi họ đã cư trú ổn định nhiều

Người nhập cư chưa được xét đến trong các cuộc điều tra nghèo chính thức vì không có hộ khẩu (không có nhà ở, không có việc làm ổn định) tại thành phố. Thực tế khảo sát cho thấy, ngay cả những hộ có hộ khẩu trong thành phố nhưng chưa chuyển hộ khẩu về địa phương nơi đang sinh sống (thuộc diện KT2) hoặc hộ nhập cư đang cư trú ổn định nhiều năm tại địa bàn nhưng chưa có hộ khẩu chính thức (thuộc diện KT3) cũng không được xét đến trong các cuộc điều tra nghèo. Như một cán bộ lãnh đạo phường Niệm Nghĩa (Kiến An, Hải Phòng cho biết: “Hộ nghèo ở đây đều thuộc diện KT1. Khi xét chính sách ít khi xét KT2, KT3, số này phải quay về nơi có hộ khẩu gốc. Hơn nữa, các quỹ trên rót xuống chỉ căn cứ vào số KT1 mà thôi. Các khoản thu ở địa phương cũng khó thu từ nhóm KT2, KT3, vì thu gì cũng phải có hộ khẩu mới để thu”.

Thực tế, người nhập cư đang đóng góp hiệu quả vào sự phát triển kinh tế xã hội ở nơi họ đến

Thực tế, cần có cái nhìn cân bằng hơn về vai trò của dòng người nhập cư đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cán bộ cơ sở và người dân tại các khu vực đô thị có đông người nhập cư thường nói về các mặt trái của dòng người nhập cư như tăng gánh nặng lên hạ tầng cơ sở vốn đã yếu kém và tăng sự phức tạp về an ninh trật tự xã hội. Nhưng tất cả đều không phủ nhận sự đóng góp của dòng người nhập cư là họ sẵn sàng làm nhiều công việc cần thiết mà người bản xứ không muốn làm (như phụ hồ, giúp việc nhà, thu gom phế liệu, bán hàng rong...), và đặc biệt là họ tạo ra nguồn thu nhập “cho thuê nhà trọ” rất quan trọng đối với nhiều cư dân bản xứ. Tại một số điểm quan trắc ở vùng ngoại vi đô thị hóa, thu nhập từ cho thuê phòng trọ đã trở thành thu nhập chính của người dân ở đây (xem Hộp 3).

HỘP 3. Cho thuê phòng trọ trở thành thu nhập chính của cư dân địa phương

Tổ dân phố 25 phường 6 Gò Vấp có 59 hộ gia đình thì hiện nay 32 hộ (chiếm 54%) có phòng trọ cho người nhập cư thuê, người ít nhất có 3 phòng, người nhiều nhất có 25 phòng. Hiện có trên 400 người ở trọ (KT4), chủ yếu từ phía Bắc vào, trong đó có khoảng 200 người làm công nhân và số còn lại làm đủ mọi nghề tự do từ bán hàng rong đến đấm bóp, lượm ve chai... Giá thuê phòng trọ trung bình 500.000 đồng/tháng đối với 1 phòng trọ rộng khoảng 12m² công trình phụ khép kín.

Tổ 25 nguyên là khu gia binh sỹ quan quân đội từ năm 1987, có nhiều người đã về hưu thu nhập thấp. Từ năm 1992 lác đác có phòng trọ, sau đó bắt đầu tăng dần phòng trọ vào năm 1995-1996 và phát triển nở rộ dịch vụ phòng trọ từ năm 1998 khi quá trình đô thị hóa lan mạnh đến Gò Vấp. Nhà trọ hiện nay cũng được xây dựng khang trang hơn, không tạm bợ như các năm trước, do đó tiền cho thuê cũng tăng lên. Có thể nói, cho thuê phòng trọ đã trở thành nguồn thu nhập chính của người dân ở đây.

Người dân trong tổ dân phố cho biết thuận lợi của dịch vụ cho thuê phòng trọ là giúp nâng cao mức sống. Bên cạnh đó cũng có khó khăn liên quan đến an ninh trật tự khi có quá nhiều người nhập cư từ khắp nơi đến và đi khỏi địa bàn khó kiểm soát (mỗi tháng bình quân có 50 người đi lại có 50 người đến), nhưng nhìn chung cũng chưa có vụ việc gì gây mất an ninh trật tự nghiêm trọng.



1.3 Những thách thức giảm nghèo đô thị

Bên cạnh những vấn đề thường thấy về thu nhập, chi tiêu, việc làm, người nghèo đô thị, cả người bản xứ và người nhập cư, còn gặp những khó khăn, bất lợi về nhiều khía cạnh khác. Việc nhận dạng rõ hơn những thách thức của người nghèo đô thị có thể giúp cho công tác giảm nghèo đô thị đạt hiệu quả hơn nữa trong thời gian tới.

Người nghèo sống tập trung tại nơi có cơ sở hạ tầng yếu kém

Người nghèo đô thị thường tập trung ở những nơi có cơ sở hạ tầng còn yếu kém

Vẫn còn những ổ cụm nghèo - nơi số đông người nghèo đang phải chịu những bất lợi nhiều mặt

Người nghèo đô thị, nhất là người nhập cư, thường sống tập trung tại các quận vùng ven mới đô thị hóa, là những nơi có cơ sở hạ tầng như điện, đường, cấp thoát nước còn yếu kém (do đó giá nhà, đất còn rẻ phù hợp với người nghèo). Ví dụ như phường 6 quận Gò Vấp mới có 26% dân số được dùng nước sạch, phường 17 quận Gò Vấp mới có 60% dân số được dùng nước sạch, số còn lại phải dùng giếng khoan nước có nhiều phèn. Bộ mặt đô thị mới chỉ khang trang dọc theo các con phố chính, còn trong các hẻm sâu đường xá đi lại còn lầy lội, cấp điện, cấp nước, thoát nước chưa đảm bảo.

Tại các quận vùng ven này vẫn còn những ổ cụm nghèo - thường là những nơi tập trung đông người nghèo sống ở ven chân đê, gần nghĩa trang, tại những ngõ hẻm sâu, cơ sở hạ tầng còn thấp kém (do đó giá đất rẻ), đất đai chưa được cấp sổ đỏ. Tại đây người dân chưa có nước sạch, điều kiện thoát nước kém, đường xá lầy lội khi mưa lụt. Người dân, nhất là người nhập cư phải chịu giá điện gấp 3-4 lần giá bình thường do chưa có công tơ riêng. Người dân sống trong các ổ cụm nghèo này có một phần là người bản xứ không theo kịp tiến trình đô thị hóa và đa phần là người nhập cư làm công nhân hoặc làm nghề tự do như xích lô, phụ hồ, ve chai, đâm bóp hoặc bán hàng rong...

Tổ dân phố 30 phường Lâm Hà, quận Kiến An, Hải Phòng là một câu chuyện điển hình về ổ cụm nghèo giữa thành phố (xem Hộp 4). Với những ổ cụm nghèo này thì những chính sách hiện nay là không đủ giúp người dân có cuộc sống tiện nghi hơn, mà cần phải có những biện pháp hỗ trợ mạnh hơn, các khoản đầu tư lớn hơn, đồng bộ hơn với sự vào cuộc tích cực của tất cả các cấp các ngành liên quan.

HỘP 4. Có một xóm Đảo nghèo giữa lòng Thành phố

Nằm ngay sát cầu Niệm Nghĩa nhưng tổ dân phố 30, thuộc khu dân cư số 3, phường Lâm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng có tên gọi là “xóm Đảo”. Người dân gọi là xóm Đảo vì 3 lý do: (i) dân cư gốc ở đây là người đi xây dựng vùng kinh tế mới ở các đảo Ngọc Vũng, Kô Tô, Tiên Yên... quay về; (ii) đây là tổ dân phố nằm biệt lập, sát chân đê và cạnh khu nghĩa trang; và (iii) tổ dân phố chưa được sự quan tâm, đầu tư của chính quyền các cấp.

Cơ sở hạ tầng của xóm Đảo giữa lòng thành phố Hải Phòng còn thua nhiều thôn xóm ở nông thôn. Mới chỉ có nước sạch được đầu tư đường ống đến từng nhà. Từ trục đường chính vào xóm Đảo mới có 100 m rải nhựa, còn lại là đường đất, gạch đá lổn nhổn, lầy lội. Xóm chưa có dịch vụ thu rác thải. Một nghịch lý là ở ngay sát trạm biến áp lớn 220KV của thành phố Hải Phòng nhưng các hộ gia đình đều phải dùng điện giá rất cao. Người dân cho biết: “Đường điện xuống cấp. Đường chiếu sáng công cộng không có. Các hộ gia đình phải dùng chung một công tơ tổng, cứ 10-15 hộ chung một công tơ. Dây nhỏ, bị mát, điện thất thoát nhiều, giá điện phải trả lên tới 1.800 đồng/số. Vào mùa dùng điện cao điểm thì điện rất yếu, có khi còn không thể chạy được quạt máy”. Thảo luận với nhóm trẻ em trong xóm thì một trong những ước mơ của các em đơn giản chỉ là “chúng em mong ước có đèn sáng để học bài”.

Đời sống của các hộ dân trong xóm Đảo còn rất khó khăn. Không có tay nghề, học vấn thấp, người dân chủ yếu làm các công việc đập xích lô, phụ hồ, bán hàng rong... thu nhập thấp, không ổn định. Gần 70% hộ gia đình ở xóm Đảo có nghề chạy xích lô, nhiều nhà cả vợ lẫn chồng đều chạy xích lô. Đời sống còn khó khăn hơn từ khi có chính sách cấm xe xích lô vào thành phố ban ngày, bà con phải đi làm từ tối đến mờ sáng. Nhiều gia đình phải đi mò cua, bắt ốc hoặc đánh giậm ven sông để kiếm thêm thu nhập.

Tiền chi tiêu sinh hoạt hàng ngày không đủ, sự quan tâm tới việc học hành của con cái cũng bị hạn chế. Đa số hộ dân chỉ cố gắng cho con em học hết cấp 2. Thảo luận nhóm cán bộ nông cốt tổ dân phố 30 cho biết: “bây giờ con cái đi học ngoài học phí ra còn nhiều khoản khác, dân nghèo không đáp ứng được. Ở đây nhiều cháu phải nghỉ học từ sớm do điều kiện gia đình quá khó khăn...”



Người nghèo đô thị chịu sự bấp bênh về sở hữu đất đai do chưa nhận quyền sử dụng đất

Đất đai của hộ nghèo sống tại những địa bàn ngoại vi thành phố mới đô thị hóa thường chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (“sổ đỏ”). Một lý do chính mà hộ nghèo chọn những nơi này làm địa bàn sinh sống là giá đất rẻ, có nguồn gốc là đất nông nghiệp, giấy tờ mua bán chỉ là viết tay có xác nhận của phường. Muốn làm sổ đỏ thì người dân phải nộp thuế chuyển đổi mục đích sử dụng đất, một nhà cũng phải tốn đến 20-30 triệu. Người nghèo thiếu tiền để làm thủ tục đất đai nên thường chấp nhận không có sổ đỏ, chấp nhận sự bấp bênh về pháp lý sử dụng đất đai. Lãnh đạo phường Niệm Nghĩa thuộc vùng mới đô thị hóa cho biết “*xã này nguyên thủy 2 phần 3 là đất nông nghiệp. Bà con mua bán trao tay, không có tiền đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thổ cư. Do đó gần như 100% hộ nghèo không có sổ đỏ. Chỉ khi nào chuyển nhượng đất họ mới quan tâm đến giấy tờ về đất...*”

Những người nghèo nhất đều có những bất lợi đặc thù

Cần có sự phân biệt về cách thức hỗ trợ giữa nhóm nghèo nói chung và nhóm nghèo nhất gặp những bất lợi đặc thù

Khi nghèo đô thị càng “đi dần vào lõi”, những người nghèo bản xứ còn lại tại các điểm quan trắc đều có những bất lợi đặc thù. Đặc trưng điển hình của người nghèo nhất này là tàn tật, ốm đau dài ngày, già cả không nơi nương tựa, phụ nữ đơn thân nuôi con còn nhỏ, hoặc bị nhiễm HIV/AIDS... Như tại thôn Tiên cảm 1, xã An Thái, huyện An Lão, Hải Phòng, có 40% số hộ nghèo thuộc đối tượng “202”⁹ không có khả năng lao động, 60% hộ nghèo còn lại vẫn có khả năng lao động, nhưng đông con, con còn nhỏ, thiếu đất đai, đi làm thuê hàng ngày thu nhập bấp bênh. Theo cán bộ cơ sở, giữa 2 nhóm này cần có 2 cách làm khác nhau để giúp đỡ họ, với nhóm “202” cần có chính sách trợ cấp của Nhà nước (“thôn, xã lực bất tòng tâm”), còn với nhóm nghèo còn lại cần hỗ trợ về vốn, việc làm theo cách phù hợp với từng hộ, vì mỗi hộ có hoàn cảnh khác nhau.

Tại các điểm khảo sát có nhiều trường hợp điển hình là hộ nghèo bản xứ gặp khó khăn đặc thù trong nhà có người tàn tật không tự lo được cuộc sống (xem Hộp 5).

HỘP 5. Trong nhà có người tàn tật là đặc trưng của nhiều hộ nghèo bản xứ

Chị Nguyễn T.M.L., 48 tuổi, ở phường 17, quận Gò Vấp (TP.HCM). Chị L. không có chồng con, ở chung với 2 người chị ruột đều bị bệnh “khờ”. Một người chị bị bệnh nặng, không làm được gì, suốt ngày ở nhà. Một người chị khác bị bệnh nhẹ hơn, hàng ngày đi phụ bán hàng được nửa ngày, nhưng hay ốm nghỉ ở nhà, hàng tháng người ta trả cho 300-400.000 đồng/tháng. Chị L. bị bệnh gan nhiễm mỡ, hay phải đi bệnh viện. Chị hàng ngày đi làm thuê cho bà con trong phường, chủ yếu làm cỏ tưới vườn được 25.000 đồng/buổi.

Ngôi nhà chị L. ở cũng tương đối khang trang. Mặc dù có bếp ga nhưng chị L. không dám dùng vì tiền ga mắc quá, thay vào đó chị dùng củi đi lượm hoặc người ta cho để nấu cơm. Tủ lạnh cũng có nhưng chị cũng không dùng vì sợ tốn điện. Tiền ăn hàng ngày cho 3 chị em hết chừng 30.000 đồng, chưa kể tiền gạo. Chị không dám ăn thịt vì mắc quá, khoảng 1 tuần mới dám mua 2-3 lạng thịt rọi để ăn. Sáng đi làm chị mua mì ăn liền nấu cho mấy chị em ăn. Quần áo chủ yếu bà con họ hàng cho để mặc, không có tiền mua.

Chị L. tuy nghèo vẫn đi họp tổ dân phố, họp tổ phụ nữ, vẫn đóng góp các khoản vận động tại địa phương như những người khác mặc dù nhiều lúc phải đi mượn tiền để đóng. Chị không muốn vay vốn 5 triệu bên Hội Phụ nữ vì sợ nợ “không có gì trả, không kinh doanh buôn bán gì”. Mong ước lớn nhất bây giờ của chị L. là “*mong không bệnh*” để đi làm nuôi mấy chị em.

Nếu tăng chuẩn nghèo lên 50%, ước tính số hộ nghèo sẽ tăng gấp 2-3 lần, và có nguy cơ không tập trung hỗ trợ cho nhóm nghèo nhất

Chính phủ cũng như một số địa phương như TP.HCM dự kiến sẽ tăng chuẩn nghèo để giúp đưa các hộ cận nghèo hiện nay vào diện nghèo để được hưởng các chính sách hỗ trợ. Tại các điểm quan trắc, cán bộ cơ sở ước tính khi tăng chuẩn nghèo lên 50% số hộ nghèo sẽ tăng gấp 2-3 lần so với hiện nay. Sẽ có nguy cơ khi tăng chuẩn nghèo các chính sách hỗ trợ không tập trung được vào nhóm nghèo nhất (chính là nhóm nghèo theo chuẩn hiện nay). Do đó, bên cạnh các chính sách chung cho hộ nghèo, khi tăng chuẩn nghèo cần tiếp tục phân loại hộ nghèo, từ đó có chính sách phù hợp với từng nhóm đối tượng, đến từng hộ nghèo cụ thể: hộ nào có điều kiện lao động thì giúp về vốn, kiến thức sản xuất, việc làm; hộ nào không có điều kiện lao động, không tự lo được thì đoàn thể, chính quyền cơ sở vào cuộc (bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng) và có chính sách bảo trợ xã hội của Nhà nước.

⁹ Người dân và cán bộ địa phương vẫn quen gọi các đối tượng thuộc chính sách bảo trợ xã hội là “đối tượng 202” theo tên Thông tư 202-CP về “Chính sách đối với những người già cả, trẻ mồ côi không nơi nương tựa và những người tàn tật” do Chính phủ ban hành cách đây đã hơn 40 năm (ngày 26/11/1966). Chính sách bảo trợ xã hội của Việt nam đã qua rất nhiều lần bổ sung, sửa đổi, gần đây nhất là Nghị định 67/CP ngày 13/4/2007.



Để giúp hộ nghèo cần sự tập trung chỉ đạo quyết liệt và sự vào cuộc của tất cả các ban ngành

Kinh nghiệm ở Phường 6 quận Gò Vấp đã hỗ trợ theo từng hoàn cảnh đặc thù của hộ nghèo để đến cuối năm 2007 tất cả số hộ này đều vượt nghèo là một ví dụ về tính hiệu quả của các biện pháp hướng đối tượng ở cộng đồng. Để làm được điều này cần sự tập trung chỉ đạo quyết liệt của chính quyền địa phương và sự vào cuộc tích cực của tất cả các ban ngành liên quan (xem Hộp 6).

HỘP 6. Hỗ trợ có địa chỉ để giúp hộ nghèo vượt chuẩn thoát nghèo

Đầu năm 2007, phường 6 quận Gò Vấp còn 40 hộ nghèo theo chuẩn nghèo thu nhập dưới 6 triệu đồng/người/năm. Ban chỉ đạo XĐGN và Việc làm phường đã phối hợp với các ban ngành đoàn thể làm rõ khó khăn của từng hộ nghèo, từ đó triển khai đồng bộ các biện pháp hỗ trợ có địa chỉ phù hợp với điều kiện cụ thể của từng hộ nghèo như sau:

- Vận động xây dựng 02 nhà tình thương (28 triệu đồng), chống dột cho 03 hộ (8 triệu đồng)
- Hỗ trợ vốn vay từ quỹ XĐGN cho 09 hộ (43,5 triệu đồng)
- Cấp 205 thẻ BHYT miễn phí
- Miễn giảm học phí cho 08 hộ nghèo và 12 hộ cận nghèo (32 đơn)
- Xét hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội cho 03 hộ
- Trợ cấp học bổng Partage cho 04 em thuộc hộ nghèo (480.000 đồng/tháng), học bổng Nguyễn Hữu Thọ cho 03 em (2,7 triệu đồng)
- Đăng ký học nghề miễn phí cho 02 em
- Hội Chữ thập đỏ phường hỗ trợ 02 hộ già cả, ốm đau (300.000 đồng/tháng)
- Vận động mạnh thường quân hỗ trợ gạo cho 04 hộ khó khăn (200.000 đồng/tháng).

Kết quả đến cuối năm 2007, tất cả các hộ nghèo còn lại trong phường (trừ 5 hộ đã bán nhà chuyển đi nơi khác) đều được hỗ trợ hiệu quả và đã từng bước ổn định cuộc sống. Ngày 19/11/2007 Ban XĐGN và Việc làm quận Gò Vấp đã đi kiểm tra và xác định Phường 6 là một trong ba phường trong toàn quận không còn hộ nghèo nào theo tiêu chí thu nhập dưới 6 triệu đồng/người/năm. Đến thời điểm khảo sát giữa năm 2008 không có trường hợp nào tái nghèo.

Người nghèo nhập cư vẫn khó tiếp cận các dịch vụ xã hội

Các chính sách mới ban hành đã thể hiện quan điểm cởi mở hơn với người nhập cư

Một điều đáng ghi nhận là các chính sách mới ban hành gần đây thể hiện quan điểm cởi mở hơn của Nhà nước với người nhập cư, tạo cơ hội hòa nhập tốt hơn với cuộc sống đô thị cho người nhập cư. Luật cư trú mới có hiệu lực từ 1/7/2007 đã khẳng định quyền tự do cư trú của người dân; giảm thiểu các thủ tục liên quan đến đăng ký tạm trú; mở rộng điều kiện được đăng ký thường trú; bãi bỏ nhiều loại thủ tục hành chính và dịch vụ công gắn với quyền “số hộ khẩu”. Có thể nói, Luật cư trú mới đã công nhận vai trò tích cực của các luồng di chuyển lao động trong xã hội, tạo cơ hội thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ xã hội giữa người bản xứ và người nhập cư.

Nhưng rất ít người nhập cư đủ điều kiện được cấp hộ khẩu, giáo dục cấp 2, cấp 3 đối với trẻ em nhập cư còn rất khó khăn

Thực tế khảo sát cho thấy người nhập cư còn rất nhiều khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ xã hội ở thành phố (xem Hộp 7). Các yêu cầu về cấp hộ khẩu cho người nhập cư đã được nói lỏng, nhưng vẫn có rất ít hộ nhập cư đủ điều kiện. Chính sách giáo dục đã khá rộng mở với tinh thần cố gắng đưa trẻ đến trường dù có hộ khẩu thường trú tại địa phương hay không. Đưa tất cả trẻ đến tuổi học lớp 1 đến trường kể cả trẻ nhập cư đã trở thành một chỉ tiêu thi đua của các tổ dân phố. Nhưng giáo dục cấp 2, cấp 3 đối với con em người nhập cư ở thành phố còn rất khó khăn (do sự quá tải của các trường chính qui). Tại các điểm quan trắc nhiều gia đình nhập cư có con phải học lớp tình thương, phổ cập vào buổi tối hoặc phải nghỉ học sớm. Do không được xét đến trong danh sách hộ nghèo, nên nhóm nghèo nhập cư thường không tiếp cận được với các chính sách hỗ trợ dành cho hộ nghèo của địa phương, ví dụ như chương trình vay vốn, dạy nghề, giáo dục, chăm sóc sức khỏe... Người nhập cư thường phải trả tiền điện, tiền nước cao gấp 2-3 lần so với người dân bản xứ. Hiện nay, người nhập cư đều phải tự thân vận động, những người cùng quê thường thuê nhà trọ ở cạnh nhau để giúp đỡ nhau khi cần, còn thiếu các hình thức “nghịệp đoàn” để bảo vệ họ.

Nhóm nghèo nhập cư cũng không tiếp cận được với các chính sách hỗ trợ dành cho hộ nghèo



HỘP 7. Quận Gò Vấp đã quan tâm đến người nhập cư, nhưng còn nhiều khó khăn, hạn chế

TP.HCM thường là nơi đi đầu trong việc thiết kế nhiều chính sách hỗ trợ hộ nghèo. Tuy nhiên, câu chuyện ở quận Gò Vấp cho thấy bài toán “hỗ trợ người nhập cư” vẫn còn nan giải.

Chính phủ đã nới lỏng qui định về cấp hộ khẩu cho người nhập cư; nhưng thực tế với yêu cầu “hợp đồng thuê nhà (liên tục 12 tháng) có xác nhận của phòng công chứng” thì những người nhập cư thuê nhà hiếm khi có đủ điều kiện để được cấp hộ khẩu, vì bản thân những chủ cho thuê nhà cũng không chịu xác nhận vào hợp đồng. Tương tự, do không được chủ nhà xác nhận hợp đồng nên người nhập cư không được mắc công tơ điện riêng và phải chịu tiền điện giá cao do chủ nhà ấn định (thường ở mức cao nhất trong biểu giá điện lũy tiến).

Những hộ nhập cư đã sinh sống ổn định hoặc có nhà riêng tại địa bàn về nguyên tắc được tham gia sinh hoạt với tổ dân phố và được đưa vào diện rà soát hộ nghèo. Tuy nhiên, thực tế gần như tất cả hộ nghèo “có mã số” hiện nay tại Gò Vấp là những hộ có hộ khẩu tại chỗ. Do đó, các hộ nghèo nhập cư bị loại trừ trong các chính sách, chương trình hỗ trợ hộ nghèo của Thành phố. Đối với chính quyền cấp phường và với cán bộ cấp khu phố, tổ dân phố thì mọi “trách nhiệm” (ví dụ, các khoản thu nộp) và “quyền lợi” (ví dụ, được xét xóa nhà tạm, được vay vốn) của người dân vẫn còn gắn chặt với quyền sở hộ khẩu.

Những người nhập cư nếu có xác nhận của công an Phường có thể mua thẻ BHYT tự nguyện. Những người nghèo nhập cư nếu có xác nhận của Phường, Quận có thể được giảm một phần chi phí khám chữa bệnh khi đến các cơ sở y tế. Nhưng thực tế về phía người nhập cư còn chưa quan tâm đến việc mua thẻ BHYT; họ vẫn tự khám chữa bệnh mất tiền hơn là đi xin các loại chứng nhận (cũng khá mất thời gian, với nhiều thủ tục) để được miễn giảm.

Người nhập cư thường làm những công việc “không được khuyến khích” vì chính quyền địa phương cho rằng ảnh hưởng đến cảnh quan, văn minh đô thị. Ví dụ, nhiều người nhập cư làm nghề “bán hàng rong” nhưng chính quyền có chủ trương hạn chế hàng rong (và cấm bán hàng rong tại nhiều nơi, nhiều tuyến phố). Một số người nhập cư làm nghề “ve chai” nhưng chủ trương của chính quyền là không để các cơ sở ve chai lẫn trong khu dân cư (do lo ngại về phòng chống cháy nổ, về vệ sinh môi trường). Những người làm nghề xe ba gác cũng bị hạn chế công việc vì chính sách cấm xe ba gác đi vào thành phố ban ngày. Do đó, sinh kế của người nhập cư thường trong trong tình trạng bấp bênh, gặp nhiều rủi ro.

Rất cần các chính sách bảo trợ xã hội cho người nhập cư trong bối cảnh đô thị hóa

Với quá trình đô thị hóa đang diễn ra với tốc độ cao, gắn với tiến trình tích tụ ruộng đất để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp ở nông thôn, dòng người nhập cư từ nông thôn vào thành phố theo rất nhiều dạng khác nhau sẽ còn tiếp tục diễn ra với qui mô lớn. Đang rất cần một hệ chính sách bảo trợ xã hội để hỗ trợ, bảo vệ người nhập cư hiệu quả hơn, đồng thời với việc tổ chức các hình thức hợp tác (gắn với mạng lưới xã hội phi chính thức) và tuyên truyền, vận động để những người nhập cư hòa nhập tốt hơn với cuộc sống đô thị.

Người nghèo bản xứ cũng khó tiếp cận các chính sách hỗ trợ

Những người bản xứ thực sự nghèo khó tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi, nhất là những người hành nghề buôn bán nhỏ cần vốn

Những khó khăn chủ yếu của người nghèo đô thị thường liên quan đến cơ hội có việc làm và thu nhập ổn định (thông qua vai trò đầu tầu của các doanh nghiệp và hộ khá giả). Tuy nhiên, tiếp cận nguồn vốn và khả năng sử dụng vốn rất quan trọng với nhiều hộ nghèo hành nghề tự do như buôn bán nhỏ. Tại Hải Phòng, nghịch lý hiện nay là về chính sách đã rất quan tâm đến cho hộ nghèo vay vốn ưu đãi, vẫn còn nhiều hộ nghèo, nhất là các hộ thuộc nhóm yếu thế, chưa tiếp cận được nguồn vốn vay. Lý do người thực sự nghèo không tiếp cận được vốn vay ưu đãi có cả ở 2 phía: bản thân hộ nghèo không muốn vay, không dám vay vì lo không trả được nợ; và về phía đoàn thể, cán bộ cơ sở chưa mạnh dạn “tín chấp” cũng như động viên, hướng dẫn hộ nghèo vay vốn và sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả (xem Hộp 8).



HỘP 8. Người thuộc nhóm yếu thế khó tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi

Chị Nguyễn T.H., ở tại Hải Phòng, sinh năm 1962. Chị H. bị nhiễm HIV do lây từ chồng. Chồng chị mất năm 2004 vì HIV do nghiện hút, chị hiện giờ đang sống với hai đứa con trong một căn nhà chỉ có 12.5 m², có gác lửng bằng gỗ nhỏ. Con gái lớn sinh năm 1990 đang thi cấp 3, còn con trai nhỏ cũng đang đi học. Chị cho biết là rất may hai đứa con không bị nhiễm bệnh. Nguồn thu nhập chính của gia đình là từ việc chị đi bán xôi hàng ngày với tiền lãi là 20.000 đồng-30.000 đồng/ngày, nhưng hiện nay thì ế quá. Ngoài ra, chị còn làm tình nguyện viên Câu lạc bộ Hoa hải đường (400.000 đ/tháng) và Quỹ toàn cầu (400.000 đồng/tháng), công việc chủ yếu là 2-3 lần/tuần đưa người đi xét nghiệm, đi chăm sóc bệnh nhân, hướng dẫn cách chăm sóc, đi tuyên truyền về HIV. Gia đình chị cũng được bà con giúp đỡ nhiều, chị em trong hội Thánh tin lành giúp đỡ gạo ăn, tết hội chữ thập đỏ hỗ trợ sữa. Bản thân chị cũng là người đi tuyên truyền để mọi người hiểu rõ hơn về căn bệnh HIV nhưng chị cũng không dám cho hàng xóm biết mình bị nhiễm HIV, chị sợ sẽ bị kỳ thị.

Chị mong muốn được vay vốn từ Hội phụ nữ hoặc Ngân hàng chính sách với lãi suất ưu đãi để có làm ăn thêm nhưng mà không được vay. Đoàn thể và cán bộ địa phương (trưởng tổ dân phố, trưởng hội phụ nữ) cũng không dám cho chị vay vì họ biết chị bị nhiễm HIV và lo rằng chị không có khả năng hoàn trả vốn. Những lúc khó khăn thì chị đi vay ngoài. Hiện nay chị đang 2 triệu: 1 triệu vay bạn bè, 1 triệu vay lãi cao (lãi suất 10%/tháng, trả góp 1 ngày 20 ngàn cả vốn lẫn lãi trong 2 tháng).

Mô hình cho hộ nghèo bản xứ vay vốn tại Gò Vấp (TP.HCM) đã hoạt động hiệu quả, nhưng cần điều chỉnh lại trong bối cảnh mới

Riêng tại quận Gò Vấp (TP. HCM), chương trình cho hộ nghèo “có mã số” (có hộ khẩu tại thành phố) vay vốn ưu đãi đã được triển khai rất tốt, với sự sâu sát của chính quyền đặc biệt là các cán bộ xóa đói giảm nghèo của Phường. Hộ nghèo “có mã số” tại các điểm khảo sát tại quận Gò Vấp hầu hết đều được vay vốn ưu đãi 5-10 triệu đồng để lo cuộc sống. Tuy nhiên, có những mô hình vay vốn nay không còn phù hợp với bối cảnh mới. Điển hình là các “tổ tự quản giảm nghèo” tại Gò Vấp hiện nay hoạt động cầm chừng, nhiều nơi không còn hoạt động (xem Hộp 9).

HỘP 9. Mô hình “tổ tự quản giảm nghèo” ở Gò Vấp không còn phù hợp trong bối cảnh mới.

Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1996 đã có mô hình “Tổ tự quản giảm nghèo”, gồm 10-15 hộ nghèo “có mã số” (có hộ khẩu chính thức tại địa phương), tối đa 1 tổ có 20 người, nhằm cùng nhau quản lý nguồn vốn vay ưu đãi từ Quỹ XĐGN của Thành phố. Tổ tự quản giảm nghèo cũng là nơi những người nghèo sống gần nhau chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau góp vốn quỹ cho vay xoay vòng, là đầu mối tập huấn nâng cao kiến thức, tuyên truyền về các chính sách, chủ trương của Nhà nước đối với hộ nghèo.

Quận Gò Vấp có trên 300 tổ tự quản giảm nghèo. Trong bối cảnh mới, mô hình “tổ tự quản giảm nghèo” dường như không còn phù hợp. Lãnh đạo ngành TB-LĐXH Quận Gò Vấp nhận xét “*thời gian gian đầu các tổ hoạt động đều, sinh hoạt hàng tháng. Từ giữa năm 2006 trở lại đây, sinh hoạt của các tổ giảm đi. Giá cả gia tăng, ai cũng lo bươn chải, nên ít tổ duy trì sinh hoạt thường xuyên. Bên cạnh đó Nhà nước cũng chủ trương giảm bớt hội họp*”.

Phường 17 trước đây có 8 tổ tự quản giảm nghèo. Lãnh đạo Phường chia sẻ “*nguồn vốn cho hộ nghèo không còn là vấn đề; mà là sử dụng vốn, làm ăn hiệu quả ra sao. Tổ tự quản chỉ gồm những hộ nghèo với nhau, do hạn chế chung về trình độ, học vấn nên khả năng vươn lên khó khăn. Phường vẫn nhắm tới Chương trình 120 xây dựng dự án Giải quyết việc làm hơn, qua đó kéo những hộ có trình độ vào để giúp hộ nghèo vươn lên*”.

Rất ít hộ nghèo đô thị tham gia chương trình dạy nghề miễn phí

Chính phủ đã có chính sách hỗ trợ dạy nghề miễn phí cho hộ nghèo (và cho học sinh học nghề thuộc hộ nghèo, cận nghèo được vay vốn ưu đãi). Tuy nhiên số người nghèo, cận nghèo tham gia vào các chương trình dạy nghề miễn phí này rất ít. Một trong những nguyên nhân chính là người nghèo phải lo cái ăn trước mắt “nghèo thì không nhìn xa được” (xem Hộp 10). Cốt lõi của việc học nghề không chỉ ở chi phí đi học (cả chi phí thực tế và chi phí cơ hội), mà quan trọng hơn là ở khả năng có việc làm sau khi học - vấn đề này cần có sự phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp theo hình thức “dạy nghề liên kết, dạy nghề theo yêu cầu”.



HỘP 10. Dạy nghề miễn phí cho người nghèo – bài toán còn nan giải

Nhà nước đã có chương trình dạy nghề miễn phí cho người nghèo. Con em hộ nghèo đi học nghề có thể được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách Xã hội. Hàng năm, các trung tâm dạy nghề của các quận, huyện đều được phân bổ kinh phí để tổ chức các lớp dạy nghề cho người nghèo. Ví dụ tại Hải Phòng, từ năm 2007 Sở LĐ-TBXH có nguồn ngân sách hàng năm 700-800 triệu đồng để tổ chức các lớp dạy nghề miễn phí cho người nghèo, ngoài ra còn có nguồn ngân sách 1.5-2 tỷ đồng để dạy nghề cho người nghèo nông thôn bị thu hồi đất.

Thực tế những người nghèo rất ít tham gia các lớp dạy nghề. Một lý do chính là người nghèo còn đang mải làm ăn kiếm thu nhập trước mắt, đang làm lao động phổ thông nên ngại học, lo học nghề xong không có việc làm. Tại Gò Vấp cũng tổ chức các lớp dạy nghề miễn phí cho người nghèo, nhưng rất ít người nghèo “có mã số” tham gia. Như tại tổ 25 phường 6 quận Gò Vấp, khi có chương trình dạy nghề miễn phí tổ cũng vận động 3 em đi học, nhưng cuối cùng không có ai đi.

Thách thức về quản trị địa phương hướng tới giảm nghèo đô thị

Bối cảnh đang thay đổi đặt ra thách thức lớn cho công tác quản trị địa phương hướng tới giảm nghèo đô thị

Các phường thiếu nhân sự, ngân quỹ và cơ sở vật chất để giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính cho người dân

Mô hình 3 cấp từ phường qua khu phố đến tổ dân phố khiến cho các dòng thông tin lên và xuống chậm hơn ở những phường đông dân cư

Việc nắm bắt, giải quyết các bức xúc của người dân còn chậm, nhất là ở các địa bàn tách biệt, trong hẻm sâu

Mức lương và phụ cấp cán bộ cơ sở thấp ảnh hưởng đến nhiệt tình công việc

Bối cảnh tại các điểm quan trắc đang thay đổi rất nhanh, như quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, tỷ lệ tăng dân số cơ học cao (tăng trên 5%/năm tại các phường ngoại vi), dòng người nhập cư ra vào biến động, cơ cấu kinh tế đang chuyển đổi mạnh... đang đặt ra những thách thức rất lớn cho công tác quản trị địa phương hướng tới giảm nghèo đô thị. Qua tham vấn với cán bộ cơ sở và người dân, có thể nêu một số thách thức chính như sau.

Về thủ tục hành chính, các phường đều bố trí bộ phận "giao dịch một cửa" để giải quyết các thủ tục cho người dân. Người dân phường 6 và phường 17 quận Gò Vấp phản hồi khá tích cực về các thủ tục ở cấp phường nhanh gọn, thái độ cán bộ hòa nhã. Tuy nhiên khó khăn là một số phường mới chia tách nên chưa có trụ sở, phải thuê nhà dân hoặc mượn tạm nhà văn hóa khu phố với diện tích nhỏ hẹp (riêng ở cấp khu phố, tổ dân phố hầu hết không có hội quán riêng). Thủ tướng Chính phủ yêu cầu từ tháng 8/2007 các phường tổ chức làm việc vào ngày thứ bảy hàng tuần (trừ ngày lễ, tết) để giải quyết những thủ tục hành chính cho người dân. Mặc dù có quy định nghỉ bù hoặc hưởng lương gấp đôi khi bố trí cán bộ làm việc vào ngày nghỉ, các phường vẫn thấy khó khăn vì thực tế thành phố chưa bố trí ngân sách thêm, và có những vị trí cán bộ (ví dụ tư pháp) cả phường chỉ có 1 người nên khó bố trí nghỉ bù.

Mô hình tổ chức ở cấp cơ sở khu vực đô thị gồm 3 cấp: phường, khu phố và tổ dân phố (khác với các xã khu vực nông thôn chỉ có 2 cấp: xã và thôn xóm). Do qui mô dân số rất đông, nên một phường có thể có hàng trăm tổ dân phố. Ví dụ phường 17 quận Gò Vấp có 6.800 hộ dân, được tổ chức thành 6 khu phố với 102 tổ dân phố. Mô hình 3 cấp ở các phường cũng khiến cho các dòng thông tin "lên và xuống" (từ phường xuống đến người dân, từ người dân lên đến phường) chậm hơn. Sự tham gia của người dân vào các công việc chung còn phụ thuộc nhiều vào cách tổ chức, điều hành của cán bộ cơ sở. Khi được hỏi "tổ dân phố làm gì?", câu trả lời của cán bộ tổ dân phố ở một số điểm quan trắc là "chủ yếu thu các loại quỹ vận động". Thời gian vừa qua việc tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ khu phố, tổ dân phố ở khu vực đô thị làm được rất ít. Cán bộ khu phố và tổ dân phố nắm bắt các chính sách, quy định của Nhà nước chậm và không đầy đủ, dẫn đến không giải thích được đúng và rõ ràng cho người dân hiểu, dễ gây ra các thắc mắc trong dân.

Do một số phường mới chia tách, cán bộ ít và nhiều việc, dân số đông nên việc nắm bắt, giải quyết các bức xúc của người dân nhất là tại các tổ dân phố nhất là các địa bàn tách biệt, trong hẻm sâu còn chậm. Công tác trao đổi thông tin, giao ban giữa cán bộ khu phố, tổ dân phố với cán bộ phường nhiều nơi không duy trì thường xuyên. Như tại phường Lãm Hà, quận Kiến An-HP, cán bộ lãnh đạo phường không hề biết về nhu cầu vay vốn của chi hội phụ nữ ở "xóm Đào" (tổ dân phố 30, xem Hộp 4) dù nguồn vốn vay không thiếu "vốn vay có 2 tỷ, không thiếu, phường đã ký nhiều dự án cho vay mà lần đầu tiên được nghe về nhu cầu vay vốn ở tổ 30 này...".

Mức lương và phụ cấp của cán bộ cơ sở còn thấp cũng ảnh hưởng đến nhiệt tình và trách nhiệm trong công việc. Vị trí "cán bộ XĐGN" cấp phường ở Hải Phòng là kiêm nhiệm, phải làm rất nhiều việc mà chỉ được phụ cấp thêm 50.000 đồng/tháng. Mức phụ cấp cho cán bộ tổ dân phố hiện nay trong khoảng 100-200.000 đồng/tháng, "không đủ để đổ tiền xăng đi họp", "trước còn mua được 20kg gạo, giờ chỉ mua được 10kg gạo". Thực tế phỏng vấn hầu hết cán bộ cơ sở đều không mặn mà với vị trí "tổ trưởng dân phố" vì còn phải lo cho cuộc sống gia đình.



Có quá nhiều "vận động" nên khi vận động xây dựng quỹ vì người nghèo gặp khó khăn

Hạn chế trong phân cấp không kèm theo nguồn lực, trong khi công tác "xã hội hóa" gặp khó khăn

Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở gắn với công khai và minh bạch thông tin sẽ giúp cho các hoạt động ở cấp phường thuận lợi hơn

Cán bộ cơ sở thường gặp khó khăn khi tiến hành các cuộc vận động người dân và doanh nghiệp đóng góp cho các quỹ vì người nghèo như "quỹ XĐGN", "quỹ tình thương Gò Vấp". Lý do được nêu ra là hiện nay có nhiều "vận động" quá, khiến cho các cuộc vận động xây dựng quỹ vì người nghèo khó được hưởng ứng rộng rãi. Tuy nhiên, quan trọng là việc chủ động phản hồi thông tin cho người dân về việc sử dụng các quỹ đó như thế nào còn ít được chú trọng (mới chỉ là "báo cáo trong các cuộc họp" và "ai quan tâm có thể xem").

Phân cấp, phân quyền hơn nữa cho cấp phường, xã là một chủ trương của Nhà nước. Ví dụ, tại quận Gò Vấp việc cải tạo, "cứng hóa" các con hẻm rộng dưới 4m được giao cho cấp phường, từ 4-12 m giao cho cấp quận, và trên 12m giao cho cấp thành phố. Tuy nhiên, phân cấp không kèm theo nguồn lực sẽ đặt ra khó khăn lớn cho cấp phường, vì việc huy động đóng góp của người dân theo cách "xã hội hóa" ("nhà nước và nhân dân cùng làm") không hề dễ dàng.

Những khó khăn nêu trên đang đặt ra nhiều thách thức cho việc thực hiện qui chế dân chủ ở cấp cơ sở. Người dân luôn nhạy cảm với các khoản đóng góp cho các hoạt động "xã hội hóa", đòi hỏi phải có sự công khai và minh bạch. Các cán bộ cơ sở được phỏng vấn đều cho rằng "bây giờ làm cái gì cần dân đóng góp đều phải làm kỹ, giám sát chặt chẽ". Kinh nghiệm của quận Gò Vấp trong việc triển khai chương trình "phân tích ngân sách cấp phường/xã" cho thấy nâng cao năng lực cán bộ cơ sở gắn với công khai và minh bạch thông tin sẽ giúp cho các hoạt động quản lý nhà nước và các hoạt động "xã hội hóa" được triển khai thuận lợi hơn (xem Hộp 11). Tuy nhiên, chương trình "phân tích ngân sách cấp phường/xã" trước đây xây dựng các nhóm phát triển cộng đồng (ELBAG) dựa vào các đại biểu HĐND phường, nay cần theo kịp những thay đổi về mô hình chính quyền đô thị ở các thành phố lớn. Từ tháng 4/2009 TP.HCM sẽ thí điểm không tổ chức HĐND cấp quận huyện và cấp phường (theo Nghị quyết của Quốc hội). Tình hình này đòi hỏi chương trình có sự điều chỉnh về nhóm đối tượng gắn với cán bộ khu phố và tổ dân phố nhiều hơn.

HỘP 11. Phân tích ngân sách cấp phường, xã - một cách làm phát huy dân chủ ở cơ sở

Quận Gò Vấp đã thực hiện chương trình "phân tích ngân sách cấp phường, xã" do AAV tài trợ từ tháng 11/2005. Trong 3 năm thực hiện, chương trình đã triển khai một số hoạt động chính như sau:

- Tổ chức 20 khóa tập huấn phân tích ngân sách (cơ bản và nâng cao) cho gần 800 người là đại biểu HĐND, cán bộ ban ngành đoàn thể phường và cán bộ ban điều hành khu phố, tổ dân phố
- Thành lập 10 nhóm phát triển cộng đồng (ELBAG) theo tổ chức HĐND tại phường
- Duy trì, phát hiện thông tin qua hệ thống các khu phố tại phường 6 và phường 17, từ đó phối hợp với nhóm phát triển cộng đồng để giải quyết.
- Thông tin về ngân sách qua 6 đợt tiếp xúc cử tri.
- Tổ chức 2 đợt phân tích ngân sách mẫu tại phường 6 và phường 17
- Toạ đàm chia sẻ về thuận lợi, khó khăn trong phân tích ngân sách tại phường 17.
- Thông tin công khai các hoạt động trên tờ tin của phường (được phát đến các tổ dân phố) và trên trang web của UBND quận.
- Lồng ghép với chương trình phân tích ngân sách còn có các hoạt động như: phân tích ngân sách gia đình trong thời kỳ lạm phát, tập huấn tiến trình khảo sát hộ nghèo, tập huấn kết dư ngân sách...

Chương trình "phân cấp ngân sách cấp phường/xã" đã giúp cho các thành viên tham gia chương trình nhận thấy phường cần minh bạch và có trách nhiệm giải trình trong các khoản thu chi ngân sách đặc biệt các khoản thu do dân đóng góp. Thông tin của người dân về những khó khăn, thắc mắc được cập nhật kịp thời hơn từ khu phố và được phối hợp giải quyết. Người dân cũng nhìn ra những khó khăn của phường về các khoản ngân sách hỗ trợ. Lãnh đạo phường 17 cho biết: "đây là một cách làm tốt, tạo được sự quan tâm của người dân và cán bộ cơ sở. Người dân đã hiểu biết rõ hơn về những khó khăn của Phường, từ đó chia sẻ cùng với Phường. Có nhiều việc người dân trước đây cứ đề nghị Phường giải quyết nhưng thực ra Phường không làm nổi, không có dòng ngân sách để làm. Sự công khai, minh bạch thông tin ngân sách của Phường qua thực hiện chương trình "phân tích ngân sách" giúp cho các hoạt động cộng đồng theo phương châm "xã hội hóa" thực hiện thuận lợi hơn".



Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc rà soát hộ nghèo còn hạn chế

Việc điều tra rà soát hộ nghèo vẫn còn nhiều hạn chế. Nhiều người dù đời sống đã nâng lên vẫn không muốn thoát nghèo vì hộ nghèo có nhiều ưu đãi như được cấp thẻ BHYT miễn phí, khó điều tra thu nhập chính xác vì công việc của người dân không ổn định, và họp tổ dân phố bình xét hộ nghèo không đủ 50% số hộ đi dự. Tại một số điểm quan trắc vẫn không tránh khỏi "bệnh thành tích" khi xét hộ nghèo. Vẫn có tình trạng vì "nể nang, tình cảm" của ban điều hành tổ dân phố nên đưa người vào danh sách hộ nghèo không đúng tiêu chuẩn, bỏ sót hộ nghèo thực sự. Thậm chí có tình trạng xác định hộ nghèo nhưng không họp dân bình xét, đến tổ trưởng tổ dân phố cũng không được biết về xét hộ nghèo.

Cần phân loại hộ nghèo dựa trên nguyên nhân nghèo để triển khai các chính sách hỗ trợ phù hợp

Có nhiều ý kiến của người dân và cán bộ cơ sở về việc cần phân loại hộ nghèo dựa trên nguyên nhân dẫn đến nghèo khi thực hiện các chính sách hỗ trợ. Các ý kiến này cho rằng cào bằng hỗ trợ sẽ tạo ra sự bất bình đẳng giữa các hộ nghèo về thụ hưởng chính sách. Ở góc độ quản trị địa phương, cần có sự phân tích sâu sắc hơn nữa các cách thức hướng hỗ trợ đến từng nhóm đối tượng, có tính đến những định kiến của cộng đồng.

Cần đánh giá lại toàn diện các mô hình hiện có nhằm hướng tới giảm nghèo hiệu quả ở khu vực đô thị

Ở từng thành phố hiện có quá nhiều mô hình "tổ nhóm" hay "câu lạc bộ" nhằm thúc đẩy các nhóm dễ bị tổn thương liên kết mạng lưới, chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau, được thành lập với sự hỗ trợ từ rất nhiều nguồn vốn, nhiều tổ chức khác nhau. Tại 2 phường khảo sát thuộc quận Gò Vấp, đã có hàng chục mô hình như vậy, từ "CLB vươn lên", "CLB vượt khó", "CLB đồng cảm", "CLB phát triển cộng đồng", đến "Nhóm đồng đẳng", "Nhóm trẻ lao động sớm", "Nhóm khởi sự doanh nghiệp", "Nhóm tiết kiệm tín dụng" và "Tổ tự quản giảm nghèo"... Trong số đó có thể có những mô hình hoạt động hiệu quả, nhưng cũng có thể có những mô hình mang tính hình thức hoặc không còn phù hợp (như "Tổ tự quản giảm nghèo", xem Hộp 9 ở trên). Rõ ràng đang có một nhu cầu đánh giá lại toàn diện các mô hình hiện có để rút ra các bài học, kinh nghiệm hướng tới giảm nghèo hiệu quả ở từng địa phương, tránh sự hình thức, chồng chéo, lãng phí nguồn lực.

Các chương trình, dự án cần dựa trên các thiết chế cộng đồng hiện có ở từng địa phương

Điển hình như tại xã ngoại thành An Thái, huyện An Lão-HP từ vài chục năm nay đã tồn tại hình thức 6-7 hộ nuôi chung 1 con trâu, mỗi nhà có một "phiên trâu" (giống như cổ phần) tương ứng với số ngày dùng trâu để cày và số ngày phải chăn trâu luân phiên trong tháng. Những hộ tham gia "phiên trâu" có tính tự giác rất cao, đến lượt nhà ai chăn là phải đảm bảo trâu được "ăn no, tắm sạch". Các chương trình, dự án cần dựa trên những thiết chế cộng đồng hiện có tại từng địa phương tương tự như "phiên trâu", hơn là xây dựng các thiết chế hoàn toàn mới, nhằm nâng cao tính bền vững của các hình thức hợp tác, tính sở hữu của những người tham gia.

Giải quyết mâu thuẫn giữa văn minh đô thị và sinh kế người nghèo cần thận trọng và có hỗ trợ kèm theo

Xử lý mâu thuẫn giữa "văn minh đô thị" và sinh kế của người nghèo cũng là một thách thức của quản trị địa phương hướng đến giảm nghèo đô thị. Các chính sách như cấm bán hàng rong, cấm các cơ sở ve chai trong khu dân cư, cấm xe 3-4 bánh tự chế... đều dựa trên những ý tưởng tốt đẹp về quản lý đô thị, nhưng sẽ gây khó khăn cho sinh kế của người nghèo nhất là người nghèo nhập cư. Do đó cần có cách làm thận trọng từng bước, tạo cơ hội và hỗ trợ cho người nghèo chuyển đổi sinh kế.

Cần sớm giải quyết dứt điểm các vấn đề giải tỏa đền bù và qui hoạch treo ở khu vực đô thị

Cuối cùng, một quan tâm lớn ở địa phương liên quan đến việc giải tỏa đền bù để xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và những "qui hoạch treo" trong nhiều năm. Điển hình như qui hoạch "khu cây xanh" và "công viên văn hóa" rộng hàng trăm ha không triển khai từ nhiều năm nay tại 2 phường 6 và 17 tại quận Gò Vấp. Giải tỏa đền bù luôn là một vấn đề nóng, không chỉ liên quan đến mức đền bù, cách thức thực hiện di dân tái định cư, mà còn liên quan đến các hỗ trợ người dân chuyển đổi sinh kế. Các "qui hoạch treo" cũng cần được giải quyết sớm để tạo tâm lý ổn định cho người dân. Đợt khảo sát lần này không gặp được những người dân bị ảnh hưởng trực tiếp của những vấn đề trên, nhưng cũng nhận được nhiều ý kiến băn khoăn từ phía cán bộ cơ sở. Đây thực sự là một thách thức của quản trị địa phương trong quá trình đô thị hóa cần có phương hướng giải quyết phù hợp.



PHẦN 2.

TÍNH DỄ BỊ TỔN THƯƠNG CỦA CÁC NHÓM XÃ HỘI ĐẶC THÙ TẠI KHU VỰC ĐÔ THỊ

Đợt theo dõi nghèo trong năm 2008 tại thành phố Hải Phòng và quận Gò Vấp (thành phố Hồ Chí Minh) tập trung tìm hiểu sâu hơn về đặc điểm, điều kiện sống và tình trạng dễ bị tổn thương của ba nhóm xã hội đặc thù tại các địa bàn đô thị, gồm nhóm công nhân nhập cư (khu vực chính thức), nhóm buôn bán nhỏ và nhóm xe ôm (khu vực phi chính thức).

2.1 Công nhân nhập cư

Đặc điểm nhóm

Công nhân nhập cư đa số còn trẻ, chưa lập gia đình, nữ đông hơn nam, đến từ các gia đình làm nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ và Tây Nam bộ

Trong mẫu khảo sát 120 công nhân nhập cư làm việc trong các công ty, xí nghiệp tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM), có 65% là phụ nữ, 100% là người Kinh.

Hình 1 cho thấy đa số công nhân nhập cư trong độ tuổi 18-30, chưa lập gia đình. Hầu hết trong số họ có trình độ văn hóa tốt nghiệp phổ thông cơ sở (cấp 2) trở lên. Nhóm nam công nhân trong mẫu khảo sát có mặt bằng trình độ văn hóa cao hơn nhóm nữ công nhân, có lẽ do nữ công nhân thường làm trong các ngành sử dụng nhiều lao động như may mặc, giày da không yêu cầu trình độ văn hóa cao.

Hầu hết công nhân nhập cư là người Kinh đến từ các gia đình làm nông nghiệp ở khu vực nông thôn. Đa số công nhân nhập cư tại Hải Phòng đến từ các huyện ngoại thành và các tỉnh lân cận ở Đồng bằng sông Hồng; trong khi đó đa số công nhân nhập cư tại Gò Vấp (TP.HCM) đến từ các tỉnh Bắc Trung bộ và miền Tây Nam bộ. Người lao động ở các tỉnh Bắc Trung bộ thường có tâm lý vào Nam kiếm việc hơn là ra phía Bắc, vì theo họ vào Nam để xin việc hơn và có thể có thu nhập cao hơn.

Kinh tế là lý do di cư chính, nhưng lớp trẻ có tâm lý thoát ly nông thôn để trải nghiệm môi trường sống mới

Quá nửa số công nhân được phỏng vấn là người trực tiếp làm nông nghiệp trước khi ra thành phố tìm việc. Họ thường giải thích lý do chính dẫn đến việc di cư là khía cạnh kinh tế, như thiếu đất nông nghiệp, thiếu việc làm, thu nhập thấp và bấp bênh ở nông thôn. Tuy nhiên, chỉ một số ít công nhân nhập cư cho rằng tiền gửi về nhà của mình là một nguồn thu nhập chính của gia đình ở quê. Lớp thanh niên trẻ còn có tâm lý muốn thoát ly nông thôn để trải nghiệm môi trường sống và làm việc ở khu vực đô thị. Đường sá và thông tin liên lạc tốt hơn khiến cho việc di cư trở nên dễ dàng hơn.

Nhóm nghèo nhất ít có điều kiện di cư

Hình 1 cũng cho thấy chỉ một phần bảy số công nhân được phỏng vấn thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn nghèo hiện hành của Chính phủ. Có thể lý giải nhóm nghèo nhất ở khu vực nông thôn ít có điều kiện di cư đến các thành phố lớn để làm việc trong khu vực chính thức.

Bạn bè hoặc người cùng quê giới thiệu là cách chính để tìm việc

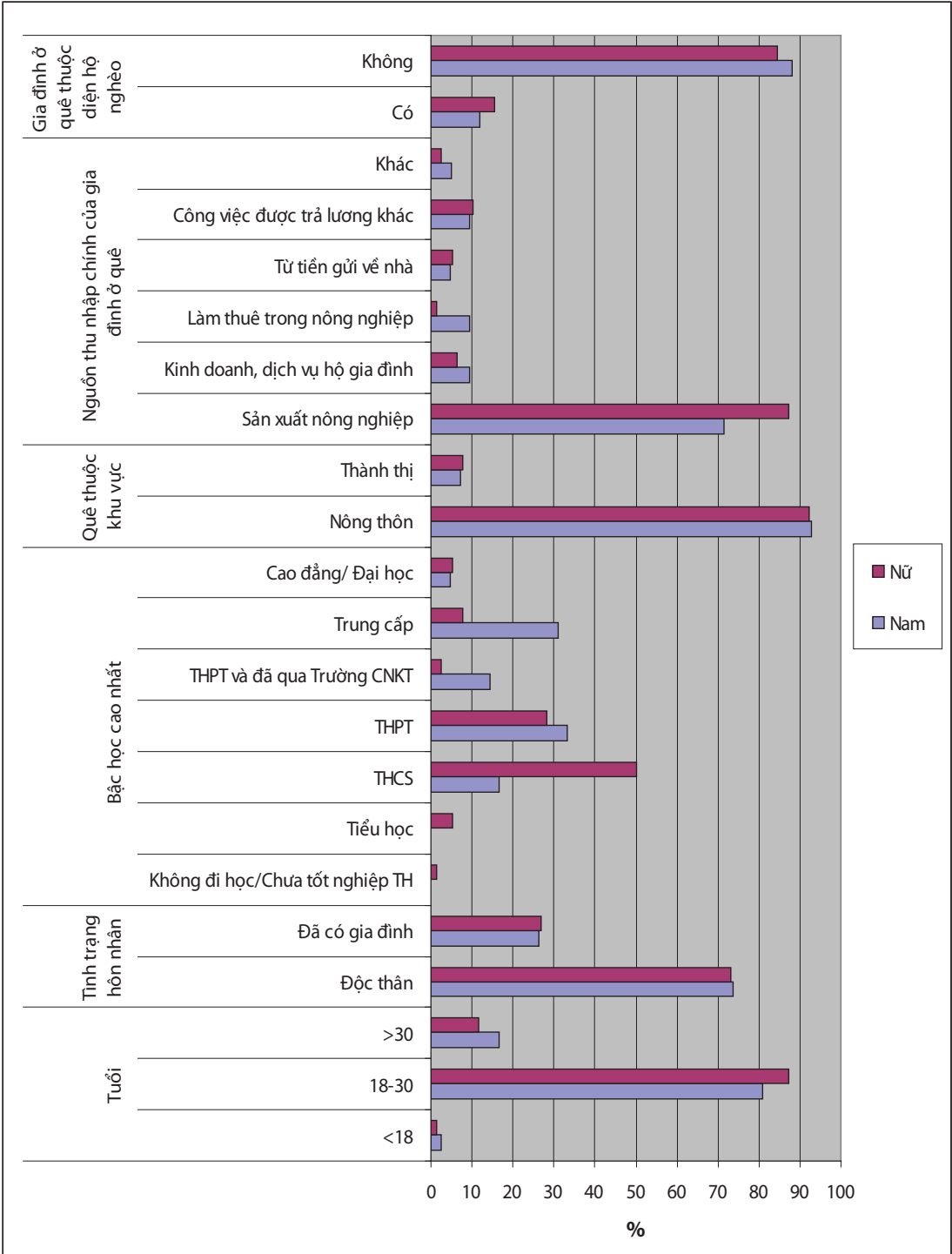
Hai phương thức tìm việc phổ biến nhất của người lao động là qua bạn bè/người quen cùng quê giới thiệu và đọc các thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp. Các công ty thường ưu tiên tuyển dụng những người đã có tay nghề, nhất là nghề may mặc, giày da. Gần một nửa số công nhân phỏng vấn cho biết họ đã tham gia lớp đào tạo nghề của doanh nghiệp, với thời gian đào tạo nghề phổ biến là một tháng.

Công nhân có xu hướng chuyển chỗ làm việc nhanh chóng

Khoảng một phần năm số công nhân phỏng vấn làm việc tại doanh nghiệp hiện tại chưa được 6 tháng. Khoảng một nửa đã làm tại doanh nghiệp hiện tại trong vòng hai năm. Đáng lưu ý là hầu như toàn bộ số công nhân phỏng vấn đều đã làm qua ít nhất một doanh nghiệp khác trước khi đến với doanh nghiệp hiện tại. Lý do chuyển việc thường được nêu ra là tìm chỗ làm mới có thu nhập cao hơn.



HÌNH 1. Đặc điểm của nhóm công nhân nhập cư



Nguồn: Phòng vấn 120 công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM), tháng 6-7/2008

Điều kiện sống

Công nhân thuê chung phòng trọ với tiện nghi đơn giản để tiết kiệm chi phí

Đa số công nhân nhập cư thuê chung phòng trọ theo nhóm nhỏ từ 2-5 người là đồng nghiệp làm cùng nhà máy hoặc đồng hương. Rất ít công nhân thuê phòng riêng để ở một mình, ở nhờ nhà người thân hoặc ở ký túc xá của nhà máy. Diện tích phòng trọ tùy từng nơi, phổ biến 10-15 m², đa số có công trình phụ khép kín. Tiện nghi sinh hoạt trong phòng trọ của công nhân nhập cư rất đơn giản, hầu hết chỉ có giường, tủ vải và quạt điện. Rất ít phòng trọ có ti vi để xem tin tức và các chương trình giải trí.

Giá thuê phòng trọ hàng tháng phổ biến ở mức 300 – 500 nghìn đồng/phòng, tại Hải Phòng thường rẻ hơn so với tại Gò Vấp (TP. HCM). Công nhân ở nhà trọ thường phải trả chi phí điện tính theo giá kinh doanh dịch vụ từ 2.000 – 3.000 đồng/số điện (mức cao nhất theo giá điện lũy tiến). Tiền nước, tiền thu rác, bảo vệ ở địa phương... thường được chủ nhà trọ thu theo mức khoán cố định hàng



Công nhân nhập cư phải chịu giá phòng trọ tăng, giá điện nước cao, trong khi các điều kiện vệ sinh không đảm bảo và môi trường xung quanh thiếu an toàn

tháng. Đa số công nhân nhập cư khi được phỏng vấn cho biết, giá phòng trọ tại thời điểm khảo sát đã tăng từ 50-100 nghìn đồng/ tháng so với giá phòng trọ cuối năm 2007.

Bảng 7 cho thấy công nhân nhập cư không hài lòng nhất về môi trường ô nhiễm/kém vệ sinh, nguồn nước sinh hoạt kém và diện tích nhà ở chật chội tại nơi ở trọ của mình. Ngoài ra, những nữ công nhân còn trẻ độc thân và phải thuê nhà trọ trong các hẻm sâu hoặc khu vực tập trung nhiều tệ nạn xã hội thường cảm thấy e ngại, không an toàn nếu đi về nhà buổi tối sau khi làm tăng ca.

BẢNG 7. Ý kiến của công nhân về nơi ở hiện tại (%)

	Hải Phòng	Gò Vấp (TP.HCM)	Trung bình
Diện tích nhà ở chật chội	13,3	16,7	15,0
Nhà ở lụp xụp/tạm bợ	0,0	1,7	0,8
Nguồn nước sinh hoạt kém	11,7	23,3	17,5
Nhà bếp/ điều kiện nấu ăn kém	5,0	0	2,5
Nhà tắm/ nhà vệ sinh kém	8,3	3,3	5,8
An ninh trật tự kém	8,3	5,0	6,7
Tệ nạn xã hội	5,0	6,7	5,8
Nguồn điện kém	8,3	0	4,2
Đường đi lại khó khăn	3,3	18,3	10,8
Môi trường ô nhiễm/kém vệ sinh	0	40,0	20,0
Xa chợ/ xa cửa hàng	1,7	3,3	2,5
Xa nơi vui chơi giải trí	5,0	6,7	5,8
Quan hệ với hàng xóm không tốt	0	0	0
Chính quyền địa phương ít quan tâm	5,0	0	2,5
Vấn đề khác	1,7	0	0,8

Nguồn: Phỏng vấn 120 công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM), tháng 6-7/2008

Một số ý kiến chia sẻ về điều kiện ăn ở của công nhân nhập cư như sau:

- “Phòng không có gác, công trình phụ ở ngoài, có giường ngủ, có hai quạt, không có gì khác. Tiền thuê trọ là 250.000 đồng/tháng, tính cả điện nước là 300.000 đồng/tháng/5 người.” -- Trịnh Thị N., 23 tuổi, công nhân nhập cư quận Lê Chân, Hải Phòng.
- “Chúng em thuê một phòng 14m² cho 5 người ở, có công trình phụ riêng, có nước máy. Tiền thuê trọ là 350.000 đồng/tháng, điện nước là 100.000 - 150.000 đồng/tháng. Phòng em không có tivi, nhưng có thể xem nhờ bà chủ”. -- Bùi Thị H., 26 tuổi, công nhân nhập cư quận Lê Chân, Hải Phòng.
- “Tiền ăn tăng từ gói mì tôm trở đi. Năm ngoái gói mì có giá 1.000 đồng thì năm nay, cũng gói mì ấy là 2.000 đồng. Rồi tiền nhà cũng tăng giá. Mọi năm chỉ tăng giá nhà 1 lần vào đầu năm, năm nay từ đầu năm đến giờ đã 2 lần tăng giá nhà rồi. Điện cũng tăng từ 2.500 đồng/ số điện lên 3.000 đồng/ số.” -- Thảo luận nhóm công nhân phường 6, quận Gò Vấp, TP.HCM.

Công nhân không gặp khó khăn về đăng ký tạm trú

Hầu hết công nhân ở nhà trọ đã đăng ký tạm trú (do chủ nhà trọ làm giúp), và họ cũng không gặp khó khăn gì về đăng ký tạm trú. Quy định mới của Luật Cư trú không cần giấy tạm vắng do chính quyền ở quê nhà cấp khi đăng ký tạm trú ở thành phố cũng giúp cho công nhân nhập cư giảm bớt thời gian đi lại và các chi phí liên quan.

Thời gian và điều kiện giải trí hạn chế

Đa số công nhân nhập cư cho biết do thời gian làm việc nhiều, phương tiện đi lại không sẵn có (không có xe máy) nên việc đi chơi cũng rất hạn chế. Khi được hỏi “làm gì trong thời gian rảnh”, đa số cho biết họ thường ngủ hoặc trò chuyện với bạn bè cùng phòng.

Quan hệ xã hội hạn chế cũng do có ít hoạt động phong trào tại doanh nghiệp. Do đó, nhiều công nhân trẻ bày tỏ mong muốn được tham gia các hoạt động sinh hoạt phong trào tại cộng đồng dân cư nơi tạm trú vào ngày nghỉ để có cơ hội giao lưu. Nhóm công nhân nhập cư phường 6, quận Gò Vấp chia sẻ “Đi làm đến 8 giờ tối mới về, cơm nước xong thì cũng 9 giờ rồi còn đi đâu nữa nên chủ yếu đi



Công nhân nhập cư ít tham gia các hoạt động cộng đồng tại nơi tạm trú

làm về là ở nhà hoặc thỉnh thoảng sang hàng xóm xem nhờ ti vi thôi. Chúng em cũng muốn được đi gặp gỡ, giao lưu lắm nhưng có đi chỉ đi được vào thứ bảy, chủ nhật mà cũng chả biết đi đâu. Nếu như Đoàn thanh niên thường mời bọn em đi thì chúng em sẽ đi ngay.”

Để bị tổn thương trong Quan hệ lao động

Làm việc không ký hợp đồng lao động chủ yếu xảy ra ở khu vực tư nhân

Việc ký kết hợp đồng lao động và thực hiện các chế độ phúc lợi xã hội đối với người lao động tại Hải Phòng dường như được thực hiện tốt hơn so với tại quận Gò Vấp (TP.HCM). Bảng 8 cho thấy toàn bộ công nhân được phỏng vấn ở Hải Phòng đều được ký hợp đồng lao động chính thức. Trong khi đó có đến hơn một phần ba công nhân được phỏng vấn tại Gò Vấp (TP.HCM) chưa được ký hợp đồng lao động chính thức, trong đó chủ yếu là công nhân làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân.

Bản thân người lao động cũng ít quan tâm đến nội dung hợp đồng lao động

Đáng lưu ý, nhiều người lao động mới chỉ nghĩ tới thu nhập hàng tháng mà chưa hiểu hết ý nghĩa của việc ký kết hợp đồng lao động, không quan tâm nhiều đến nội dung của hợp đồng lao động. Tình hình này đòi hỏi nỗ lực hơn nữa của các bên liên quan nhằm nâng cao nhận thức của người lao động để họ có thể tự bảo vệ những quyền lợi chính đáng của mình. Qua phỏng vấn, một số công nhân cho biết:

- “Em có ký hợp đồng lao động, hình như là hợp đồng ngắn hạn hay sao ấy, em cũng không rõ lắm. Chỉ biết là cứ cách một thời gian, phòng tổ chức lại gọi bọn em lên ký hợp đồng thêm. Bọn em cứ ký cho nhanh” -- Nguyễn Văn T. 25 tuổi, nam công nhân nhập cư tại Hải Phòng.
- “Nói chung người đi làm chúng em không cần đọc nội dung hợp đồng lao động và cũng không tìm hiểu hợp đồng nhiều, chủ yếu là tính về mặt lợi ích kinh tế, biết được người ta trả mình bao nhiêu lương, có đủ sống không thôi”. -- Thảo luận nhóm công nhân nhập cư tại quận Kiến An, Hải Phòng.

Đa số công nhân được hưởng các chế độ phúc lợi cơ bản, tiền thưởng lễ Tết và hỗ trợ tiền ăn ca

Đa số công nhân nhập cư được hưởng các chế độ phúc lợi cơ bản như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nghỉ phép và nghỉ ốm. Hầu hết công nhân được nhận tiền thưởng dịp lễ, Tết, và được hỗ trợ toàn bộ hoặc một nửa tiền bữa cơm trưa, ăn giữa ca (thường có giá 7.000 – 10.000 đồng/bữa). Tuy nhiên, công nhân cho biết chất lượng bữa ăn trưa tại một số doanh nghiệp không được đảm bảo. Khoảng một nửa số công nhân phỏng vấn được nhận tiền hỗ trợ mua quần áo. Chỉ một số ít công nhân được nhận hỗ trợ tiền thuê nhà và tiền đi lại.

Bảng 8 cho thấy, nhìn chung tỷ lệ công nhân tại Hải Phòng được nhận các khoản tiền thưởng hoặc trợ cấp xã hội này vẫn cao hơn so với công nhân tại Gò Vấp (TP.HCM).

BẢNG 8. Hợp đồng lao động và chế độ được hưởng tại doanh nghiệp (%)

	Hải Phòng	Gò Vấp (TP.HCM)	Trung bình
Loại hợp đồng lao động			
Không thời hạn	33,3	20,0	26,7
Có thời hạn (1-3 năm)	61,7	33,3	47,5
Ngắn hạn (dưới 1 năm)	3,3	5,0	4,2
Không ký hợp đồng	0	38,3	19,2
Khác	1,7	3,3	2,5
Chế độ xã hội cơ bản			
Bảo hiểm xã hội	93,3	58,3	75,8
Bảo hiểm y tế	90,0	51,7	70,8
Nghỉ phép	91,7	55,0	73,3
Nghỉ ốm	98,3	35,0	66,7
Các khoản trợ cấp, tiền thưởng			
Tiền ăn trưa, ăn giữa ca	88,3	73,3	80,8
Tiền thưởng dịp lễ, Tết	88,3	83,3	85,8
Hỗ trợ tiền quần áo	63,3	38,3	50,8
Hỗ trợ tiền thuê nhà	25,0	5,0	15,0
Hỗ trợ tiền đi lại	15,0	0	7,5
Khác	1,7	0	0,8

Nguồn: Phỏng vấn 120 công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM), tháng 6-7/2008



Làm tăng giờ, tăng ca là cách chính để công nhân có thêm thu nhập, có tiền tiết kiệm gửi về quê

Hầu hết công nhân đều có làm tăng ca với số giờ làm thêm trung bình vào khoảng 10-15 giờ/ tuần, tùy thuộc vào thời điểm nhiều đơn đặt hàng. Thời gian làm tăng ca nhiều nên hầu hết công nhân không có điều kiện đi chơi bên ngoài hoặc đăng ký học hành thêm. Các cơ hội giao lưu, kết bạn của các công nhân nhập cư cũng bị hạn chế do áp lực về thời gian làm việc. Do thời gian làm việc trong nhà máy dài và căng thẳng nên rất hiếm công nhân làm thêm việc ở ngoài. Mặc dù vậy, tăng ca vẫn được người lao động xem như cơ hội chính để có thêm thu nhập trang trải cuộc sống, có thêm tiền tiết kiệm và gửi về phụ giúp gia đình. Một số công nhân chia sẻ:

- “Em nghỉ học vào đầu năm lớp 9 để đi làm kiếm tiền phụ giúp ba mẹ dù cũng muốn đi học vì em có ước mơ trở thành hướng dẫn viên du lịch... Cho dù ở đây có tạo điều kiện cho em đi học bổ túc ban đêm thì em vẫn thấy khó, vì chỉ vài tháng nữa thôi, từ tháng 9 trở đi đến hết năm, chúng em phải tăng ca nhiều lắm. Lúc đó thì có đi học cũng phải bỏ ngang thôi”. -- Hồ Thị A., công nhân nhập cư ở tại phường 17, quận Gò Vấp
- “Chúng em phải làm việc 12 giờ/ngày, một tháng chỉ được nghỉ 2 ngày chủ nhật, và chỉ thỉnh thoảng, khi nào hàng ít mới làm 8 tiếng/ngày. Em muốn làm một ngày tăng ca, một ngày không”. -- Lê Thị H., 20 tuổi, công nhân nhập cư ở tại phường 17, quận Gò Vấp.

Điều kiện làm việc nhiều nơi không đảm bảo

Đa số công nhân được phát trang bị bảo hộ lao động, nhưng thường chỉ ở mức đơn giản như khẩu trang để đeo trong giờ làm việc. Tuy nhiên, một số công nhân được phát khẩu trang lại không muốn sử dụng vì họ cảm thấy ngột ngạt trong xưởng làm việc chật chội. Nhiều nơi xưởng làm việc lợp mái tôn nên rất nóng bức vào mùa hè. Đa số nhà vệ sinh trong nhà máy được nhận xét là không sạch sẽ.

Danh nghiệp FDI thường qui định khắt khe về nội qui làm việc, gây bất tiện cho lao động nữ

Công nhân nhận xét các quy định trong giờ làm việc của một số công ty có vốn đầu tư nước ngoài rất khắt khe, như qui định về việc nói chuyện điện thoại, số lần đi vệ sinh, qui định về trừ lương, trừ phụ cấp (ví dụ, chỉ cần nghỉ một buổi, dù là ốm có phép cũng bị trừ tiền chuyên cần)... Nhóm nữ công nhân nhập cư ở tại phường 6, quận Gò Vấp (TP.HCM) cho biết “Ở chỗ em làm, cả một dây chuyền khoảng 100 người mà cũng chỉ có 1 thẻ đi vệ sinh. Nếu mà cần lắm ra nói với bảo vệ họ cũng không chịu, họ bảo cứ chờ có thẻ về rồi mới được đi. Tranh thủ “giải quyết” vào giờ giải lao thì lại chỉ có 15 phút, cả dây xếp hàng dài, có khi hết giờ vẫn chưa tới lượt mình...”

Công nhân nhập cư thường tự đi mua thuốc chữa bệnh hơn là trông vào y tế nhà máy hay BHYT

Việc tiếp cận với dịch vụ chăm sóc sức khỏe ngay tại doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Gần một nửa người được phỏng vấn cho biết họ chưa bao giờ sử dụng dịch vụ y tế nhà máy; khi ốm đau họ thường tự đi mua thuốc ở nhà thuốc tư nhân về uống. Một số công nhân có thẻ BHYT thì có thể xin nghỉ ốm để đến bệnh viện khám (bị trừ tiền chuyên cần). Họ phản ánh nếu xin phép nghỉ ốm mà không đến khám đến đúng nơi doanh nghiệp đăng ký BHYT thì sẽ bị tính là nghỉ không phép và bị trừ lương.

Cần có cơ chế tham vấn thích hợp để công nhân nhập cư chia sẻ những khó khăn của mình

Tuy nhiên, đa số người lao động coi những bất lợi, rủi ro về điều kiện làm việc như một chuyện “đương nhiên”, “phải chịu thôi” để đổi lấy cơ hội có việc làm và thu nhập. Các bức xúc của công nhân về điều kiện làm việc dường như bộc lộ nhiều hơn thông qua trò chuyện cởi mở thân thiện. Do đó, cần có các cơ chế tham vấn, chia sẻ theo cách gần gũi hơn để người công nhân nói lên hết những cảm nhận của mình.

Để bị tổn thương về Thu nhập và Chi tiêu

Mức lương thực tế của công nhân nhập cư đã tăng trong năm qua, nhưng không phải ai cũng được tăng lương

Số liệu phỏng vấn 120 công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM) cho thấy tổng thu nhập (gồm lương cơ bản, lương tăng ca/tăng giờ, thưởng chuyên cần, phụ cấp thâm niên, phụ cấp trách nhiệm...) của nhóm công nhân nhập cư tại thời điểm giữa năm 2008 bình quân đạt gần 1,7 triệu đồng/tháng.

Bảng 9 cũng cho thấy mức tăng thu nhập phổ biến của công nhân nhập cư trong năm qua là 10-20%. Tuy nhiên, vẫn còn trên 40% số công nhân cho biết tổng thu nhập của họ không tăng so với năm ngoái.



BẢNG 9. Thay đổi thu nhập bình quân tháng năm 2008 so với năm 2007 (%)

Thu nhập	Hải Phòng	Gò Vấp (TP.HCM)	Trung bình
Vẫn giữ nguyên	45	40	42,5
Tăng dưới 10%	6,7	21,7	14,2
Tăng từ 10-20 %	33,3	20	26,7
Tăng từ 20 – 30%	10	5	7,5
Giảm	0	6,7	3,3
Khác	0	6,7	3,3

Nguồn: Phòng vấn 120 công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM), tháng 6-7/2008

Thu nhập thường không ổn định do thiếu việc làm, ốm đau hoặc chuyển sang việc khác

Thu nhập của công nhân thường không ổn định. Bảng 10 cho thấy trong 12 tháng qua có trên 20% công nhân nhập cư bị giảm sút thu nhập đột xuất, với mức giảm thu nhập bình quân là trên 20% trong khoảng thời gian phổ biến là 2-3 tháng. Một số lý do chính của việc giảm thu nhập đột xuất là: (i) nhà máy thiếu việc làm; (ii) bị ốm (dẫn đến giảm năng suất lao động hoặc phải nghỉ làm ở nhà chữa bệnh một thời gian); và (iii) chuyển sang vị trí làm việc khác dẫn đến giảm lương.

BẢNG 10. Thu nhập giảm sút đột xuất trong 12 tháng qua (%)

	Hải Phòng	Gò Vấp (TP.HCM)	Trung bình
Tỷ lệ công nhân có thu nhập giảm sút đột xuất trong 12 tháng qua	8,5	35,0	21,8
Các lý do giảm thu nhập			
Bị ốm	20,0	28,6	26,9
Nhà máy thiếu việc làm	80,0	38,1	46,2
Chuyển vị trí làm việc	20,0	14,3	15,4
Bị trừ lương	0	4,8	3,8
Khác	0	14,3	11,5

Nguồn: Phòng vấn 120 công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM), tháng 6-7/2008

Ăn uống, thuê nhà và hiếu hỷ là những khoản chi lớn của công nhân

Chi phí ăn uống và thuê nhà là hai khoản chi lớn nhất trong quỹ chi tiêu của nhóm công nhân nhập cư. Nhìn chung, chi phí thuê nhà và ăn uống của công nhân nhập cư tại Hải Phòng thấp hơn so với nhóm công nhân nhập cư tại Gò Vấp (thành phố Hồ Chí Minh). Đặc biệt, chi phí cho các khoản hiếu hỷ (nhất là tiền mừng đám cưới bạn bè) cũng là một khoản chi lớn của công nhân nhập cư.

Khi giá cả tăng công nhân phải tiết kiệm tối đa mọi chi phí...

Thời điểm khảo sát tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM) vào giữa năm 2008 là lúc đỉnh điểm của lạm phát. Giá cả của hầu hết các loại lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm đến giá thuê nhà đều tăng. Trong cơn bão giá, hầu hết công nhân nhập cư phải tiết kiệm tối đa các chi phí sinh hoạt, một số đã chấp nhận chuyển nhà sống xa nơi làm việc, thuê nhà ở những khu vực xa nơi làm việc với điều kiện sinh hoạt về vệ sinh môi trường, cơ sở hạ tầng kém hơn nhưng giá thuê phòng rẻ hơn.

... và tiền gửi về nhà bị giảm mạnh thậm chí không còn tiền gửi về nhà

Phần lớn công nhân nhập cư đều coi việc tiết kiệm và gửi tiền về nhà là mục đích chính của việc lên thành phố kiếm việc làm. Bảng 11 cho thấy hơn một nửa công nhân nhập cư có tiền tiết kiệm và có gửi tiền về nhà hàng tháng trong 12 tháng qua. Tiền gửi về nhà được gia đình sử dụng vào các mục đích chính là trang trải chi phí học hành; chi tiêu hàng ngày và trang trải chi phí chăm sóc sức khỏe. Trong cơn bão giá, tiền gửi về nhà của hầu hết công nhân đã bị giảm trong năm 2008 so với năm 2007, một số phải tạm thời không gửi tiền về nhà nữa.



BẢNG 11. Tiền tiết kiệm và gửi về nhà trong 12 tháng qua (%)

	Hải Phòng	Gò Vấp (TP.HCM)	Trung bình
Có tiền tiết kiệm hàng tháng (sau khi trừ chi phí)	60,0	58,3	59,2
Gửi tiền cho người nhà trong 12 tháng qua	62,7	55,0	58,8
Mục đích sử dụng tiền gửi về nhà			
Sản xuất nông nghiệp	20,0	0	10,3
Buôn bán kinh doanh	0	6,1	2,9
Chi phí học hành	62,9	33,3	48,5
Chi phí chăm sóc sức khỏe	14,3	48,5	30,9
Giỗ chạp, ma chay, cưới xin	22,9	9,1	16,2
Tu sửa, kiến thiết nhà cửa	28,6	12,1	20,6
Mua sắm đồ đạc có giá trị	8,6	0,0	4,4
Chi tiêu hàng ngày	40,0	48,5	44,1
Trả nợ	20,0	0	10,3
Cho vay, để dành, gửi tiết kiệm/ngân hàng	2,9	0	1,5
Khác	2,9	0	1,5
Mức độ giảm tiền gửi về nhà năm 2008 so với 2007			
Giảm ít (< 25 %)	46,2	74,1	65,0
Giảm tương đối (25-50%)	15,4	3,7	7,5
Giảm mạnh (> 50%)	15,4	0	5,0
Tạm thời không gửi tiền về nhà nữa	23,1	22,2	22,5

Nguồn: Phỏng vấn 120 công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM), tháng 6-7/2008

Một số công nhân chia sẻ về những khó khăn hiện nay của mình như sau:

- “Tiền lương chỉ có thể thì lấy đâu ra ăn nhiều. Năm ngoái 4 đĩa nấu ăn hết 20.000 đồng/bữa thì năm nay cũng chỉ dám tiêu từng ấy tiền. Tiền ít thì mua thức ăn giảm đi. Năm ngoái mua 2 lạng thịt thì năm nay chỉ mua 1 lạng thôi, không dám mua thịt ngon nữa. Ăn bữa trưa ở công ty cũng thế, thức ăn giảm đi hẳn.” - Thảo luận nhóm công nhân phường 6, quận Gò Vấp, TP. HCM.
- “Năm ngoái ra quán ăn cơm một suất là 5.000 đồng thì năm nay nếu ăn quán, phải mất 7.000 - 8.000 đồng. Thấy đắt nên mấy đứa ở cùng phòng đi làm về tự nấu ăn cho rẻ. Sáng đi chợ sớm mua 20-30 nghìn thức ăn (cho 5 người) rồi về nấu cơm ăn sáng, trưa ăn ở chỗ làm rồi, tối về thì cầm cơm ăn với thức ăn từ sáng. Gạo thì lấy ở quê, cứ hết gạo lại thay nhau về nhà lấy 5-10 kg hàng tháng cho mỗi người.” -- Bùi Thị H., 26 tuổi, công nhân nhập cư tại Hải Phòng.

Vai trò của Công đoàn

Công nhân nhập cư chưa quan tâm đến công đoàn, ngược lại công đoàn chưa phát huy được vai trò của mình

Đa số công nhân nhập cư được phỏng vấn chưa có hiểu biết đầy đủ về công đoàn, nhất là công nhân làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân. Có nhiều lý do dẫn đến tình trạng này, chẳng hạn như công nhân nhập cư chỉ quan tâm đến thu nhập hiện tại, tại nhiều doanh nghiệp số công nhân mới khá đông (liên quan đến tỷ lệ thay đổi công nhân hàng năm khá cao), phần khác do công đoàn chưa phát huy được vai trò của mình. Một số người cảm thấy chưa hài lòng với hoạt động của công đoàn vì cho rằng công đoàn chưa thực sự bảo vệ quyền lợi của người lao động.

Một bộ phận lớn công nhân chưa phải là thành viên công đoàn

Bảng 12 cho thấy hơn 40% công nhân nhập cư được phỏng vấn chưa phải là thành viên của công đoàn. Một lý do phổ biến là tại doanh nghiệp chưa có tổ chức công đoàn (nhất là các doanh nghiệp tư nhân tại Gò Vấp). Chỉ hơn một phần ba công nhân cho rằng công đoàn là “có ích lợi”, số còn lại cho rằng vai trò của công đoàn là “bình thường” hoặc “chưa thấy lợi ích gì cụ thể”.



BẢNG 12. Tham gia công đoàn (%)

	Hải Phòng	Gò Vấp (TP,HCM)	Trung bình
Là thành viên của công đoàn nhà máy	86,7	31,7	59,2
Lý do không tham gia công đoàn			
Không thích/không thấy cần thiết	16,7	4,9	6,4
Không biết tham gia bằng cách nào	33,3	4,9	8,5
Không thuộc diện được tham gia	33,3	7,3	10,6
Thủ tục phức tạp	0	7,3	6,4
Không có tổ chức Công đoàn	16,7	70,7	63,8
Khác	0	4,9	4,3
Ích lợi khi tham gia hoạt động Công đoàn			
Có ích lợi	36,5	47,4	39,4
Bình thường	57,7	31,6	50,7
Chưa thấy ích lợi gì cụ thể	5,8	21,1	9,9

Nguồn: Phòng vấn 120 công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM), tháng 6-7/2008

Công nhân thiếu hiểu biết về công đoàn, kể cả khi đã là thành viên công đoàn

Thực tế, việc thu hút sự tham gia của người lao động vào công đoàn cũng chưa được quan tâm đúng mức, một số nơi còn mang tính hình thức. Vai trò của công đoàn cơ sở tại một số doanh nghiệp còn mờ nhạt. Vẫn có tình trạng một số người lao động dù đã làm việc trong một thời gian khá dài vẫn không hề biết nơi mình làm việc có tổ chức công đoàn hay không; thậm chí có người dù đóng phí công đoàn hàng tháng nhưng cũng không biết mình tham gia công đoàn để làm gì.

Một số công nhân chia sẻ nhận thức hạn chế của mình về công đoàn như sau:

- “Cũng có tham gia nộp phí công đoàn nhưng không quan tâm đến ý nghĩa của tổ chức công đoàn và mình có quyền lợi gì khi là thành viên công đoàn, chỉ biết mình có đóng phí công đoàn.” -- Nguyễn Quỳnh T., 25 tuổi, công nhân nhập cư tại Hải Phòng.
- “Em làm việc ở nhà máy đóng tàu này cũng 3 năm rồi nhưng không biết ở chỗ em có công đoàn không, em cũng chưa hiểu công đoàn là thế nào nữa. Em cứ ngày đi làm, tối về nhà, đều đều như vậy thôi”. -- Nguyễn Văn T., 25 tuổi, công nhân nhập cư tại Hải Phòng.

Khi gặp khó khăn công nhân nhờ cậy chủ yếu vào họ hàng, bạn bè

Bảng 13 cho thấy hơn hai phần ba số công nhân khi gặp khó khăn đã nhờ sự giúp đỡ. Tuy nhiên, đối tượng nhờ giúp đỡ chủ yếu là anh em họ hàng và bạn bè. Không có ai nhờ đến sự giúp đỡ của chính quyền địa phương hay cơ quan tư vấn, giới thiệu việc làm. Chỉ một số ít công nhân nhờ đến công đoàn hoặc đoàn thể tại nơi làm việc. Hơn nữa, sự giúp đỡ phổ biến nhất vẫn là về mặt “động viên tinh thần”.

BẢNG 13. Đối tượng nhờ giúp đỡ khi gặp khó khăn (%)

	Hải Phòng	Gò Vấp (TP,HCM)	Trung bình
Đối tượng được nhờ giúp đỡ			
Người ruột thịt, họ hàng	30,0	48,9	38,3
Đồng hương	20,0	2,1	12,1
Bạn bè khác	25,0	63,8	42,1
Công đoàn hoặc Đoàn thể nơi làm việc	25,0	2,1	15,0
Người khác	0,0	6,4	2,8
Loại giúp đỡ			
Giúp về nơi ăn chốn ở	21,7	8,5	15,1
Giúp tiền	26,7	37,3	31,9
Giúp đỡ về hiện vật	5,0	5,1	5,0
Động viên tinh thần	65,0	50,8	58,0
Tìm việc làm	8,3	6,8	7,6
Giúp về học hành, tập huấn	8,3	1,7	5,0
Giúp về thông tin	8,3	11,9	10,1

Nguồn: Phòng vấn 120 công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM), tháng 6-7/2008



Công nhân nhập cư đang rất cần được giúp đỡ, và công đoàn có thể làm được nhiều việc nếu phát huy được vai trò đại diện và cầu nối thực sự của mình

Bảng 14 cho thấy một tỷ lệ khá lớn công nhân nhập cư mong muốn nhận được sự giúp đỡ về nhiều khía cạnh quan trọng trong công việc và cuộc sống của họ. Tuy nhiên, trong khi đa số công nhân tại Hải Phòng mong muốn nâng cao vai trò của công đoàn; thì ngược lại rất ít công nhân tại Gò Vấp (TP.HCM) thể hiện mong muốn này, có lẽ do họ chưa hiểu hoặc chưa tin tưởng vào công đoàn. Nâng cao hiệu quả hoạt động của công đoàn đang là một vấn đề cấp bách. Trên thực tế có những mong muốn của công nhân về phía công đoàn có thể chủ động thực hiện (như tập huấn, truyền thông về pháp luật lao động, kiến thức chăm sóc sức khỏe, phòng chống HIV/AIDS...). Còn những mong muốn khác (như cải thiện điều kiện sống và làm việc, nâng cao tay nghề...), công đoàn chỉ có thể giúp được nếu phát huy được vai trò đại diện và cầu nối giữa người lao động với chủ doanh nghiệp, với chính quyền và các tổ chức đoàn thể tại địa phương.

BẢNG 14. Mong muốn được giúp đỡ (%)

	Hải Phòng	Gò Vấp (TP.HCM)	Trung bình
Đăng ký cư trú thuận lợi hơn	25,0	16,7	20,8
Cải thiện chỗ ở, vệ sinh môi trường	33,3	55,0	44,2
Cải thiện điều kiện làm việc trong nhà máy	71,7	36,7	54,2
Nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề	85,0	30,0	57,5
Hiểu biết về pháp luật, quyền và nghĩa vụ	66,7	46,7	56,7
Kiến thức về chăm sóc sức khỏe	63,3	46,7	55,0
Kiến thức về phòng chống HIV/AIDS	63,3	28,3	45,8
Nâng cao vai trò của Công đoàn	63,3	11,7	37,5
Hoạt động tương hỗ, tổ nhóm trong công nhân	66,7	20,0	43,3
Những giúp đỡ khác	1,7	1,7	1,7

Nguồn: Phỏng vấn 120 công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM), tháng 6-7/2008

Đã có những sáng kiến hỗ trợ công nhân nhập cư, nhưng còn xa mới đáp ứng được nhu cầu

Sự thiếu quan tâm và thiếu hiểu biết của công nhân đối với hoạt động công đoàn, cùng với năng lực còn yếu kém của cán bộ công đoàn cơ sở là hai trong số những nguyên nhân quan trọng dẫn đến hoạt động hạn chế của công đoàn (bên cạnh những lý do quan trọng khác, ví dụ về tính độc lập của công đoàn). Nhằm góp phần khắc phục những hạn chế này, Liên đoàn lao động quận Gò Vấp (TP.HCM) và các cơ quan ban ngành của quận với sự hỗ trợ của AAV trong các năm qua đã tiến hành nhiều hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ công đoàn cơ sở và nâng cao hiểu biết cho công nhân. Mặc dù đạt được một số thành tích, những hoạt động này vẫn còn xa mới đáp ứng được nhu cầu trong thực tế của công nhân (xem Hộp 12).

HỘP 12. Các hoạt động tập huấn, truyền thông, hỗ trợ pháp lý cho công nhân và cán bộ công đoàn cơ sở tại quận Gò Vấp (TP.HCM)

Trong giai đoạn 2004-2007, Ban quản lý dự án AAV quận Gò Vấp đã phối hợp với Liên đoàn Lao động quận, các đơn vị liên quan cùng triển khai nhiều hoạt động tập huấn, truyền thông, hỗ trợ pháp lý vị trên địa bàn quận. Cụ thể như:

- Liên đoàn lao động quận đã tập huấn Luật công đoàn nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật cho 28 cán bộ công đoàn cơ sở cho các công ty ngoài quốc doanh.
- Từ tháng 6 năm 2005 Liên đoàn lao động quận tổ chức tập huấn Luật công đoàn cho cán bộ và công nhân tại 5 công ty, trong đó đặt ra các tình huống tranh chấp trong quan hệ lao động và cách xử lý. Qua đó lồng ghép tổ chức văn nghệ, xây dựng tiểu phẩm tạo sân chơi, điều kiện giao lưu. Người hưởng lợi là trên 2.300 công nhân và cán bộ của các công ty trên.
- Quận hội Phụ nữ đã tổ chức “Giao lưu giữa nữ công nhân Công ty may da Sài Gòn 2 với đơn vị bộ đội Trung đoàn 276” bằng hình thức sinh hoạt trại với chủ đề “Tuổi trẻ hướng tới tương lai” gồm 260 trại sinh tham gia, nhằm giúp cho các nữ công nhân có điều kiện giao lưu, tìm hiểu kiến thức xã hội và bình đẳng giới.
- Triển khai hoạt động Tư vấn pháp luật miễn phí 7/7 ngày cho công nhân tại trụ sở Liên đoàn Lao động quận và trụ sở Tư vấn pháp luật miễn phí tại công ty giày da Huế Phong. Trong 3 năm 2004-2007 đã tư vấn cho gần 500 công nhân lao động, hoạt động này ngày càng được nhiều doanh nghiệp và người lao động biết đến.
- Tháng 9/2007 Liên đoàn lao động quận tổ chức giao lưu chia sẻ kinh nghiệm cho 33 cán bộ gồm: Liên đoàn lao động quận, đại diện Ban giám đốc công ty và công đoàn, công nhân viên của các công ty về việc thực hiện truyền thông Luật lao động thời gian qua.

Đại diện Ban quản lý dự án AAV quận Gò Vấp cho biết: “Các hoạt động tư vấn và truyền thông trong thời gian thực hiện dự án đã được nhiều doanh nghiệp và người lao động biết đến, nâng cao hiểu biết cho chủ doanh nghiệp và người lao động, giảm bớt được những tranh chấp trong lao động tại nhiều doanh nghiệp”



2.2 Nhóm buôn bán nhỏ

Đặc điểm nhóm

Người buôn bán nhỏ đa số là phụ nữ ở nhiều lứa tuổi, kinh doanh đủ loại mặt hàng với số vốn nhỏ

Đa số người buôn bán nhỏ tại các điểm khảo sát ở Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM) là phụ nữ, ở nhiều lứa tuổi khác nhau từ những em bé 12-13 tuổi đến những cụ bà 60-70 tuổi. Những người đứng tuổi thường là lao động chính trong gia đình.

Người buôn bán nhỏ tại thành phố thường bán đủ loại mặt hàng từ những đồ ăn như gồm xôi, bánh cuốn, khoai, lạc..., các loại hàng tạp hóa, kẹo bánh, đến hàng rau, thịt, cá, hoa quả,...với số vốn ban đầu từ khoảng 100 nghìn đồng đến 5 triệu đồng tùy theo từng loại mặt hàng.

Phụ nữ buôn bán nhỏ còn làm thêm công việc khác, ở quê vẫn làm nông nghiệp

Nhiều phụ nữ ngoài việc bán hàng còn làm thêm các công việc khác như nấu tiệc thuê, giúp việc gia đình hoặc làm tạp vụ tại các công ty theo giờ để có thêm thu nhập. Những người ở các huyện ngoại thành, ngoài thời gian đi về hàng ngày để bán hàng rong trong thành phố, vẫn làm ruộng, thuê đất trồng rau hoặc thuê đầm nuôi cá ở quê nhà. Vào lúc mùa vụ cao điểm họ có thể nghỉ ở nhà trong vài ngày để làm xong việc đồng áng rồi lại ra thành phố bán hàng tiếp.

Nhà nghèo, trình độ hạn chế và vốn ít là lý do của đa số người chọn nghề buôn bán nhỏ

Lý do chọn nghề buôn bán nhỏ của đa số người được phỏng vấn là do nhà nghèo, trình độ hạn chế, vốn ít. Với người đã có tuổi thường trú tại địa phương khi làm công việc này có thể chủ động được thời gian chăm lo gia đình. Với người lớn ở nông thôn thì bán hàng rong để kiếm thêm thu nhập trong bối cảnh làm nông nghiệp bấp bênh, chi phí vật tư tăng cao. Với trẻ em thì bán hàng rong là một cách khả dĩ để phụ giúp bố mẹ.

Một số người bán hàng rong chia sẻ lý do chọn nghề này như sau:

- “Tôi từ Hà Bắc ra Hải Phòng buôn bán được 2 năm. Chọn đi bán hàng rong vì còn gia đình ở quê nên còn phải đi đi về về, nếu đi làm công nhân hoặc giúp việc thì phải đi suốt.” -- một người bán hàng rong tham gia thảo luận nhóm tại quận Lê Chân, Hải Phòng.
- “Ở nhà, cháu là con cả, còn có 2 em nữa. Mẹ cháu bị ốm nặng, bố cháu làm ruộng. Nhà cháu nghèo lắm nên bạn cháu rủ cháu ra đây bán hàng kẹo cao su, thuốc lá này để kiếm thêm tiền giúp bố mẹ. Bạn cháu bảo bán hàng này không bị hư thối gì mà lại còn dễ bán. Cháu không có tiền, bạn cháu cho cháu vay 50 nghìn, bố cháu vay được 70 nghìn nữa đưa cho cháu. Cháu đi nhờ xe ra Hải Phòng mất 10 nghìn, 10 nghìn để dành tiền ăn và thuê nhà, còn lại 100 nghìn, bạn cháu đưa cháu ra chợ Đồ lấy hàng về bán. Đến bây giờ cũng được 6 tháng rồi.” -- Nguyễn Thị H., 14 tuổi, quê Thái Bình, bán hàng rong tại Hải Phòng.

Điều kiện sống và hành nghề

Người buôn bán nhỏ có thể là người địa phương hoặc người ngoại tỉnh, bán hàng cố định hoặc bán hàng rong

Có thể chia nhóm buôn bán nhỏ thành 2 nhóm phụ dựa trên đặc điểm kinh doanh và xuất xứ nơi cư trú: (1) nhóm bán hàng cố định: thường là người dân địa phương có nhà, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn; và (2) nhóm bán hàng rong: gồm những người buôn bán đến từ các quận huyện lân cận đi về trong ngày và những người đến từ các huyện xa hoặc tỉnh khác thuê nhà trọ để ở.

Bảng 15 tổng hợp một số điểm khác nhau giữa hai nhóm bán hàng rong và nhóm bán hàng cố định.



BẢNG 15. So sánh cách hành nghề giữa nhóm bán hàng rong và nhóm bán hàng cố định tại các thành phố

	Nhóm bán hàng rong	Nhóm bán hàng cố định
Điểm bán	- Đi bán rong theo từng khu vực - Phương tiện di chuyển chủ yếu là đi bộ hoặc đi xe đạp	- Có điểm ngồi bán cố định, thường là gần nhà
Vốn kinh doanh	- Vốn ít, trung bình từ 100.000 đến 2.000.000 đồng - Là tiền tiết kiệm hoặc vay vốn từ người thân hoặc vay vốn Ngân hàng thông qua các hội đoàn thể tại địa phương	- Mức vốn trung bình từ 300.000 đến 5.000.000 đồng. - Là tiền tiết kiệm hoặc vay vốn từ người thân hoặc vay vốn Ngân hàng thông qua các hội đoàn thể tại địa phương
Loại hàng bán	- Mặt hàng đơn giản, giá cả bình dân	- Chất lượng, mẫu mã hàng hóa đa dạng, giá bán cao hơn hàng rong
Cách lấy hàng	- Khi đi lấy hàng, đa số phải trả bằng tiền mặt ngay. - Thường bị chủ hàng bán ép	- Có thể “nợ gối đầu” với từng chủ hàng hoặc tùy theo từng loại hàng - Chủ hàng ưu tiên hơn với những người mua số lượng lớn.
Thời gian bán được nhiều hàng	- Bán được nhiều vào giờ tan tầm và từ thứ 2- thứ 6 hàng tuần	- Bán được nhiều hơn vào các ngày thứ 7, Chủ nhật hoặc những ngày Lễ, Tết

Nguồn: Thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu những người buôn bán nhỏ tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM), tháng 6-7/2008

Có sự khác biệt rõ giữa nhóm bán hàng rong và nhóm bán hàng cố định về chất lượng, mẫu mã, thời điểm bán được hàng, cách lấy hàng và quan hệ với chủ hàng

Những người bán hàng rong thường bán những mặt hàng có chất lượng và mẫu mã kém hơn, giá cả bình dân hơn so với những hàng cùng loại được bán tại những điểm ngồi cố định. Nhóm buôn bán nhỏ tại phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, Hải Phòng cho biết “Hàng bán ở quầy bao giờ cũng là hàng đầu còn hàng bán rong thì kém hơn. Ví dụ như cam, hàng bán ở sạp thì phải lấy vào loại có giá 24.000 đồng/ cân, còn hàng bán rong thì vốn ít, chỉ lấy loại rẻ tiền khoảng 15.000 đồng/ cân thôi.”

Hàng bán rong bán được nhiều hơn từ ngày thứ 2 đến ngày thứ 6 hàng tuần vì trong thời điểm này, người lao động bận rộn đi làm nên thường mua tranh thủ, nhanh gọn. Còn vào các ngày thứ 7, chủ nhật hoặc các ngày lễ, Tết, phần lớn người lao động được nghỉ ở nhà, có nhiều thời gian rỗi hơn nên đa số có tâm lý muốn cải thiện bữa ăn cho gia đình, do đó những loại đồ ăn tươi, ngon tại các quầy hàng cố định sẽ được nhiều người mua hơn.

Những người buôn bán nhỏ thường lấy hàng từ các chợ đầu mối trong thành phố. Người bán hàng rong thường phải trả bằng tiền mặt ngay khi mua hàng, trong khi nhóm có quầy hàng cố định có thể mua hàng theo phương thức “nợ gối đầu” có nghĩa là lần lấy hàng sau mới thanh toán tiền mua hàng từ lần trước.

Tại Hải Phòng, thái độ phục vụ của chủ hàng có sự phân biệt rõ rệt giữa người bán hàng rong và người bán hàng cố định. Chủ hàng thường vui vẻ, nhiệt tình hơn với những người buôn bán nhỏ là người địa phương, mua hàng loại tốt hơn, số lượng nhiều hơn; còn với những người bán hàng rong mua hàng với số lượng nhỏ lẻ, nhiều người cho biết có cảm giác bị coi thường, thiếu tôn trọng.

Thời gian làm việc của nhóm buôn bán nhỏ cũng đa dạng theo từng loại mặt hàng. Phần lớn những người bán các loại hàng ăn, hàng hoa quả thường dậy rất sớm, trung bình từ 4-5 giờ sáng để đi lấy hàng hoặc chuẩn bị đồ bán. Cũng giống như nhóm xe ôm, thời gian nghỉ ngơi ở nhà của nhóm buôn bán nhỏ không có nhiều vì “nghỉ bán thì lấy tiền đâu mà chi tiêu”.

Thu nhập của người buôn bán nhỏ không ổn định

Thu nhập hàng ngày của những người buôn bán nhỏ thường không ổn định, còn tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, từng loại mặt hàng, thời điểm bán hàng và còn do “may mắn”. Trung bình, sau khi trừ chi phí mua hàng, người bán hàng rong kiếm được từ 20-60 nghìn đồng/ngày, còn những người bán hàng cố định kiếm được nhiều hơn, từ 40-120 nghìn đồng/ngày.

Trong bối cảnh trượt giá, hầu hết người buôn bán nhỏ đều giảm lượng thịt, cá tươi trong bữa ăn hàng ngày. Nhiều gia đình tiết kiệm chi phí bằng cách thay vì ăn sáng ngoài hàng như trước đây, nay mua mì gói loại rẻ tiền về nhà tự nấu hoặc ăn cơm nguội. Thậm chí, ngay cả những người bán hàng thực phẩm như thịt, cá cũng hạn chế dùng đồ tươi trong bữa ăn hàng ngày.



Người buôn bán nhỏ chịu ảnh hưởng lớn của giá cả tăng cao, phải cắt giảm tối đa các chi phí ăn uống vốn đã đậm bạc

Người bán hàng rong nhập cư thuê chung nhà trọ hoặc thuê chỗ ngủ theo ngày với giá rẻ

Với những người vẫn sống cùng gia đình ở các quận huyện lân cận đi bán hàng rong từ sáng đến chiều mới về nhà, bữa trưa không được chú trọng, chỉ ăn uống đậm bạc cho qua bữa. Với những người bán hàng rong thuê nhà trọ tại thành phố thì mục tiêu “tiết kiệm đến mức tối đa” luôn được đặt lên hàng đầu để dành tiền mang về quê. Phần lớn trong số họ mang gạo từ quê để tự nấu cơm; định mức tiền ăn trung bình vào khoảng từ 100 - 150 nghìn đồng/ tháng (chỉ mua thức ăn từ 2.000 - 3.000 đồng/ bữa), thức ăn rất đậm bạc chủ yếu là lạc rang, tép nhỏ hoặc đậu phụng.

Những người bán hàng rong đến từ các huyện xa hoặc từ tỉnh khác thường thuê chung nhà trọ có giá từ 400 - 600 nghìn đồng/tháng chưa kể chi phí điện nước cho từ 4-6 người cùng ở. Những người ngoại tỉnh đến Hải Phòng buôn bán một mình hoặc không có đủ người để thuê phòng trọ có thể thuê chỗ nghỉ theo đêm với giá từ 4.000 - 5.000 đồng/ tối. Đây là loại phòng trọ to, có thể ở ghép nhiều người, điều kiện sinh hoạt không tốt và không thoải mái bằng những phòng trọ thuê riêng lẻ.

Tại Gò Vấp (TP.HCM), đa số những người nhập cư làm nghề buôn bán nhỏ đều thuê nhà trọ sống cùng gia đình trong những căn phòng nhỏ từ 10-16 m² có công trình phụ khép kín với các đồ dung sinh hoạt tối thiểu như ti vi cũ, nồi cơm điện, quạt điện. Đa phần chỉ xài bếp dầu, bếp than tổ ong hoặc đun bình ga con, mặc dù biết đun bình to sẽ đỡ hao hơn nhưng không đủ tiền mua cả bình ga lớn.

Một số người buôn bán nhỏ chia sẻ hoàn cảnh sống và hành nghề của mình tại thành phố như sau:

- “So với năm 2007 thì bây giờ chi tiêu khác xa. Đến rau cũng đắt hơn gấp 3 lần năm ngoái. Mà đi bán vé số cả ngày thì vẫn chỉ được 50.000 đồng thôi. Từng đó tiền mà phải lo ăn uống cho 4 mẹ con, 1 ít tiền học cho sắp nhỏ. Cũng may là được các chú ở phường thương tình xác nhận gia đình khó khăn nên sắp nhỏ đi học đều được miễn hoặc giảm tiền học, nếu không biết lấy tiền đâu ra. Bây giờ ăn uống hàng ngày chủ yếu là mì gói, rau, trứng, đậu hũ thôi. Năm ngoái tuần được 3 lần ăn thịt thì nay cũng chỉ được 1 lần.” -- Lê Thị V., bán vé số dạo phường 17, quận Gò Vấp.
- “Chúng em ai cũng mang gạo từ quê ra đây rồi tự nấu ăn. Chủ yếu là ăn trưa và tối thôi. Ra hàng cơm mua 1.000 đồng tiền rau, 2.000 đồng tiền thức ăn (lạc, đậu, tép nhỏ) ăn cả ngày. Hôm nào bán được mới mua 3.000 đồng tiền thịt để ăn cả ngày. Tuần cũng 2 lần ăn thịt, nhưng trước 3.000 đồng tiền thịt còn được 5-7 miếng, bây giờ gọi là thịt nhưng toàn là mỡ mà cũng chẳng được nhiều như thế.” -- Thảo luận nhóm bán hàng rong thuê nhà trọ tại quận Lê Chân, Hải Phòng.
- “Em quê ở Hà Bắc, ra đây bán hàng 2 năm rồi. Em đi bán hàng cả ngày, chỉ cần chỗ ngủ buổi tối thôi nên em thuê phòng theo đêm, thuê phòng trọ ở phố Ga ấy. Một phòng khoảng 20 m², buổi tối có khoảng 16-17 chị em ở. Phòng bé, đông người mà chỉ có 3-4 cái quạt nên mùa hè nóng lắm, nhiều lúc không chịu được. Nhưng em chỉ ở thế thôi vì giá phòng cũng rẻ, 4.500 đồng/đêm, và lại tháng em cũng về thăm nhà mấy ngày, rồi lúc mùa vụ cũng về nhà làm, nếu thuê nhà theo tháng nó vừa đắt tiền lại phí đi.” -- chị Nguyễn Thị H., 34 tuổi, quê Hà Bắc, bán hàng rong tại Hải Phòng.

Người buôn bán nhỏ thức khuya dậy sớm nên ít có cơ hội giải trí hay cập nhật tin tức

Những người buôn bán nhỏ là người địa phương, hầu hết gia đình họ đều cố gắng giữ quan hệ tốt với hàng xóm và tham gia các hoạt động cộng đồng. Tuy nhiên, do tính chất công việc “thức khuya, dậy sớm”, đa số những người buôn bán nhỏ ít có cơ hội giao lưu, gặp gỡ bạn bè, ít có thời gian giải trí, xem ti vi hay đọc báo.

Tính dễ bị tổn thương

Biến động giá cả trong năm 2008 khiến nhiều mặt hàng có lượng bán giảm đi

Những người buôn bán nhỏ được phỏng vấn đều cho biết, từ năm 2007 về trước, giá cả ổn định, buôn bán có lãi trong khi giá nhu yếu phẩm cũng vừa phải nên đời sống của họ cũng thoải mái hơn. Từ sau Tết năm 2008, giá hàng hóa mua vào tăng nên người buôn bán cũng phải tăng giá bán ra. Nhiều mặt hàng tiêu thụ chậm lại như hàng hoa quả, phở, bún, hủ tiếu, cơm tấm buổi sáng... vốn là những mặt hàng có giá thành cao. Hàng bán giải khát, quà vặt cũng giảm lượng khách nhất định.

Một số mặt hàng rẻ tiền, gói nhỏ có lượng bán tăng lên

Tuy nhiên, một số hàng tiêu dùng loại rẻ tiền lại có lượng bán tăng lên trong năm 2008 vì người mua giờ chuộng loại hàng rẻ tiền, như dầu gội dầu xả gói nhỏ (thay vì mua cả hộp to), bánh ướt, mì ăn liền (thay cho ra ngoài ăn phở, bún), dưa cà muối...

Một số người buôn bán nhỏ chia sẻ về việc bán hàng thời lạm phát như sau:

- “Trước mình lấy đến 35 kg hoa quả thì nay chỉ dám lấy 12 kg thôi vì hàng bán chậm lắm. Bây giờ cái gì cũng đắt đỏ, người ta phải lo những thứ ăn chính như gạo, rau, thức ăn... còn những thứ



phụ như hoa quả người ta giảm đi. Hoa quả chỉ bán được vào ngày rằm, mừng một và thứ 7, chủ nhật hay ngày lễ thôi còn ngày thường thì ế lắm.” - Nhóm buôn bán nhỏ phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, Hải Phòng.

- “Bún bò trước 8.000 đồng/tô nay cái gì cũng tăng, mình phải tăng lên thành 10.000 đồng/tô. Giá tăng, hàng bán giảm hẳn, trước bán được 7 kg bún/ngày thì bây giờ chỉ bán được 5 kg. Bánh mì trước bán được 90-100 ổ/ngày thì giờ 70 ổ còn không hết. Hàng hoa quả cũng vậy, trước bán 1 ngày cũng hết 1 thùng trái cây 30 kg, còn bây giờ chỉ ngày lễ mới bán được còn ngày thường chỉ bán được 15-20 kg thôi. Mà hoa quả để sang ngày hôm sau là đã xuống giá rồi.” -- Nhóm buôn bán nhỏ phường 17, quận Gò Vấp.
- “Bây giờ bán chạy chủ yếu là hàng dưa cà muối, cách đây 6 tháng nhà tôi chỉ bán được 5 kg/ngày thì bây giờ bán tới 10 kg/ngày. Mì gói loại rẻ tiền nhất (2.000 đồng/gói) cũng bán tăng gấp đôi, trước bán khoảng 50 gói/ngày thì nay bán khoảng 100 gói/ngày.” -- Chị Nguyễn Thị T., bán hàng tạp hóa, phường 17, quận Gò Vấp.

Người buôn bán nhỏ sợ thời tiết bất thường và các đợt dịch bệnh

Thời tiết bất thường là một trong những nỗi lo lớn nhất của người buôn bán nhỏ, đặc biệt là những loại hàng ăn. Hàng tươi như rau, hoa quả không thể để lâu ngày, nếu không bán nhanh thì sẽ hỏng. Bên cạnh đó, khi có thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về các dịch bệnh như dịch tả, lỵ, tai xanh, rau hoa quả không đảm bảo an toàn... việc bán hàng của những người buôn bán nhỏ cũng giảm đi một lượng khách nhất định.

Chính sách tăng cường quản lý đô thị mâu thuẫn với sinh kế của người bán hàng rong nghèo

Những người bán rong hoặc chiếm dụng vỉa hè để đặt quầy bán hàng còn có nỗi lo sợ thường trực là bị công an hay cán bộ quản lý đô thị đuổi bắt, phạt tiền, nhiều khi còn thu hết hàng hóa và đồ nghề. Do các quận nội thành quản lý gắt gao nên người nhập cư thường dạt ra các quận ngoại vi để kiếm sống, như một người nhập cư làm nghề bán hàng rong ở phường 6 nhận xét “*may mà quận Gò Vấp chưa làm chặt việc cấm hàng rong như quận 1 quận 3, nếu làm chặt hết thì chúng tôi chỉ có nước về quê*”. Chính sách tăng cường quản lý đô thị rõ ràng có mâu thuẫn với sinh kế của những người bán hàng rong nghèo – là những người đang tạo ra một hệ thống phân phối hàng hóa bình dân đến từng ngõ ngách trong thành phố, phù hợp với tập quán mua sắm của đa số dân cư đô thị (trong khi đó chỉ có một tỷ lệ nhỏ người dân có điều kiện đến các siêu thị hay trung tâm thương mại để mua sắm).

Người bán hàng rong nhập cư khó tiếp cận các dịch vụ xã hội

Giống như những người nhập cư không chính thức khác, những người bán hàng rong khó có khả năng tiếp cận với các dịch vụ xã hội trên địa bàn. Bệnh tật, đi kèm là chi phí khám chữa bệnh, luôn là nỗi lo của những người cả ngày tiếp xúc với khói bụi, tiếng ồn và thời tiết thất thường ngoài đường phố.

Phụ nữ nghèo nhập cư bị loại ra khỏi các chương trình vay vốn ưu đãi

Phụ nữ nghèo nhập cư hầu như bị loại khỏi các chương trình vay vốn tại thành phố. Ngay cả phụ nữ nghèo có hộ khẩu thường trú cũng khó tiếp cận với nguồn vốn vay lãi suất thấp, trừ khi thuộc diện hộ nghèo “có sổ” theo phân loại của địa phương (mà số này cực kỳ ít tại các thành phố). Nhiều người buôn bán nhỏ phải vay ngoài lãi suất cao để có tiền lo những việc cần kíp trong gia đình. Hiện nay đã có nỗ lực của các chương trình dự án hỗ trợ vốn cho các phụ nữ nghèo này với những thành công bước đầu, cần được đánh giá để có thể nhân rộng (xem Hộp 13).



HỘP 13. Cho phụ nữ nghèo nhập cư vay vốn ở Gò Vấp

Hội phụ nữ quận Gò Vấp (TP.HCM) triển khai chương trình cho phụ nữ nghèo vay vốn, chú trọng phụ nữ nghèo nhập cư, do AAV tài trợ bắt đầu từ năm 2003. Sau một năm thực hiện thí điểm tại 3 phường, từ năm 2004 dự án đã mở rộng hoạt động cho phụ nữ nghèo vay vốn tại 14 phường trên địa bàn quận. Sang năm 2009, dự án được triển khai trên tất cả các phường trong quận (16 phường) với 45 tổ vay vốn.

Với 450 triệu đồng là nguồn vốn do AAV hỗ trợ bước đầu, các tổ nhóm đã xây dựng quy chế hoạt động cụ thể. Thời hạn vay vốn chủ yếu là 6 tháng, lãi suất 1,5% và người vay phải trả góp theo tuần. Bên cạnh đó, các thành viên tham gia vào các tổ nhóm còn phải đóng tiền tiết kiệm hàng tháng.

Tính đến tháng 8 năm 2008, tổng số dư nợ quỹ cho phụ nữ nghèo vay vốn đã có **596.266.404** đồng, cho **319** lượt vay vốn, trong đó có nhiều phụ nữ nhập cư, với quy mô vay trung bình từ 1-5 triệu đồng/lần vay. Sau 5 năm triển khai hoạt động, đến nay, tỷ lệ thu hồi vốn của chương trình đạt 95%, số 5% còn lại là tỷ lệ nợ quá hạn hoặc khó đòi.

Nhiều chị phụ nữ nghèo nhờ được vay vốn của chương trình đã có cuộc sống ổn định hơn.

Ban quản lý dự án quận Gò Vấp đã đánh giá:

- Việc hỗ trợ vốn cho phụ nữ nghèo nhập cư và những phụ nữ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đã góp phần nâng cao đời sống của phụ nữ nghèo nói riêng trên địa bàn quận, giúp chị em tự vươn lên khẳng định vai trò và vị trí của mình trong gia đình và ngoài xã hội.
- Chương trình cho phụ nữ nghèo vay vốn với thủ tục vay vốn đơn giản, lãi suất và thời gian hoàn vốn phù hợp góp phần làm giảm đáng kể tình trạng vay nặng lãi ngoài xã hội (với mức lãi suất cao từ 10-20%), từ đó cũng hạn chế các vụ việc gây mất an ninh trật tự do tác động của các vụ việc trên.
- Không chỉ hỗ trợ vốn thông qua các nhóm vay, Hội phụ nữ quận đã tổ chức sinh hoạt lồng ghép trong các buổi họp nhóm với các chủ đề về xây dựng gia đình hạnh phúc, chăm sóc sức khỏe, trao đổi kinh nghiệm làm ăn... đã từng bước nâng cao hiểu biết và kiến thức xã hội cho chị em, đồng thời tạo cho chị em hình thành ý thức cộng đồng trong việc quan tâm giúp đỡ nhau, cũng như tham gia vào các hoạt động của Hội Phụ nữ tại địa bàn dân cư.
- Dự án đã tạo điều kiện cho các đối tượng khó có điều kiện tiếp cận với những nguồn vốn vay chính thức (của Nhà nước) như nhóm lao động nhập cư, nhóm nghèo đặc biệt khó khăn, thân nhân người nhiễm HIV,... có thể vay vốn, tự mình vươn lên, cải thiện cuộc sống và thoát nghèo.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành công của dự án, vẫn còn một số khó khăn tồn tại do một số phường còn e ngại trong việc triển khai và chưa mạnh dạn phát triển chương trình với lý do đối tượng được vay nằm trong nhóm đối tượng đặc thù nên e ngại tỷ lệ rủi ro cao (thất thoát nguồn vốn).



2.3 Nhóm xe ôm

Đặc điểm nhóm

Người lái xe ôm hầu hết là nam giới trung niên, đã có gia đình, không có tay nghề, điều kiện kinh tế khó khăn

Những người làm nghề xe ôm tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM) hầu hết là nam giới trong lứa tuổi 30-55, đã có gia đình, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Hầu hết người làm nghề xe ôm tại Hải Phòng là người thường trú tại địa phương hoặc đến từ các quận, huyện lân cận. Trong khi đó, người làm nghề xe ôm tại Gò Vấp (quận ngoại vi thành phố đang đô thị hóa) khá đa dạng, bao gồm cả người thường trú tại địa phương (KT1, KT2) và khá đông người tạm trú đến từ các tỉnh khác (KT3, KT4).

Do thiếu vốn, không có tay nghề hoặc đã quá tuổi đi làm công ăn lương, nhiều người lựa chọn phương cách kiếm sống hàng ngày bằng cách sắm một chiếc xe máy cũ để chở khách. Một số lái xe ôm chia sẻ lý do chọn nghề xe ôm như sau:

- *“Mình không có trình độ, không có bằng cấp, không làm nghề này thì biết làm nghề nào. Sửa điện, sửa nước mình biết làm hết đấy nhưng không có bằng thì có xin vào công ty, xí nghiệp nào cũng khó. Thôi thì mình không có vốn để buôn bán, không có được công việc khác thì mình bỏ công ra làm để kiếm thêm thu nhập vậy. Mà đi làm xe ôm “tiền ngay, thóc thật”, về đến nhà là có tiền đưa vợ đi chợ ngay.”* -- Thảo luận nhóm xe ôm, phường Niệm Nghĩa, Hải Phòng.
- *“Tuổi tác cao làm được đồng nào quý đồng ấy, bây giờ sức khỏe cũng yếu. Cũng muốn làm công việc gì mà thu nhập cao nhưng không biết làm gì...ngoài nghề chạy xe ôm.”* -- Bùi Văn H., 46 tuổi, xe ôm, phường Lâm Hà, Hải Phòng.

Nghề xe ôm cũng như đi câu

“Nghề xe ôm cũng như đi câu”, tự mỗi người phải chăm chỉ ra đường hàng ngày từ sáng sớm đến chiều tối, kiên nhẫn chờ đợi để đón khách với hy vọng kiếm được tiền trang trải cuộc sống. Ngoài chạy xe chở khách, một số người còn tận dụng tất cả các cơ hội có thể tăng nguồn thu nhập như nhận bốc vác, xếp hàng, chở hàng thuê.

Điều kiện sống và hành nghề

Thu nhập từ chạy xe ôm không ổn định

Mức thu nhập bình quân trong tháng của nhóm xe ôm phụ thuộc vào số tiền kiếm được từng ngày, tùy theo điểm bắt khách hoặc tùy theo sức khỏe và thời gian làm việc của từng người. Qua phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm với 42 người “chạy xe ôm” tại hai thành phố cho biết, tại Hải Phòng: mức thu nhập trung bình vào khoảng 1-1,5 triệu đồng/tháng, còn tại TP. HCM trung bình mỗi “bác tài” kiếm được 1,5-2,5 triệu đồng/tháng.

Tiền tiết kiệm hàng tháng không đáng kể

Chi tiêu của hầu hết các hộ gia đình có chồng chạy xe ôm cũng rất khó khăn. Đa số người lái xe ôm cho biết tiền tiết kiệm hàng tháng hầu như không có hoặc chỉ để dành được số tiền không đáng kể. Các chi phí phát sinh khi hành nghề như hỏng xe, ăn uống bên ngoài khi chở khách quá giờ... cũng là những khoản chi đáng kể của những người lái xe ôm. Trong cơn bão giá, các chi phí sinh hoạt đều tăng, nên các gia đình nhóm xe ôm cũng phải tiết kiệm tối đa, kể cả cắt giảm các khoản chi cho ăn uống hàng ngày. Bữa ăn sáng nhiều hộ tự nấu mì gói tại nhà thay vì ra ngoài ăn sáng, uống cà phê như trước. Vào bữa ăn chính, thức ăn chủ yếu của đa số gia đình trong nhóm xe ôm chủ yếu là đậu phụ, rau, cá.

Một số người lái xe ôm chia sẻ về điều kiện sống khó khăn hiện tại của họ và gia đình họ như sau:

- *“Làm từ sáng đến chiều kiếm được khoảng 40.000-50.000 đồng, cả tháng được khoảng 1,2 triệu đồng. Thu nhập từ vợ trồng rau 200.000 đồng, trợ cấp tổ trưởng là 50.000 đồng. Chi tiêu hàng ngày là 20.000 đồng/người/bữa, điện nước là 150.000 đồng/tháng, tiền học thêm hàng tháng cho con là 100.000 đồng (ngoài khoản học phí chính là 2 triệu đồng/năm) và các khoản chi khác nữa. Thu nhập gia đình như thế là cũng tạm ổn, nhưng không kiếm được đồng nào cả.”* -- Phan Tiến B., 51 tuổi, lái xe ôm ở phường Lâm Hà, Hải Phòng.
- *“Trước mua 3 ngàn có rau cải ăn cả ngày, bây giờ thì chỉ được 1 bữa. Năm nay thịt cá mua ít hơn. Trước mua 5 lạng thịt thì nay chỉ mua được 3 lạng thôi, hoặc ngày trước ăn thịt đùi thì nay chuyển sang mua thịt ba rọi. Ăn đậu hũ, khô mắm hay trứng là chính. Người lớn ăn sướng nhiều rồi, mua cho bọn trẻ ăn thôi. Ở đây mấy anh em không ai nghĩ đến chuyện ăn uống đâu, chỉ nghĩ chuyện kiếm tiền mang về cho vợ cho con để vui cửa vui nhà thôi.”* -- Thảo luận nhóm xe ôm phường 6, quận Gò Vấp.



Người nhập cư chạy xe ôm còn phải chi tiền thuê nhà, điện nước giá cao

Những người lái xe ôm tại quận Gò Vấp (TP.HCM) là dân nhập cư phải lo trả tiền nhà hàng tháng. Chi phí thuê một căn phòng nhỏ cấp 4 có diện tích 15-25 m² có công trình phụ khoảng 1- 1,5 triệu đồng/tháng, cộng thêm khoảng 200.000 đồng tiền điện, nước giá cao. Một số người cố gắng tiết kiệm tiền bằng cách đi mượn nhà ở những nơi xa trung tâm hơn, ở trong những khu nhà kém chất lượng hơn.

Chạy xem ôm để lo cho con ăn học

Chi phí cho con đi học chiếm một phần đáng kể trong chi tiêu của hộ gia đình. Những người lái xe ôm thường ưu tiên hàng đầu việc đầu tư cho con cái đi học. Tại Hải Phòng một số người lái xe ôm sẵn sàng chịu vất vả để có tiền cho con học hết cấp 3, thậm chí học trung cấp, cao đẳng hay đại học ngay tại Hải Phòng. Chương trình cho vay vốn “Hỗ trợ sinh viên, học sinh nghèo” đã giúp một số hộ gia đình có vốn đầu tư cho việc học lên cao của con cái. Tại Gò Vấp, phần lớn người lái xe ôm là dân nhập cư nên ít có điều kiện lo cho con cái ăn học lên cao. Tuy nhiên, chính quyền Thành phố gần đây đã quan tâm đến việc học của trẻ em nhập cư, nên cũng rất ít có tình trạng thất học ở cấp 1 và cấp 2 trong số con em gia đình nhập cư.

Tính dễ bị tổn thương

Chạy xe ôm gặp nhiều rủi ro, như phải cạnh tranh với các phương tiện công cộng, thời tiết bất thường, giá xăng tăng cao và kém an toàn nơi vắng người

Nhóm xe ôm cho biết, ngày càng ít khách đi xe ôm do hầu như nhà nào cũng có xe máy. Xe buýt hiện nay cũng nhiều và số chuyến cũng tăng hơn, giá rẻ hơn. Thời tiết bất thường, lúc nắng gắt, lúc mưa to cũng làm giảm đáng kể lượng khách đi xe ôm.

Nhóm xe ôm cũng là những người chịu ảnh hưởng trực tiếp khi giá xăng tăng vọt trong năm 2008, vì mức phí xe ôm không theo kịp mức tăng giá xăng dầu. Đặc biệt, trong tháng 7 năm 2008, khi giá xăng tăng từ 14.500 đồng/lít lên 19.000 đồng/lít, nhóm xe ôm cho biết lượng khách đi xe ôm giảm hẳn.

Là một trong những nghề phải tiếp xúc với rất nhiều loại người khác nhau, nhóm xe ôm cho biết rất sợ khách đi xe không trả tiền, “quýt”, “chạy làng” mất. Ngoài ra, nguy cơ bị cướp giật thậm chí bị giết vào lúc đêm hôm nơi vắng người cũng có thể xảy ra, nên những người làm nghề này luôn phải cảnh giác ở mức cao nhất.

Khói bụi ô nhiễm có thể gây ra các vấn đề về sức khỏe

Khói bụi ô nhiễm thường gây các bệnh về đường hô hấp, vì trung bình một ngày người làm nghề xe ôm phải ở ngoài đường từ 10-12 giờ. Tuy nhiên, nếu sử dụng khẩu trang sẽ làm giảm cơ hội đón khách, đồng nghĩa với việc giảm thu nhập. Thời gian ăn uống, nghỉ ngơi thất thường cũng là nguyên nhân khiến dẫn đến bệnh đau dạ dày. Nhiều người dù biết mình có bệnh nhưng vẫn hạn chế việc đi khám chữa ở bệnh viện vì lo tốn tiền, không mua thẻ BHYT, chủ yếu là tự mua thuốc về điều trị.

Người nhập cư chạy xe ôm không tiếp cận được nguồn vốn chính thức

Tại quận Gò Vấp (TP.HCM), rất đông người lái xe ôm là dân nhập cư nên hầu như không cơ hội tiếp cận với các nguồn vốn chính thức. Trong khi đó, người thân hay bạn bè đồng nghiệp thường cùng cảnh khó khăn như nhau nên khả năng hỗ trợ là rất ít. Vay nóng với lãi suất cao trở thành một giải pháp tình thế của nhiều gia đình khi đến hạn đóng tiền nhà, nộp tiền học cho con, có người trong gia đình đau ốm.

Chạy xe ôm mệt nhọc nên ít tham gia các hoạt động xã hội, cộng đồng

Do đặc thù công việc đa số người lái xe ôm được phỏng vấn cho biết họ đi làm cả ngày, về nhà mệt không muốn đi đâu, rảnh thì xem ti vi, không thì đi ngủ. Do đó, họ ít khi đi ra ngoài chơi với bạn bè. Họ cũng ít tham gia các hoạt động xã hội hoặc hoạt động chung của khu dân cư hay các đoàn thể.

Khi được phỏng vấn, nhóm xe ôm chia sẻ rất nhiều rủi ro như sau:

- “Do giá cả tăng, người dân chọn xe buýt và taxi nhiều hơn. Xe buýt rẻ và an toàn hơn. Giá taxi không đắt hơn xe ôm là bao nhiêu.” -- Thảo luận nhóm xe ôm, phường Niệm Nghĩa, Hải Phòng.
- “Bây giờ thời tiết cũng chán, lúc thì nắng quá, lúc thì mưa to. Lúc đó mà mình đi về nhà cũng chẳng yên tâm vì nhớ đâu có khách. Nhưng thời tiết đó thì cũng chẳng mấy người muốn ra đường trừ khi có việc cần. Mà họ có ra đường thì cũng thích đi xe buýt cho sạch sẽ hơn. Còn mình thì cứ ngồi chờ thôi.” -- Thảo luận nhóm xe ôm, phường Niệm Nghĩa, Hải Phòng.
- “Đúng ngoài đường suốt ngày bụi bặm, ồn ào nhưng đã làm nghề này phải chấp nhận thôi. Dầm mưa, dãi nắng dễ bị ốm lắm nhưng làm gì có điều kiện mua thẻ BHYT. Tiền còn phải bỏ ống heo mà lo trả tiền nhà, tiền ăn.” -- Thảo luận nhóm xe ôm phường 6, quận Gò Vấp.



- “Ở đây hầu như anh em không có hộ khẩu ở đây, làm sao mà vay được vốn. Ai cũng vay tiền hết nhưng đa số đều mượn tiền ở ngoài hoặc ở người quen không à, lãi suất 10%. Biết là trả lãi nhiều cũng lo nhưng mình bí thì phải chịu, không vay lãi thì biết vay ở đâu. Thậm chí có khi vay 500 nghìn đồng, mỗi ngày phải trả 20 nghìn đồng mà mình vẫn phải chịu.” -- Thảo luận nhóm xe ôm phường 6, quận Gò Vấp.

Quản lý và hỗ trợ

Qua khảo sát cho thấy, cách quản lý và hỗ trợ nhóm xe ôm tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM) có sự khác nhau.

Tại Hải Phòng, đa số người chạy xe ôm vẫn hành nghề đơn lẻ

Tại Hải Phòng, đa số người lái xe ôm vẫn hành nghề cá nhân đơn lẻ. Họ cảm thấy gò bó khi tham gia vào các tổ nhóm xe ôm tự quản do chính quyền địa phương vận động thành lập. Nhóm xe ôm tại phường Niệm Nghĩa cho biết “ở đây trước cũng có nghiệp đoàn xe ôm, chính quyền địa phương cũng vận động chúng tôi nhưng nói thật, chẳng ai thích tham gia các câu lạc bộ tự quản hay nghiệp đoàn đó đâu vì vào đó phải tuân thủ nhiều quy định, quy tắc. Trong khi đó, làm nghề xe ôm phải tự do, lúc đứng ở chỗ này, lúc đứng ở chỗ khác mới bắt được khách, đứng theo sự quản lý thì kiếm làm sao được tiền.” Mặc dù vậy, ở một số điểm đông khách đi xe ôm như bến xe, cổng bệnh viện ở Hải Phòng đã hình thành tổ nhóm (tự phát hoặc do công an phường quản lý) gồm 7-10 người lái xe ôm với qui định đón khách luân phiên để tránh việc tranh giành khách gây mất trật tự an ninh nơi công cộng.

Tại Gò Vấp, đa số xe ôm tham gia vào đội xe ôm tự quản, vừa góp phần đảm bảo an ninh trật tự, vừa là nơi chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau

Tại Gò Vấp (TP.HCM), đa số những người làm nghề xe ôm đều tham gia vào Đội xe ôm tự quản do Phường tổ chức, rất ít người làm việc cá nhân đơn lẻ. Những người tham gia Đội xe ôm tự quản sẽ đăng ký điểm chờ khách thường xuyên, hình thành nên các khu vực hành nghề của từng đội. Do đó khó có cơ hội cho những người hành nghề đơn lẻ cạnh tranh đón khách trong khu vực tự quản của từng đội xe ôm.

Đội xe ôm tự quản tại Gò Vấp là một cách làm hay, vừa quản lý được những người hành nghề tự do, góp phần đảm bảo trật tự an ninh xã hội, vừa tạo cơ hội cho những người xe ôm chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau lúc khó khăn (xem Hộp 14).

HỘP 14. Đội xe ôm tự quản tại Gò Vấp – cánh tay nối dài của công an khu vực

Tại quận Gò Vấp (TP.HCM), việc thành lập các đội xe ôm tự quản có sự quản lý của chính quyền địa phương là một cách làm hay góp phần giữ gìn tốt an ninh, trật tự khu dân cư. Từ năm 2006, những người thường xuyên hành nghề xe ôm dù có hộ khẩu thường trú hay tạm trú đều phải làm đăng ký địa điểm đợi khách với công an phường một lần/năm. Sau khi phân chia khu vực, các nhóm xe ôm tự quản được thành lập, mỗi nhóm có từ 8-14 người đứng ở chợ hoặc ở đầu hẻm. Nhóm có tổ trưởng, tổ phó do anh em trong nhóm bầu ra, đăng lý với công an khu vực.

Các điều hành của nhóm là đón khách lần lượt, trừ những khách quen của ai thì người đó nhận khách. Hầu hết những người lái xe ôm được phỏng vấn đều phấn khởi, khẳng định cách sinh hoạt theo nhóm tự quản đã chia đều cơ hội việc làm cho từng thành viên trong nhóm, đồng thời đẩy mạnh sự gắn kết, chia sẻ giữa các cá nhân.

Cách làm việc gần gũi, thân mật của cán bộ phường và công an khu vực đã phần nào giúp sự tự tin của những người làm nghề chạy xe ôm cũng được nâng lên rõ rệt. Thay vì suy nghĩ “không lo việc thiên hạ, việc mình, mình làm” như trước đây, các Đội xe ôm tự quản đã thực sự trở thành những cánh tay nối dài của công an và chính quyền địa phương, sẵn sàng theo dõi và cung cấp thông tin về kẻ khả nghi tại địa phương để công an và chính quyền có biện pháp đối phó kịp thời hoặc cùng tham gia giúp giải tỏa ùn tắc giao thông.

Nhóm xe ôm phường 17, quận Gò Vấp chia sẻ:

- “Vào tổ rồi anh em đoàn kết hơn, anh em hỗ trợ nhau nhiều hơn, không cạnh tranh nhau như ngày xưa mà cũng chẳng lo mất khách. Nếu mỗi quen thì dù chưa tới lượt mình vẫn chạy được. Còn xếp tài thì hên xui, có khi cuốc của anh này dài, cuốc của anh kia kém.”



- “Ngày trước làm nghề xe ôm thấy người ta nhìn mình dữ lắm. Công an có khi cũng dòm hoài nhưng từ ngày vào tổ xe ôm tự quản khác rồi, bây giờ mình còn giúp đỡ công an nhiệt tình trong việc giữ gìn trật tự an ninh xóm phố nữa mà. Nhiều khi mấy anh công an còn ra mời thuốc, hỏi mình chuyện nữa chứ.”
- “Tổ xe ôm tự quản cũng được mời tham gia cùng tổ dân phòng luôn, còn được mời đi tập huấn và cùng đứng dẹp đường khi giao thông kẹt xe nữa.”

Đây thực sự là một mô hình hay và có thể nhân rộng ở nhiều địa phương khác.



PHẦN 3.

TÁC ĐỘNG CỦA GIÁ CẢ ĐẾN ĐỜI SỐNG, SINH KẾ NGƯỜI NGHÈO ĐÔ THỊ

Theo dõi nghèo đô thị đúng vào lúc lạm phát ở đỉnh cao

Đợt theo dõi nghèo đô thị tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM) diễn ra vào tháng 5-7/2008, là thời điểm mức lạm phát đang ở đỉnh cao. Những tác động của giá cả bất lợi đến đời sống và sinh kế người nghèo đô thị luôn là một chủ đề nóng hổi trong tất cả các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu với cán bộ cơ sở và người dân địa phương¹⁰.

3.1 Biến động giá cả

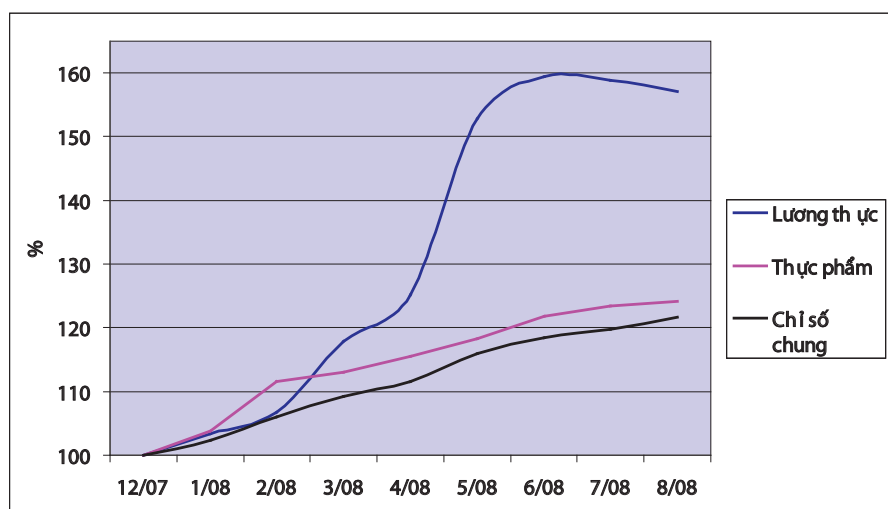
Giá các mặt hàng lương thực và thực phẩm tăng mạnh nhất

Lạm phát tăng cao đang là một thách thức lớn của Việt nam kể từ khi gia nhập WTO vào cuối năm 2006. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bắt đầu tăng từ đầu năm 2007, và đặc biệt tăng tốc từ quý IV năm 2007. CPI chung cuối năm 2007 đã tăng 12.63% so với cuối năm 2006. Bước sang năm 2008, lạm phát tiếp tục hoành hành mạnh hơn. Hình 2 cho thấy, đến tháng 6/2008, CPI chung đã tăng 20.34% so với cuối năm 2007, trong đó nhóm mặt hàng lương thực, thực phẩm tăng giá mạnh nhất: lương thực tăng 59.44%; thực phẩm tăng 21.83%. Lương thực, thực phẩm và dịch vụ ăn uống chiếm quyền số 42.85% trong CPI chung của Việt nam, là yếu tố chính dẫn đến cơn ‘bão giá’ tiêu dùng trong những tháng đầu năm 2008.

Sang nửa cuối 2008 giá lương thực, thực phẩm đã giảm nhẹ, nhưng vẫn cao hơn nhiều cùng kỳ năm trước

Tại thời điểm khảo sát trong các tháng 7 và 8/2008, đà lạm phát đã chậm lại, CPI chung tăng ở mức thấp nhất so với 6 tháng đầu năm, giá lương thực đã giảm nhẹ, giá thực phẩm tăng không đáng kể, nhưng vẫn cao hơn nhiều cùng kỳ năm trước. Riêng nhóm hàng hóa và dịch vụ "phương tiện đi lại và bưu điện" tăng 9.07% trong tháng 8/2008, phần nhiều do ảnh hưởng của giá bán lẻ xăng dầu tăng đột biến. Dự kiến mức lạm phát cả năm 2008 sẽ trong khoảng 25%, cao nhất trong vòng hàng chục năm trở lại đây.

HÌNH 2. Chỉ số giá tiêu dùng các tháng trong năm 2008 (tháng 12/2007=100%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 8/2008 (www.gso.gov.vn)

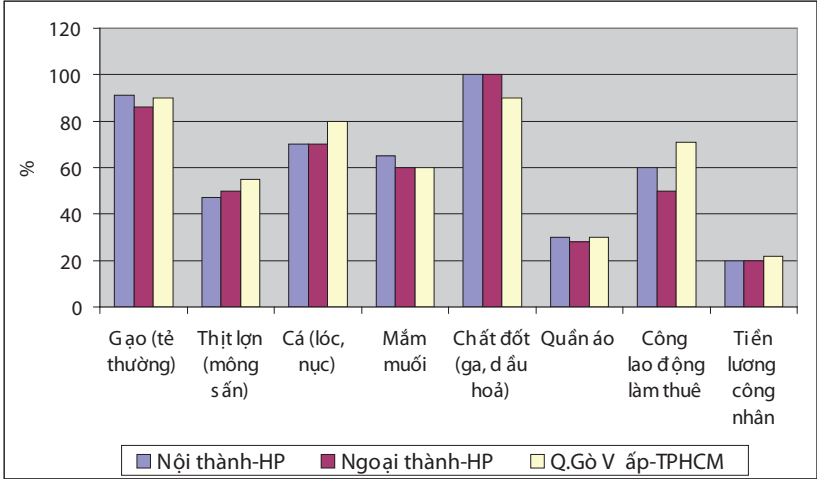
¹⁰ Xem báo cáo chi tiết “Tác động của biến động giá cả đến đời sống và sinh kế của người nghèo tại Việt Nam - nghiên cứu trường hợp điển hình tại các tỉnh Điện Biên, Đắk Lắk, Quảng Trị, thành phố Hải Phòng và quận Gò Vấp (thành phố Hồ Chí Minh)” do Oxfam và ActionAid Việt Nam ấn hành, tháng 12/2008.



Tại khu vực đô thị người dân thuần túy mua lương thực, thực phẩm

Hình 3 cho thấy, tại 2 địa bàn đô thị là TP.Hải Phòng và quận Gò Vấp (TP.HCM) – nơi người dân thuần túy mua lương thực, giá mua gạo tẻ thường từ tháng 6/2007 đến 6/2008 đã tăng 80-100%, giá thịt lợn (mông sấn) tăng trên 50%, mắm muối và các đồ gia vị tăng khoảng 60%, chất đốt tăng 90-100%, tiền công lao động phổ thông tăng 50-60%, tiền lương công nhân trong các xí nghiệp tăng trên dưới 20% (tương đương với biên độ tăng 20% của mức lương tối thiểu tại các doanh nghiệp trong nước theo qui định của Chính phủ: từ 450.000 đồng/tháng áp dụng từ tháng 10/2006 tăng lên 540.000 đồng/tháng áp dụng từ tháng 1/2008).

HÌNH 3. Mức tăng giá tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM) từ tháng 6/2007 đến tháng 6/2008



Nguồn: giá mua bán lẻ tại các điểm nghiên cứu do người dân và các đại lý cung cấp, tháng 6-7/2008

Công lao động làm thuê tăng, nhưng số ngày có việc giảm đi

Mặc dù công lao động làm thuê tăng 50-60% trong 1 năm qua, nhưng phỏng vấn người nghèo tại các điểm nghiên cứu cho biết số ngày công làm thuê bình quân hàng tháng của một lao động lại giảm 30-50% (do người ra thành phố làm thuê theo thời vụ ngày càng đông mà việc làm thuê không tăng), nên tính tổng lại thu nhập hàng tháng của người làm thuê cũng chỉ tăng 20-25%.

Giá cánh kéo khiến cho sức mua của người nghèo giảm sút

Tình trạng “giá cánh kéo” khiến cho sức mua lương thực, thực phẩm và các nhu cầu thiết yếu khác của người nghèo bị giảm sút. Khi qui đổi một công lao động làm thuê phổ thông, thu nhập một tháng bình quân của hộ người bản xứ hoặc người nhập cư tại các điểm khảo sát ra “gạo tẻ” hoặc “thịt lợn mông” ở thời điểm hiện nay so với cách đây 1 năm cho thấy rõ tình trạng giá cánh kéo đã làm giảm đáng kể sức mua tương đối của người nghèo.

Các khoản trợ cấp xã hội quá thấp trong bối cảnh tăng giá

Đáng lưu ý, các khoản trợ cấp xã hội hiện nay quá thấp, trong khi các đối tượng nằm trong chính sách bảo trợ xã hội đang gặp rất nhiều khó khăn. Đang rất cần một cơ chế điều chỉnh thường xuyên, kịp thời các định mức hỗ trợ cho phù hợp với mức lạm phát hàng năm (xem Hộp 15).



HỘP 15. Cần một cơ chế điều chỉnh thường xuyên mức trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội

Các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 67/CP ban hành ngày 13/4/2007 (trẻ mồ côi không nơi nương tựa, người già trên 85 tuổi, người tàn tật, mắc bệnh tâm thần, HIV/AIDS, phụ nữ đơn thân nuôi con nhỏ...) đang được nhận khoản trợ cấp quá thấp (mức chuẩn là 120.000 đồng/tháng) so với giá cả sinh hoạt. Tại điều 7 của Nghị định 67/CP đã quy định “*khi mức sống tối thiểu của dân cư thay đổi thì mức chuẩn trợ cấp xã hội cũng được điều chỉnh theo cho phù hợp*”. Do đó, cấp bách cần nâng mức trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội lên tương ứng với mức lạm phát hiện nay.

Lưu ý rằng mức trợ cấp cơ bản cho các đối tượng bảo trợ xã hội (120.000 đồng/tháng) chỉ bằng hơn 20% so với mức lương tối thiểu của công nhân trong doanh nghiệp hiện nay (540.000 đồng/tháng). Cán bộ các địa phương cho rằng cần nâng mức chuẩn trợ cấp xã hội lên ít nhất là 200.000 đồng. Ngoài ra, cần nâng.

Không chỉ tăng mức trợ cấp bảo trợ xã hội, mà các mức chuẩn nghèo, mức lương tối thiểu, mức lương hưu, mức hỗ trợ cho các trung tâm bảo trợ xã hội tại các địa phương ... cũng cần được tăng tương ứng với mức lạm phát. Hiện nay, hầu hết đối tượng bảo trợ xã hội trong Nghị định 67/CP không áp dụng cho nhóm cận nghèo. Việc tăng chuẩn nghèo sẽ giúp những hộ cận nghèo hiện nay trong diện bảo trợ xã hội được hưởng trợ cấp xã hội của Nhà nước.

Quan trọng hơn, cần thiết lập một cơ chế điều chỉnh thường xuyên, kịp thời các “chuẩn” và “mức” nêu trên trong các năm tới. Người nghèo và cận nghèo, người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội là những người nhạy cảm nhất với những diễn biến giá cả bất lợi và những rủi ro khác. Do đó, họ cần được sự nâng đỡ của các chính sách hỗ trợ một cách kịp thời nhất để ngày càng bớt đi những “đường hình sin” trong đời sống.

3.2 Đặc điểm tiêu dùng và mua bán của người nghèo đô thị

Mô hình chi tiêu ảnh hưởng đến tác động của biến động giá cả

Mô hình chi tiêu

Trong mô hình chi tiêu của người nghèo bản xứ (có hộ khẩu trong thành phố) và người nghèo nhập cư tại các khu vực đô thị có sự khác nhau về mức độ ưu tiên.

Người nghèo bản xứ ưu tiên cho con em ăn học, tiếp theo là các khoản chi bắt buộc cho sinh hoạt gia đình

Người nghèo bản xứ ưu tiên cao cho chi phí cho con em đi học. Phần tiền còn lại trước tiên là để đảm bảo các khoản chi bắt buộc cho sinh hoạt gia đình như tiền gạo, tiền điện, nước, “hiếu hỷ”, sau đó sẽ được “co kéo” cho các khoản chi tiêu khác trong gia đình. Hiện nay các khoản chi phí cho con em ăn học ở khu vực đô thị quá lớn, là gánh nặng đáng kể cho những người nghèo và cận nghèo bản xứ. Bên cạnh đó, việc giảm bớt các khoản đóng góp bắt buộc và tự nguyện dưới nhiều hình thức cũng được người nghèo bản xứ quan tâm (xem Hộp 16).



HỘP 16. Cẩn tiếp tục rà soát, cắt giảm các khoản chi phí cho người nghèo

Các chính sách giảm bớt các loại chi phí “đóng tiền học cho con” rất được người nghèo mong đợi trong lúc đời sống khó khăn do giá cả bất lợi. Hiện nay, có đến hàng chục khoản đóng góp cho con đi học (thông qua hội phụ huynh học sinh) với tổng chi phí dao động từ 200.000-300.000 đồng đến 500.000-600.000 đồng, thậm chí đến 700.000-800.000 đồng/năm (ở khu vực đô thị). Ở đây có sự mâu thuẫn giữa chủ trương “xã hội hóa” trong ngành giáo dục với khả năng chi trả của người nghèo và cận nghèo.

Trong bối cảnh giá cả tăng cao, cần tiếp tục rà soát để cắt giảm các loại đóng góp cho người nghèo và cận nghèo, dù ở dạng “bắt buộc” hay “vận động tự nguyện”. Thời gian qua Nhà nước đã bỏ nhiều loại phí bắt buộc như “lao động công ích”, “phí quốc phòng, an ninh” và “phí phòng chống bão lụt” nhằm giảm bớt gánh nặng đóng góp cho người dân. Tuy nhiên, tại các điểm khảo sát vẫn còn nhiều khoản đóng góp được “vận động” dưới dạng các quỹ khác nhau, ví dụ như: “quỹ khuyến học”, “quỹ vì người nghèo”, “quỹ đền ơn đáp nghĩa”, “quỹ dân phòng khu phố”... Mức đóng góp cho từng loại “quỹ” không lớn, tính tổng lại tất cả các quỹ một hộ gia đình đóng trên dưới 100.000 đồng/năm. Đối với hầu hết hộ gia đình khoản đóng góp này không có vấn đề gì, nhưng với nhiều hộ nghèo cũng là gánh nặng.

Đáng nói là, vẫn còn nhiều khoản đóng góp về nguyên tắc là “vận động”, “tự nguyện” nhưng thực chất cách làm ở cấp cơ sở vẫn giống như là “bắt buộc”. Ngay cả 2 loại phí “quốc phòng an ninh” và “phòng chống bão lụt” mặc dù Nhà nước không còn bắt buộc, nhưng ở một số nơi cán bộ cơ sở vẫn thu của hộ dân theo cách trước đây, tức là gần như bắt buộc.

Người dân quan tâm đến việc tăng các chi phí dịch vụ “xã hội hóa”

Một bức xúc khác của người dân là việc tăng các khoản phí cho các dịch vụ “xã hội hóa” trong bối cảnh hiện nay. Điển hình là dịch vụ “thu gom rác thải” tại quận Gò Vấp do “nghiệp đoàn dân lập” đảm nhận. Bà con tại các tổ dân phố được khảo sát còn phàn nàn về mức thu phí thu gom rác tăng tùy tiện, không thống nhất, gây bức xúc trong nhân dân (xem Hộp 17).

HỘP 17. Loạn phí rác thải trong thời lạm phát

Tại các khu dân cư trong hẻm của quận Gò Vấp, dịch vụ thu gom rác thải là do “nghiệp đoàn dân lập” thực hiện. Dịch vụ rác thải do “nghiệp đoàn” đảm nhận là giai đoạn quá độ trong tình trạng xe rác của công ty môi trường đô thị chưa với tới được các hẻm nhỏ. Tăng phí rác thải không nhất quán, không có hóa đơn, thiếu sự quản lý của chính quyền là vấn đề bức xúc đã được đặt ra trong các cuộc họp của địa phương nhằm chấn chỉnh hoạt động này.

Thảo luận với nhóm nòng cốt Tổ dân phố 25, phường 6 quận Gò Vấp có nhiều ý kiến bức xúc về thu phí “rác thải”. Phí rác thải vào giữa năm 2008 đã tăng lên 10.000-15.000 đồng/hộ so với mức 7.000-10.000 đồng/hộ hồi đầu năm 2008. Việc thu phí rác thải còn tùy tiện, có nơi có biên lai, có nơi không có, chưa kể còn thu thêm vào các đợt “cúng cô hồn” tháng 7, tết trung thu tháng 9, Tết nguyên đán tháng 2 và thu thêm tiền dọn rác phát sinh do sửa chữa nhà, dọn cây tỉa cành.... Mức thu cũng không thống nhất, ngay trong 1 khu phố dân cư giữa 2 tổ dân phố có nơi thu 10.000 đồng, có nơi thu 15.000 đồng.

Bà con cho biết “người đi thu gom rác không nghèo, có “đầu nậu” thâu đi thâu lại từng tuyền đường”. Có người dân đề xuất “tại sao không vận dụng phong trào XĐGN trong việc thu gom rác: vận động những người nghèo, thất nghiệp ngay trong từng tổ dân phố làm dịch vụ thu gom rác cho bà con?”.

Người nghèo nhập cư ưu tiên cho tiết kiệm và gửi tiền về gia đình

Người nghèo nhập cư ưu tiên cao cho việc tiết kiệm và gửi tiền về gia đình (để lo cho con cái ở quê đi học, giúp đỡ gia đình đang sống ở nông thôn, để có chút vốn sau này quay về nông thôn làm ăn, hoặc đi học tiếp đối với các bạn trẻ), do đó trong thời gian ở thành phố họ sẵn sàng chấp nhận điều kiện sống tối thiểu, ăn uống kham khổ để có tiền tiết kiệm và gửi về gia đình. Tuy nhiên, người nghèo nhập cư thuê nhà trọ luôn phải chịu giá điện, giá nước cao gấp 2-4 lần so với người bản xứ, ở mức cao nhất trong bảng giá lũy tiến (giá điện 2.000 đồng/kwh trở lên, nước 7.000 đồng/m³). Bản thân giá thuê nhà trọ cũng đã tăng ít nhất 20-30% trong năm qua.



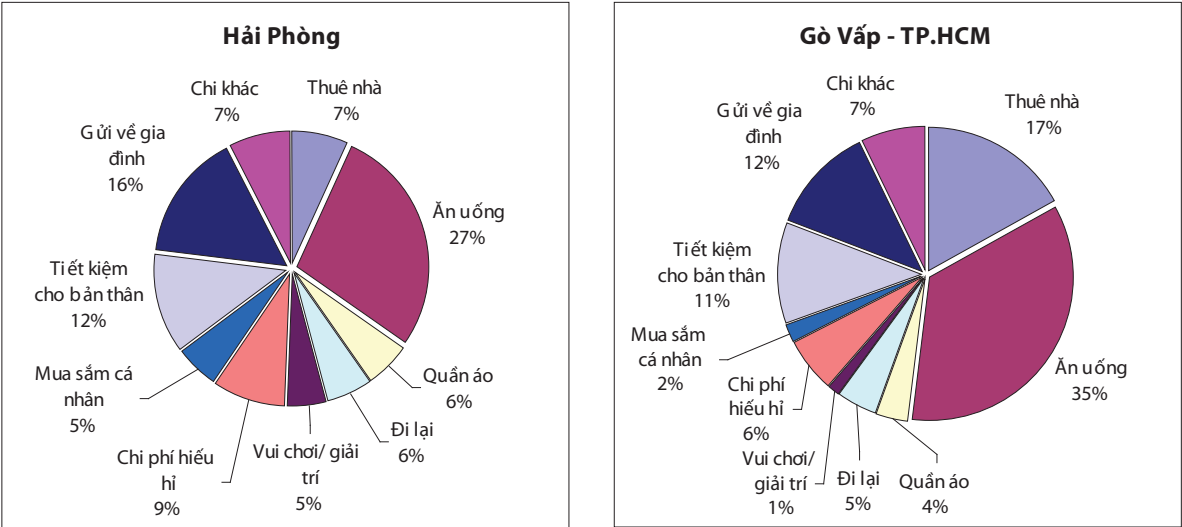
Người nhập cư thường phải chịu giá điện, giá nước cao gấp 2-4 lần người bản xứ

Chi ăn uống, tiết kiệm gửi về gia đình, thuê phòng trọ và "hiếu hỷ" là bốn khoản chi lớn nhất của công nhân nhập cư

Hình 4 cho thấy, trong tổng thu nhập trung bình 1.6 - 1.7 triệu đồng/tháng của nhóm công nhân nhập cư thì cơ cấu chi tiêu như sau:

- Khoản chi cho ăn uống chiếm cơ cấu lớn nhất trong chi tiêu hàng tháng của công nhân nhập cư, chiếm tỷ lệ hơn 27% ở Hải Phòng và hơn 35% ở Gò Vấp (TP.HCM).
- Khoản tiền tiết kiệm cho bản thân và gửi về gia đình chiếm gần 28% tổng chi tiêu tháng ở Hải Phòng và 23.5% tổng chi tiêu tháng ở Gò Vấp (TP.HCM).
- Khoản chi cho thuê phòng trọ (bao gồm tiền thuê nhà và các khoản chi cho điện, nước và đóng góp khác cho chủ nhà như phí dọn rác, đóng quỹ dân phòng ở địa phương...) chiếm tỷ lệ gần 7% ở Hải Phòng và 17% ở Gò Vấp (TP.HCM).
- Một khoản chi rất đáng kể là "chi phí hiếu hỷ", chiếm gần 9% tổng chi tiêu trong 1 tháng của công nhân nhập cư ở Hải Phòng và 6% ở Gò Vấp (TP.HCM), lớn hơn cả khoản tiền dành cho mua sắm quần áo, vui chơi giải trí và đi lại.

HÌNH 4. Cơ cấu chi tiêu hàng tháng của công nhân nhập cư



Nguồn: Phỏng vấn 120 công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM), tháng 6-7/2008

Tập quán mua bán

Chợ và đại lý tư nhân là 2 kênh mua hàng chính, còn ít người vào siêu thị hay trung tâm thương mại

Các mặt hàng lương thực, thực phẩm tại các thành phố chủ yếu được bán thông qua mạng lưới các quầy hàng tại các chợ và đại lý tư nhân (hiện mới chỉ có một tỷ lệ nhỏ cư dân đô thị có đủ điều kiện và thói quen mua lương thực, thực phẩm ở các siêu thị và trung tâm thương mại). Giá cả biến động hàng ngày do các đại lý bán buôn thông báo cho đại lý, cửa hàng bán lẻ. Phỏng vấn các quầy hàng bán gạo lẻ tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM) cho thấy họ cũng không được lợi khi giá gạo tăng cao, điển hình là trong đợt sốt gạo ảo cuối tháng 4/2008. Lý do là họ vốn ít lấy hàng nhỏ lẻ, lúc giá cao họ bán được ít hàng, đến lúc lấy gạo vào giá cao bán không kịp, sau đó giá gạo lại giảm họ không có lời. Các quầy bán lẻ đều mong muốn giá cả ổn định thì họ dễ mua để bán hơn.

Chủ yếu mua bán tiền mặt ngay, ít mua chịu

Về tập quán mua bán ở khu vực đô thị, nhìn chung mọi giao dịch đều bằng tiền mặt ngay, ít có trường hợp mua chịu; trừ một số ít hộ nghèo rất quen biết với cửa hàng, đại lý có thể thỉnh thoảng mua chịu số lượng nhỏ trong thời gian ngắn (ví dụ, mua chịu 5 kg gạo lần sau lấy hàng trả tiền).

Không còn tâm lý tích trữ, nhưng vẫn bị tác động của đợt "sốt gạo ảo" tháng 4/2008

Tâm lý tích trữ đã xa rời người dân đô thị từ rất lâu (thời trước đổi mới tâm lý tích trữ lương thực – thực phẩm là khá phổ biến ở các thành phố miền Bắc). Riêng trong đợt "sốt ảo" giá gạo trong 2 ngày cuối tháng 4/2008, lần đầu tiên tâm lý tích trữ gạo quay trở lại với dân cư đô thị sau hàng chục năm, khi có tin đồn sẽ thiếu gạo; nhưng ngay sau đó cơn sốt ảo đã được dập tắt do công tác thông tin tuyên truyền và điều hành lượng cung gạo kịp thời cho các thành phố lớn.



3.3 Tác động của giá cả tăng đến sinh kế và đời sống người nghèo đô thị

Giá mua lương thực, thực phẩm và các dịch vụ khác tăng nhanh trong khi thu nhập từ việc làm, trợ cấp xã hội không tăng tương xứng đã khiến hầu hết người nghèo và cận nghèo đô thị gặp rất nhiều khó khăn do sức mua giảm.

Tác động đến người nghèo bản xứ

<i>Người về hưu, mất sức, đối tượng bảo trợ xã hội đang phải vật lộn với chi phí cuộc sống hàng ngày tăng</i>	<u>Nhóm nghèo và cận nghèo bản xứ đang gặp rất nhiều khó khăn</u> trong cơn bão giá. Đặc biệt, những người về hưu, về mất sức, người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội chỉ trông vào tiền lương hưu, tiền trợ cấp xã hội ít ỏi hàng tháng đang phải vật lộn với chi phí lương thực, thực phẩm và các chi phí sinh hoạt khác gia tăng. Mặc dù tiền lương hưu đã được Chính phủ quyết định tăng 20% từ đầu năm 2008, nhưng mức tăng này là quá nhỏ nếu so sánh với mức tăng các chi phí cuộc sống ở đô thị trong 1,5 năm qua giữa 2 lần tăng lương hưu. Những người về mất sức nhận trợ cấp 1 lần nay không có lương hưu cũng đang gặp khó khăn, do họ không có thu nhập nào khác, phải sống nhờ vào con cháu, hoặc những công việc họ thường làm như làm thuê lao động thủ công, buôn bán nhỏ cho thu nhập thấp và bấp bênh.
<i>Tích lũy không có, càng dễ bị tổn thương khi gặp rủi ro khác nhất là về sức khỏe</i>	Khi sức mua bị giảm sút, người nghèo và cận nghèo đô thị phải sử dụng hầu hết thu nhập của mình cho lương thực, thực phẩm và các nhu cầu thiết yếu khác (điện, nước, ga...), thì phần tích lũy gần như không có, do đó tính dễ bị tổn thương càng tăng; khi gặp những rủi ro khác đặc biệt về sức khỏe sẽ càng có tác động bất lợi lớn.
<i>Xoay sở các nghề khác nhau, tiết kiệm chi tiêu tối đa</i>	Cách chống đỡ phổ biến của người nghèo và cận nghèo đô thị là cố gắng xoay sở các nghề khác nhau để có thêm thu nhập, tìm mọi cách tiết kiệm chi tiêu. Hộ nghèo đô thị vẫn đảm bảo lượng gạo ăn, không đến mức bị đói nhưng mua loại gạo kém hơn và mỗi lần mua số lượng ít hơn, giảm ăn thịt cá và mua loại giá thấp, giảm việc ra ngoài ăn uống, hạn chế dùng đồ dùng điện như điều hòa, tủ lạnh, bình nóng lạnh, ít dùng ga thay bằng dùng bếp dầu hoặc than tổ ong, tận dụng đồ đạc cũ, gần như không còn các hoạt động vui chơi giải trí bên ngoài gia đình...
<i>Thay đổi cách đi chợ để mua được đồ rẻ</i>	Cách đi chợ của người nghèo hiện nay cũng khác trước. Để mua được loại đồ ăn rẻ, người nghèo thường áp dụng 1 trong 2 cách: (i) đi chợ thật sớm để chọn được loại thức ăn rẻ khi người bán còn nhiều hàng; (ii) hoặc đi chợ thật muộn để mua những hàng tươi sống còn lại được giảm giá.
<i>Giảm các chi phí "hiếu hỷ"</i>	Đáng lưu ý là người nghèo và cận nghèo đô thị phải giảm các chi phí hiếu hỷ vì đây là một chi phí rất đáng kể. "người thật thân tình mới đi, người ơ xa không đi" trong khi "mức tiền mừng, tiền phúng viếng không giảm". Thực tế khảo sát nhiều người nghèo phải đi vay nợ để trang trải các chi phí "mừng đám cưới" - loại chi phí xã hội mà họ coi là "dù nghèo cũng phải cố lo" theo truyền thống của người Việt Nam.
<i>Nỗi lo mất việc làm đối với người đứng tuổi, sức khỏe có hạn</i>	Người lao động nghèo đã có tuổi, sức khỏe có hạn sẽ có cuộc sống tồi tệ hơn nữa khi họ bị mất việc làm, không có thu nhập trong lúc lạm phát tăng. Khả năng tìm được việc làm đúng chuyên môn ở doanh nghiệp khác là rất ít, có chăng cũng phải chấp nhận mức lương thấp hơn so với tay nghề của họ. Một số người nghèo và cận nghèo bản xứ chia sẻ những khó khăn trong chi tiêu và cách ứng phó của mình khi giá cả tăng cao như sau:

- “Mức lương hưu cuối năm 2007 là 700.000 đ một tháng, chỉ cho sinh hoạt của 2 vợ chồng già. Năm 2006 từng tiệm cũng đủ. Dịp cuối năm 2007 nghe thông tin Nhà nước tăng lương thế là giá cả thực phẩm, gạo, chất đốt đều tăng nhanh. Tháng 1/2008 được Nhà nước tăng thêm 20 % lương hưu, vị chi là 840.000 đ/tháng, mua được gạo, ga, muối mắm và có chút cá chút thịt cải thiện. Nhưng đến tháng tư năm nay (2008) mua hai yến gạo dẻo là gần hết 300.000 đồng, còn lại 540.000 đồng thì chỉ đủ thứ từ điện, ga, thuốc bệnh, mắm muối nên thực phẩm hàng ngày chỉ dám mua rau với tép thôi. Lương thì chưa tăng nữa mà giá cứ tăng hàng tháng, chẳng biết chi tiêu thế nào đây?” -- ý kiến 1 cụ hưu trong thảo luận nhóm ở xã An Hải, An Lão, Hải Phòng.
- “Từ Tết đến giờ 10 nhà đến 9 nhà chuyển sang dùng than tổ ong để đun nước, nấu cơm. Do chi phí ga đắt quá. Than tổ ong cũng lên giá: trước Tết 800 đồng/viên, giờ (tháng 6/2008) tăng lên



1.500 đồng/viên. Trung bình một ngày 2-3 viên thì một tháng hết 100.000 tiền than tổ ong, còn rẻ hơn nhiều so với dùng ga một tháng hết 200-300 nghìn đồng.” -- Thảo luận nhóm nông cốt tổ 34, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, Hải Phòng.

Các cơ sở bảo trợ xã hội rất khó khăn trong cơ bản giá

Trong cơ bản giá, các cơ sở bảo trợ xã hội - nơi tiếp nhận, chăm sóc người già và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, đang gặp rất nhiều khó khăn. Thực tế khảo sát tại một “nhà tình thương” nuôi dưỡng và giáo dục trẻ bị thiệt thòi tại Hải Phòng cho thấy mức ăn của các cháu rất thấp; chế độ đãi ngộ dành cho những người trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy trẻ cũng rất thấp trong cơ bản giá (xem Hộp 18).

HỘP 18. Mái ấm tình thương cho các trẻ thiệt thòi trong cơ bản giá

Nhà tình thương Niệm Nghĩa (quận Lê Chân, Hải Phòng) được thành lập từ tháng 8 năm 1995, là nơi tiếp nhận, chăm sóc và giáo dục, hướng nghiệp cho nhiều trẻ em nghèo là con em địa phương, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và một số trẻ em lang thang tại Hải Phòng ở độ tuổi từ 6 đến 16. Hiện nay, với 1 giám đốc, một bảo mẫu và 5 giáo viên dạy theo giờ, Nhà tình thương đang nuôi dạy cho 9 em nội trú và 42 em linh hoạt.

Tuy nhiên, đời sống của cô và trò tại Nhà tình thương đang gặp rất nhiều khó khăn. Phần lớn hoạt động của Nhà tình thương, cuộc sống của cô và trò đều phụ thuộc vào số lượng túi vải thêu do các tổ chức Jichiro, JVC, Machida đặt hàng hàng năm (từ 5.000 đến 9.000 chiếc tùy theo năm, mỗi chiếc túi lãi khoảng 12.000 đồng).

Nguồn ngân sách có hạn, định mức ăn cho trẻ nội trú rất thấp. Cô Vũ Thị V. – người trực tiếp chăm lo đời sống, sinh hoạt hàng ngày của trẻ cho biết: “*Bây giờ cái gì cũng tăng giá, đi chợ không biết phải làm thế nào để đảm bảo chất lượng bữa ăn để giữ sức khỏe cho các cháu. Năm ngoái gạo chỉ 7.000 đồng mà năm nay là 13.000 - 14.000 đồng/kg. Cơm, rau bao giờ cũng phải mua đủ, không thể để cho các cháu bị đói nên đành bớt cái này, bớt cái kia. Năm ngoái mua thịt mỗi cháu được khoảng 5 miếng thì nay chỉ chia cho mỗi cháu 3 miếng thôi. Không có tiền mua thịt ngon, chỉ mua thịt ba chỉ thôi.*”

Chế độ đãi ngộ dành cho những người trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy trẻ cũng rất thấp. Cô Lê Thị T. - giáo viên dạy nghề và văn thể mỹ nói: “*làm ở đây là phải có tâm chứ còn lương thấp lắm, ai cũng lo vì không đảm bảo cuộc sống. Lương của giáo viên dạy tại Nhà tình thương là 700 nghìn đồng/tháng, bảo mẫu - người sống tại Nhà tình thương 24/24 để chăm lo cho 10 đứa con bị thiếu năng trí tuệ cũng chỉ có 800 nghìn đồng/tháng. Làm cô giáo tại Nhà tình thương đã 12-13 năm nay mà không hề có BHYT, BHXH.*”

Tác động đến người nghèo nhập cư

Người nghèo và cận nghèo nhập cư chịu tác động mạnh nhất của giá cả tăng

Người nghèo (và cận nghèo) nhập cư tại các khu vực đô thị thuộc vào nhóm chịu tác động mạnh nhất của giá cả tăng. Lý do là bên cạnh chi phí tăng cho lương thực, thực phẩm và dịch vụ ăn uống giống như người nghèo bản xứ, nhóm nghèo nhập cư còn phải trang trải các chi phí thuê nhà trọ, tiền điện nước... giá cao, và còn phải lo tiết kiệm một khoản tiền gửi về nhà (bản thân chi phí cho con cái ăn học ở nông thôn cũng tăng lên).

Thu nhập của công nhân nhập cư chỉ tăng nhẹ trong khi giá cả tăng mạnh

Nhóm công nhân nhập cư: trong khi lương tăng chậm, thì tiền thuê nhà, tiền ăn và các mua sắm khác đều tăng chóng mặt. Thu nhập bình quân hàng tháng trong năm qua không tăng hoặc chỉ tăng từ 10-20%, trong khi hầu hết vật giá đều tăng lên từ 30-50% trở lên. Vì vậy, mặc dù chi tiêu tần tiện, mức lương của công nhân nhập cư hiện nay không đủ để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cuộc sống. Bảng 16 cho thấy cách đối phó phổ biến của công nhân nhập cư là giảm các khoản chi cho vui chơi giải trí, giảm các khoản mua sắm và giảm mức chi tiêu cho ăn uống hàng ngày.



BẢNG 16. Cách đối phó của công nhân nhập cư với giá cả sinh hoạt tăng (% ý kiến)

	Hải Phòng	Gò Vấp (TP.HCM)	Trung bình
Giảm tiền thuê nhà	16,7	5,1	9,9
Giảm khoản tiết kiệm cho bản thân	21,4	28,8	25,7
Giảm các khoản mua sắm quần áo	78,6	62,7	69,3
Giảm chi phí đi chơi/giải trí	69,0	72,9	71,3
Giảm chi phí hiếu hỉ	33,3	22,0	26,7
Giảm mức chi tiêu cho ăn uống hàng ngày	33,3	64,4	51,5
Giảm mua sắm cá nhân khác	66,7	30,5	45,5
Giảm tiền gửi về nhà	28,6	21,2	25,0

Nguồn: Phỏng vấn 120 công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM), tháng 6-7/2008

<i>Giảm chi tiêu bữa ăn, nấu ăn chung để tiết kiệm chi phí</i>	Giá cả thị trường tăng cao, định mức chi tiêu hàng ngày không thể thay đổi, công nhân nhập cư phải tiết kiệm tối đa các chi phí sinh hoạt của mình. Nhiều người bữa sáng thường ăn cơm nguội, mì gói thậm chí có người còn nhịn ăn sáng, bữa trưa ăn tại doanh nghiệp, chi tiêu bữa tối ở mức tần tiện, các thành viên trong phòng trọ thường nấu ăn chung.
<i>Chuyển phòng trọ ra vùng ngoại vi có giá rẻ hơn, nhưng tiện nghi kém hơn</i>	Trong cơn bão giá, tại TP. HCM, một số công nhân nhập cư phải chấp nhận chuyển nhà sống xa nơi làm việc, thuê nhà ở những khu vực ngoại vi quận, huyện với điều kiện sinh hoạt về vệ sinh môi trường, cơ sở hạ tầng kém hơn nhưng giá thuê phòng rẻ hơn.
<i>Phần tiết kiệm và gửi tiền về nhà bị ảnh hưởng nghiêm trọng</i>	Phần tiết kiệm cho bản thân và gửi tiền về nhà – mục đích chính của các công nhân nhập cư, cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Một phần tư số công nhân được hỏi cho biết năm 2008 đã phải giảm mức tiết kiệm và tiền gửi về nhà so với năm 2007. Một số công nhân nhập cư chia sẻ những khó khăn trong cơn bão giá như sau: – “Năm ngoái em thuê nhà ở gần công ty nhưng giá phòng ở đó cao, mà đầu năm nay cũng tăng tiền nhà lên thành 800.000 đồng/tháng. Bình quân 1 tháng cả tiền lương, cả tiền tăng ca của em được 1.300.000 đồng. Bây giờ chi tiêu cái gì cũng đắt. Năm ngoái tiền ăn của em là 350.000 đồng/tháng mà năm nay em phải tốn tới 600.000 đồng/tháng mà chất lượng không bằng. Em còn phải gửi về nhà 500.000 đồng/tháng mà số tiền gửi về nhà vẫn phải giữ nguyên mới đảm bảo cho em đi học. Vì thế nên em và 3 đứa bạn đành phải chuyển nhà về đây để tiết kiệm tiền, ở đây thuê chỉ tốn 450.000 đồng/tháng. Nhà trọ này cách công ty gần 3 cây số, mà chỉ là cái phòng gác gỗ diện tích tầm 10 m2, nóng lắm. Nhà vệ sinh không sạch, nước dùng có mùi hôi, khi dùng phải để lắng hoặc lọc mới dùng được. Vẫn biết là khó chịu nhưng em cũng chưa tìm được nhà nào chuyển đi vì bây giờ giá nhà đắt lắm. Thôi thì mình không có đành chịu vậy.” -- Lê Thị L.H., 20 tuổi, công nhân nhập cư tại Phường 17, quận Gò Vấp, TP.HCM – “Lương em 1.400.000 đồng thì năm 2007 còn tiết kiệm được 500.000 đồng, sang năm 2008 thì không thể tiết kiệm được. Cứ tính đơn giản thôi, năm ngoái mua 1.000 đồng tiền xôi người ta còn bán, năm nay thì phải mua 2.000 đồng họ mới bán cho. Cái gì cũng tăng thế đấy.” -- Thảo luận nhóm công nhân nhập cư tại phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, Hải Phòng. – “Em mới vào Thành phố hai tháng, hiện đang làm phụ may được trả 800.000 đồng và cơm trưa. Mỗi tháng em vẫn trích ra 450.000 đồng để gửi về nhà lo cho sắp nhỏ đi học, tiền trọ và điện nước hết khoảng 200.000 đồng/tháng. Bây giờ không ăn sáng, trưa em ăn ở công ty, tối về em chỉ ăn 5.000 đồng/1 tô hủ tiếu gõ hoặc mua một cái bánh ngọt 4.000 đồng thôi. Các bạn cùng nhà cũng có nấu ăn nhưng em không ăn cùng. Nấu ăn thì tốn đến mấy trăm nghìn một tháng, lại còn tiền ga, tiền dầu,.. Mình ăn hủ tiếu 5.000 đồng/tô thì tháng chỉ mất 150.000 đồng thôi. Em muốn tiết kiệm thật nhiều để gửi về nhà còn may đồ cho mấy đứa em đi học.” -- Hồ Thị A., 18 tuổi, công nhân nhập cư phường 17, quận Gò Vấp, TP.HCM.
<i>Một số công nhân có ý định tìm việc khác</i>	Bảng 17 cho thấy hơn 12% số công nhân nhập cư được phỏng vấn phiếu hỏi cho biết đang có ý định chuyển sang việc khác hoặc doanh nghiệp khác, trong đó hầu hết nêu lý do là muốn tìm việc có thu nhập cao hơn để trang trải chi phí cuộc sống.



BẢNG 17. Dự tính của công nhân nhập cư về công việc trong tương lai (%)

	Hải Phòng	Gò Vấp (TP.HCM)	Trung bình
Tiếp tục làm việc này ít hơn 6 tháng	1,8	10,2	6,1
Tiếp tục làm việc này từ 6 đến 12 tháng	0	3,4	1,8
Tiếp tục làm việc này từ 1 đến 3 năm	1,8	13,6	7,9
Tiếp tục làm việc này trên 3 năm	14,5	11,9	13,2
Chưa tính được, cứ làm tiếp rồi tùy tình hình xem thế nào	74,5	44,1	58,8
Đang có ý định chuyển sang việc khác hoặc sang doanh nghiệp khác	7,3	16,9	12,3

Nguồn: Phòng vấn 120 công nhân nhập cư tại Hải Phòng và Gò Vấp (TP.HCM), tháng 6-7/2008

Tình trạng công nhân bỏ việc ở thành phố về quê đang gia tăng

Cuộc sống ở đô thị khó khăn nên một số công nhân nhập cư đang có ý định tìm công việc khác hoặc thậm chí về quê không ra thành phố nữa. Thực tế tại các điểm khảo sát tình trạng công nhân nhập cư bỏ việc về quê đang gia tăng (xem Hộp 19). Trong cuộc thảo luận nhóm công nhân nhập cư tại phường 6, quận Gò Vấp, 4/7 công nhân tham gia thảo luận nhóm cho biết dự định của họ trong thời gian tới là sau Tết sẽ về quê hoặc tìm kiếm một công việc khác ở thành phố có thu nhập cao hơn. Một bạn nữ tham gia thảo luận nhóm cho biết “*Lương chỉ tăng 1-2 trăm nghìn đồng/tháng trong khi giá cả tăng gấp đôi, gấp 3 lần, tăng từ tiền nhà đến tiền ăn. Đời sống ngày càng khó khăn. Em cũng xác định là cứ thế này thì không thể ở đây lâu dài. Nếu hết năm nay mà lương không tăng, giá cả vẫn thế này thì em về Bắc thôi*”.

HỘP 19. Công nhân nhập cư trở về quê – doanh nghiệp thiếu lao động

Tại Gò Vấp (TP.HCM), xu hướng công nhân nhập cư quay về quê không ra thành phố nữa do chi phí sinh hoạt tăng cao mà thu nhập không tăng đang nổi lên khá rõ ở thời điểm khảo sát. Tình trạng này ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của nhiều doanh nghiệp do lực lượng lao động không ổn định, liên tục phải tuyển mới mà vẫn không đủ lao động.

Tình trạng DN luôn thiếu lao động theo chu kỳ “đầu năm thiếu, cuối năm đủ” khá phổ biến ở Gò Vấp. Trong năm DN liên tục thông báo tuyển dụng, tiếp nhận lao động và đến khoảng quý III – quý IV số lượng lao động của DN là cao nhất. Sau kỳ nghỉ Tết nguyên đán năm sau, số lao động quay trở lại chỉ bằng 75 - 80 % trước Tết vì họ thấy thu nhập không cao, điều kiện làm việc vất vả. Một số DN đã áp dụng biện pháp giữ lương tháng 1 và chậm phát lương thưởng tháng 13 nhưng cũng khó giữ chân công nhân nhất là trong thời kỳ giá cả ở TP.HCM leo thang, lương công nhân khó trụ nổi.

Một cán bộ của Liên đoàn lao động quận Gò Vấp, qua công tác theo dõi nắm tình hình lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn, đã tổng kết như sau:

- “Hiện nay đa số các doanh nghiệp trên địa bàn quận đều thiếu công nhân lao động trầm trọng vì mức lương trung bình của lao động không đáp ứng đủ mức chi tiêu hàng tháng. Trong khi đó, tại nhiều địa phương, các khu chế xuất cũng được xây dựng nên công nhân có xu hướng về làm việc tại quê nhà. Trong số công nhân lao động trong các công ty, xí nghiệp, khu chế xuất hiện nay thì 80-85% là lao động nhập cư. Tuy nhiên, trong 1-2 năm trở lại đây, sau Tết, số lao động quay lại trong một số công ty, xí nghiệp làm việc chỉ khoảng 30%.
- “Trong những tháng đầu năm 2008 này, nhiều doanh nghiệp phải hoạt động cầm chừng, vừa làm, vừa tuyển công nhân. Có thể nói, nếu trong thời gian tới, các doanh nghiệp không thay đổi về mức tiền lương và chế độ đãi ngộ thì số công nhân nhập cư tại Thành phố sẽ giảm đi đáng kể, cũng có nghĩa là các doanh nghiệp sẽ thiếu nguồn nhân lực, không đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh.”



Làm đủ nghề phi chính thức, giảm chi tiêu nhưng vẫn không có tích lũy

Người nhập cư làm các công việc phi chính thức: nhóm này sẵn sàng chấp nhận cuộc sống vất vả, làm đủ nghề từ chạy xe ôm, xích lô, ve chai, phụ hồ, bán hàng rong... để có tiền tiết kiệm, gửi về giúp đỡ gia đình và lo cho con em đi học. Rủi ro chính của nhóm này là thu nhập không ổn định. Trong cơn bão giá, một số nghề có ít khách hàng hơn so với trước. Ví dụ, nhóm xe ôm từ khi giá xăng tăng bán lẻ đột biến ở thời điểm cuối tháng 7/2008, lượng khách đi xe ôm giảm. Tương tự, nhóm bán hàng rong phải mua đầu vào với chi phí cao hơn, nên khi tăng giá bán thì số lượng khách hàng giảm mạnh như các nghề bán hoa quả, bán phở, bún, hủ tiếu, nước giải khát, quà vặt...

Bữa ăn đã được thay đổi để phù hợp với túi tiền, như ăn ít thịt cá đi và mua loại rẻ tiền, nhưng vẫn rất khó khăn. Quan trọng là phần tích lũy bị giảm đáng kể, nhiều người hầu như không còn tích lũy.

Cách chống đỡ phổ biến là tăng thời gian lao động

Cách chống đỡ phổ biến của nhóm nhập cư làm nghề phi chính thức là tăng thời gian lao động để cố kiếm thêm thu nhập bù vào phần chi phí tăng. Như nhóm xe ôm từ khi xăng tăng giá người đi xe ôm ban ngày ít đi (tăng đi xe buýt), nhiều người phải cố làm thêm vào buổi tối sau 9h (khi xe buýt nghỉ) để có thêm chút thu nhập. Nhóm bán hàng rong nhập cư ở Hải Phòng phải chấp nhận ngủ qua đêm trong những phòng trọ chật hẹp, nóng bức do ghép đến 20-30 người với giá thuê chỗ ngủ chỉ 4.000 – 5.000 đồng/tối.

Tăng mối liên kết nông thôn – thành thị, "nghèo đô thị đang phải nhờ vào nghèo nông thôn, và ngược lại"

Tăng mối liên kết nông thôn – thành thị. Giá cả tăng cao đang làm khăng khít thêm mối liên kết nông thôn - thành thị để hai bên cùng dựa vào nhau chống đỡ khó khăn. Người nông thôn di chuyển ra thành phố kiếm việc làm để có tiền gửi về quê giúp đỡ gia đình, thì hiện nay lại phụ thuộc nhiều hơn vào quê nhà ở nông thôn để đảm bảo bữa ăn ở thành phố. Thực tế khảo sát ở Hải Phòng cho thấy, nhiều người ra thành phố buôn bán nhỏ hoặc làm công nhân ở các xí nghiệp mà có quê ở các huyện gần thành phố thường về quê lấy gạo, rau, trứng lên thành phố ăn để giảm chi phí, một số còn gửi con về nông thôn cho ông bà nuôi giúp. Hơn lúc nào hết “nghèo đô thị đang phải nhờ vào nghèo nông thôn, và ngược lại”.

Qua khảo sát có khá nhiều câu chuyện của người nghèo và cận nghèo ở thành phố đang phải dựa vào nông thôn để đảm bảo cuộc sống tối thiểu (xem Hộp 20).

HỘP 20. Hộ nghèo đô thị phải dựa vào nông thôn để duy trì cuộc sống

Chị Nguyễn T. B. hộ nghèo ở phường Niệm Nghĩa, Q. Lê Chân, TP Hải Phòng. Chồng chị B. vừa mất cách đây 2 tháng do bị tai nạn khi lái ô tô, điều trị gần 2 năm không qua khỏi, để lại cho chị một món nợ hơn 100 triệu đồng vay để chữa bệnh cho chồng. Ba mẹ con chị sống tạm bợ trong căn hộ cấp 4, diện tích gói gọn 42 m². Hai năm trước, chị phải bỏ việc làm để chăm sóc chồng ốm, bây giờ không tìm được việc làm nữa.

Hai con chị B. đang học phổ thông, vào thời điểm giá lương thực tăng gấp đôi từ Tết Nguyên đán đến nay khó khăn thêm chồng chất. Chị đành phải gửi 2 con về quê ở với ông bà và học ở nông thôn, vì theo chị thì ở nông thôn chỉ cần có đủ gạo ăn, còn rau tự kiếm, các thức phải mua hạn chế tối đa. Chị mong sao mình vẫn có được sức khỏe và tìm được một công việc làm thuê có số tiền công ổn định hàng tháng để góp vào với ông bà nuôi 2 con ăn học khôn lớn. Chị tâm sự: “Em không nghĩ đến lúc này ông bà ở quê nghèo đến mức chẳng có gì bán để thu nổi mỗi tháng năm chục ngàn đồng lại vẫn còn là chỗ dựa và cứu mạng cho cả gia đình mẹ con em”.

Biến động giá gây tác động dây chuyền và qua lại giữa người lao động, người cung cấp dịch vụ và doanh nghiệp

Tác động dây chuyền và qua lại do tăng giá. Khi giá cả tăng, những khó khăn của người nghèo và cận nghèo đô thị có mối tác động dây chuyền và qua lại với những khó khăn của các doanh nghiệp và những người cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho người nghèo và cận nghèo.

Việc làm và thu nhập của công nhân nhập cư trong các doanh nghiệp bấp bênh một phần do bản thân các doanh nghiệp cũng đang gặp khó khăn. Giá nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, vật liệu xây dựng, tiền thuê địa điểm... đều tăng, chưa kể áp lực cạnh tranh ngày càng lớn nên nhiều doanh nghiệp không thể tăng giá hàng hóa và dịch vụ để bù đắp chi phí tăng. Mức lợi nhuận của doanh nghiệp giảm đến lượt nó gây sức ép lên quỹ lương của công nhân viên và các trợ cấp khác của doanh nghiệp cho công nhân viên, như tiền ăn ca, hỗ trợ về phương tiện đi lại, nhà ở...



Thực tế đang có 3 xu hướng diễn ra trong các doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp giảm công nhân, giảm giờ làm, khó tuyển thêm công nhân, hoặc chuyển một số công đoạn về các vùng nông thôn*

i.

một số doanh nghiệp thực sự khó khăn phải giảm số công nhân hoặc giảm giờ làm (nghỉ luân phiên, nghỉ tạm thời hưởng 70% lương, không làm tăng ca tăng giờ...), giảm khối lượng sản phẩm, dẫn đến người lao động giảm việc làm và thu nhập (xem Hộp 21);

ii.

một số doanh nghiệp có nhu cầu tuyển thêm công nhân để đáp ứng đơn hàng nhưng rất khó tuyển do mức lương không hấp dẫn, điều kiện làm việc và sinh hoạt ở thành phố khắc nghiệt, nhiều công nhân bỏ về quê hoặc chuyển sang việc khác (nhất là vào thời gian sau Tết);

iii.

một số doanh nghiệp khác cố gắng giảm chi phí bằng cách liên kết với các doanh nghiệp vệ tinh để chuyển các công đoạn gia công cần nhiều lao động về các vùng nông thôn. Các doanh nghiệp vệ tinh này đóng ngay tại các làng xã, sử dụng lao động tại chỗ. Tuy nhiên, nhiều “doanh nghiệp làng xã” này chưa thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ phúc lợi khác cho công nhân, dẫn đến thiệt thòi về quyền lợi cho công nhân như luật định (xem Hộp 21). Chủ trương của các thành phố lớn như TP.HCM khuyến khích di dời các ngành công nghiệp thâm dụng lao động ra các huyện ngoại thành và sang các tỉnh bạn càng củng cố thêm cho xu hướng thứ ba nêu trên.

HỘP 21. Tác động dây chuyền giữa doanh nghiệp và người lao động

– **Công ty khó khăn - người lao động cũng lao đao.** Công ty VT đóng tại phường Lãm Hà (quận Kiến An, HP) có ngành nghề sơn gia công mũ bảo hiểm, khung xe máy, ô tô... gia công cho đơn vị khác. Hiện nay giá cả biến động, nguyên liệu đầu vào tăng 20 – 25%, lãi suất ngân hàng quá cao nên sản phẩm khó cạnh tranh, không tiêu thụ được, dẫn đến công ty VT phải thu hẹp sản xuất.

Hậu quả là công ty phải giảm qui mô lao động, số còn lại cũng phải nghỉ việc luân phiên. Số cán bộ công nhân viên chức tháng 6/2007 khoảng 50 người, hiện nay tháng 6/2008 còn lại 30 người, mặc dù lương bình quân đã tăng từ 45.000 đồng/ngày năm 2007 lên 50.000 đồng/ngày năm 2008, bữa trưa cũng đã tăng từ 4.000 đồng/bữa lên 7.000 đồng/bữa để đảm bảo chất lượng bữa ăn vẫn như trước. Số công nhân ngoài tỉnh chiếm khoảng 30%, phải thuê trọ. Công ty chưa có chính sách cho số này, ngoài việc ưu tiên công việc thường xuyên hơn cho số ngoài tỉnh để họ duy trì lương 1,2 -1,5 triệu đồng.

– **Doanh nghiệp làng xã: người lao động có thu nhập nhưng thiếu các chế độ xã hội.** Doanh nghiệp da giày TH. đóng tại xã An Thái (huyện An Lão, HP) là một cơ sở vệ tinh của một doanh nghiệp da giày lớn tại Hải Phòng. Hiện nay người lao động tại doanh nghiệp TH. phải chấp nhận nhiều thiệt thòi quyền lợi, như chưa được đóng bảo hiểm lao động và lao động nữ nghỉ sinh đẻ chỉ được hỗ trợ 6 ngày lương cơ bản (800.000/22 ngày) x 6 = 218.000 đồng).

Hơn 200 công nhân của DN này, gồm hơn 110 người ngay trong xã và 90 người nơi khác đến vẫn bám công việc vì: “dù sao họ cũng còn có thu nhập ổn định trên dưới 1.000.000 đồng/tháng hỗ trợ gia đình”, ông giám đốc doanh nghiệp TH. cho biết.

Người cung cấp dịch vụ cho người nghèo cũng gặp khó khăn do lượng bán giảm sút

Bên cạnh đó, khi người nghèo đô thị gặp khó khăn thì những người cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho người nghèo nhất là người nhập cư (người bán hàng cơm bình dân, may quần áo giá rẻ, hàng rong, buôn bán nhỏ tại chợ gần các khu đông lao động nhập cư...) cũng gặp khó khăn theo do lượng bán giảm sút hoặc mức lãi giảm sút vì không thể tăng giá bán cho người nghèo tương ứng với chi phí hàng hóa, dịch vụ tăng. Người bán hàng, làm dịch vụ cũng phải xoay xở đủ cách để có giá "cạnh tranh" nhằm giữ chân được số khách hàng “nghèo đang còn nghèo thêm” này. Hộp 22 là một câu chuyện điển hình của một chị thợ may hết khách hàng là công nhân nhập cư trong thời bão giá.



HỘP 22. Thợ may hết khách, xoay nghề khác cũng khó khăn

Chị Lê T.K.A. làm thợ may tại nhà ở phường Niệm Nghĩa (quận Lê Chân-HP). Khách hàng chính của chị là công nhân nhập cư làm trong các doanh nghiệp giày da trên địa bàn. Phục vụ lớp khách hàng này chị lấy giá rẻ chỉ bằng một nửa so với cửa hàng trên phố. Giờ khách ít đi nhiều vì công nhân nhập cư đang gặp khó khăn nên giảm mạnh nhu cầu may quần áo "trước ngày nào cũng có khách, giờ không có" vì "lương họ thấp quá, giá cả tăng, họ không còn may mặc nữa. Trước số đơn hàng được 10 phần, thì nay chỉ còn 1 phần".

Chị A. phải xoay sở thêm bằng cách bán thêm thẻ điện thoại, "nhưng cũng không ăn thua". Chồng chị thuê 1 điểm ở công viên làm nghề chụp ảnh, nhưng "thu nhập thất thường lúc trời mưa gió, ngày thường vắng khách, giờ cũng ít người chụp ảnh". Chị tính xoay sở tiếp vào thứ Bảy và Chủ nhật đi bán xúc xích nướng ở cổng trường vườn trẻ, cũng kiếm được vài chục nghìn 1 ngày. Nhưng nỗi lo là sợ công an bắt vì thành phố cấm hàng rong ở cổng trường. Chị cho biết "đi bán 2 tháng rồi, bị bắt 2 lần, mỗi lần bị phạt 100.000 đồng. Đi bán hàng mà cứ lo nơm nớp".

Tác động đến người nghèo ngoại thành

Ở vùng ngoại thành, xu hướng "bỏ ruộng" (cho người khác cấy) đang gia tăng

Các huyện ngoại thành của các thành phố lớn vẫn được coi là vùng nông thôn, mặc dù về cơ sở hạ tầng, sinh kế và đời sống người dân đã có nhiều nét mang dáng dấp đô thị. Tại điểm nghiên cứu ở xã An Hải, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, người dân chủ yếu làm lúa, làm nghề thủ công mây tre đan (đan hình nhân vàng mã) và đi ra ngoài làm ăn, đi làm công nhân xí nghiệp. Một thực tế đang diễn ra là người nông dân có xu hướng "bỏ ruộng" - không tự cấy lúa nữa mà cho người khác cấy thuê (mặc dù diện tích ruộng vẫn được cấy 100%) với mục đích chỉ để giữ ruộng. Số tiền cho thuê chỉ vừa đủ để trả các khoản phải đóng nộp tại địa phương. Những người vẫn cấy ruộng chỉ coi đây là "tiền bỏ ống" và để "có thóc sạch ăn". Đã có trên 20% số hộ trong xã "bỏ ruộng"

Thu nhập làm ruộng thấp so với làm nghề thủ công hoặc đi làm ăn xa là nguyên nhân chính dẫn đến "bỏ ruộng"

Có nhiều lý do dẫn đến tình trạng "bỏ ruộng này". Diện tích ruộng quá nhỏ (chỉ vài trăm m² cho 1 khẩu, người sinh ra hoặc mới đến sau ngày chia ruộng thì không có ruộng), thu nhập từ ruộng quá thấp, bây giờ chỉ là thu nhập phụ, không thể so sánh với làm nghề thủ công hoặc đi ra ngoài làm ăn, đi công nhân xí nghiệp. Diện tích mẫu, cây vụ đông cũng giảm mạnh. Những người "bỏ ruộng" do gia đình không còn lao động (đi làm ăn xa, chỉ còn ông già bà cả ở nhà), do rủi ro thời tiết và nhất là do giá vật tư lên cao khiến làm ruộng thu nhập thấp "nếu thuê dịch vụ thì hết". Những người trước kia thuê đất 5% của xã thì nay không cấy nữa, số đất này được giao cho những người làm trang trại có qui mô lớn.

Cán bộ cơ sở và người dân được phỏng vấn cho biết xu hướng "bỏ ruộng" sẽ còn tăng trong thời gian tới. Đây là xu hướng đáng lưu ý, có liên quan đến xu hướng tích tụ ruộng đất để nâng cao hiệu quả lao động nông nghiệp, nông thôn (xem Hộp 23).

HỘP 23. Xu hướng "bỏ ruộng" – hay nhu cầu tích tụ ruộng đất ?

Tại thôn Tiên Cẩm 1, xã An Thái, huyện An Lão, Hải Phòng, thu nhập chính của bà con hiện nay là làm nghề đan cốt hàng mã và đi làm công nhân xí nghiệp. Có đến 20% số hộ trong thôn "bỏ ruộng", tức là không tự cấy lúa nữa mà cho người khác cấy thuê để giữ ruộng. Dự báo tình trạng "bỏ ruộng" sẽ còn tăng tiếp trong các năm tới.

Nhóm nông cốt thôn Tiên Cẩm 1 cho biết "Hiện giờ nhiều nhà muốn cho người khác cấy mà không ai cấy. Làm ruộng giờ không ăn thua, trừ các chi phí mỗi sào chỉ được lãi có 100.000 đồng chưa tính công lao động, mỗi nhà phải vài mẫu trở lên mới có thu, trong khi đó ở đây 1 khẩu chỉ được hơn 1 sào (384m²/khẩu) mà số để sau ngày chia ruộng, số lấy vợ lấy chồng nơi khác đến không có ruộng. Nếu sắp tới cụm công nghiệp Nam Triệu gần xã vào hoạt động, số hộ không cấy sẽ tăng mạnh".

Lãnh đạo huyện An Lão cũng cho rằng "bỏ ruộng" là tình hình chung của cả huyện. Diện tích ruộng của huyện vẫn được cấy đủ 100%, nhưng nhiều nhà cho người khác cấy. Tình trạng "bỏ ruộng" gắn liền với xu hướng tích tụ ruộng đất. Những người trước kia thuê đất 5% của xã thì nay không cấy nữa, số đất này được giao cho những người làm trang trại có qui mô lớn. Lãnh đạo xã An Thái cho biết xã đã hoàn thành dồn điền đổi thửa từ năm 2005, nay "cần dồn điền đổi thửa 1 lần nữa, góp vốn cho chủ trang trại làm".



Người làm nghề thủ công cũng chịu thu nhập tăng chậm hơn so với giá lương thực, thực phẩm

Với những người làm nghề thủ công, tình trạng thu nhập thực tế giảm cũng không rời bỏ họ. Khảo sát tại một làng nghề mây tre đan (chủ yếu đan ngựa làm cốt hàng mã) ở ngoại thành Hải Phòng cho thấy thu nhập từ đan lát tăng chậm hơn nhiều so với mức tăng giá của lương thực thực phẩm. Bà con tổng kết “trước đan 1 con ngựa còn được gần 1 gói mì tôm, giờ đan 2 con ngựa chưa được 1 gói mì tôm”. Những khó khăn của thôn Tiên Cẩm 1 là một câu chuyện điển hình (xem Hộp 24).

HỘP 24. Đan ngựa thời bão giá

Thôn Tiên Cẩm 1 (xã An Thái, An Lão, Hải Phòng) có nghề đan lát hình nhân và ngựa mã từ xưa, mới được thành phố HP công nhận là làng nghề mây tre đan. Cả thôn có 153 hộ thì 100% hộ có nghề đan lát trong đó 85% hộ đan thường xuyên. Lực lượng lao động dưới 40 tuổi tảo đi làm ăn hết, chủ yếu đi công nhân giày da, làm mộc nề. Ở lại nhà chỉ còn người già và trẻ con, đều đan được “vừa xem ti vi vừa đan”. Một người dân đan từ sáng đến tối được 20.000-25.000 đồng. Đan lát mất 50% chi phí nguyên liệu, còn 50% là thu nhập từ công đan.

Mấy năm nay thu nhập từ đan lát tăng chậm, trong khi chi phí lương thực thực phẩm tăng nhanh. Ví dụ đan 1 con ngựa nhỏ năm 2007 có thu nhập 700 đồng, năm 2008 tăng lên 1.100 đồng. Trong khi đó giá 1 gói mì tôm năm 2007 là 1.000 đồng, năm 2008 tăng lên 2.500 đồng. Bà con tổng kết “trước đan 1 con ngựa còn được gần 1 gói mì tôm, giờ đan 2 con ngựa chưa được 1 gói mì tôm”.

Chính sách xóa nhà tạm cũng gặp khó khăn do giá vật liệu, tiền công tăng cao

Hiệu quả của các chính sách hỗ trợ hộ nghèo cũng bị ảnh hưởng xấu trong cơn bão giá. Điển hình là chính sách xóa nhà tạm. Tại xã An Thái, huyện An Lão-Hải Phòng, một số hộ nghèo đang ở nhà tạm không thể có tiền góp thêm để xây nhà mới mặc dù chính quyền, đoàn thể hỗ trợ 4 triệu đồng (sau đó tăng lên 6-8 triệu đồng). Người nghèo được phỏng vấn cho biết “giờ vật liệu xây dựng, tiền công đều tăng giá, phải 10 triệu mới làm được cái nhà nhỏ”. Chính quyền địa phương phải dùng biện pháp khoan nhượng lại những hộ không thể xây được nhà để tuyên bố là xã đã “hoàn thành chương trình xóa nhà tạm” (hộ không có điều kiện xây nhà phải ký giấy cam kết sau này không đòi hỏi về việc xóa nhà tạm nữa).

Dòng người nhập cư đến các đô thị lớn sẽ tăng chậm lại hoặc thậm chí giảm, các đô thị nhỏ hơn có thể là điểm đến ưa thích của nhiều người nhập cư trong thời gian tới

Qua khảo sát thực địa, thật khó tìm được một yếu tố tích cực liên quan đến tác động và cách ứng phó của người nghèo đô thị khi giá cả gia tăng. Có một xu hướng mới bắt đầu (có thể sẽ tăng lên trong các năm tới) là **dòng người nhập cư đến các đô thị lớn sẽ tăng chậm lại hoặc thậm chí giảm** do mức lương thấp, chi phí cuộc sống ở đô thị quá cao, điều kiện làm việc khắc nghiệt trong các nhà máy, nhiều nơi ở nông thôn giờ cũng có cơ hội việc làm. Người nghèo nhập cư có thể sẽ dần dần ra khỏi các khu trung tâm đô thị lớn. Các đô thị nhỏ hơn có thể sẽ là điểm đến ưa thích của nhiều người nhập cư trong thời gian tới.





PHẦN 4.

KẾT LUẬN: HƯỚNG TỚI GIẢM NGHÈO ĐÔ THỊ

Sáng kiến theo dõi nghèo đô thị này nhằm cung cấp thông tin bổ sung cho các số liệu hiện có về nghèo, thông qua tìm hiểu những khó khăn, bất lợi của nhóm nghèo bản xứ và nhóm nghèo nhập cư. Một số nhóm xã hội đặc thù như công nhân nhập cư, người bán hàng rong, chạy xe ôm được lựa chọn khảo sát nhằm thể hiện tính đa dạng của nghèo đô thị và tình trạng dễ bị tổn thương của các nhóm này. Tác động của giá cả tăng cao trong năm 2008 đến người nghèo và cận nghèo đô thị cũng là một chủ đề trọng tâm của đợt khảo sát năm 2008, và đây cũng là chủ đề nóng hổi luôn được người dân nhắc đến trong mọi cuộc tiếp xúc tại thực địa.

Đợt theo dõi nghèo đô thị trong năm 2008 cho thấy, tỷ lệ nghèo đô thị theo các con số thống kê đã ở mức rất thấp. Nghèo ngày càng khó giảm khi đã “đi dần vào lõi”. Tuy nhiên, các số liệu về nghèo đô thị hiện nay đang bỏ qua nhóm người nhập cư không có hộ khẩu ở thành phố. Một số đồng người nhập cư có mức sống thuộc diện nghèo và cận nghèo, nhưng không được xét đến trong các cuộc điều tra rà soát nghèo hàng năm. Nghèo đô thị đa dạng và phức tạp còn do có nhiều nhóm xã hội đặc thù với những khó khăn, bất lợi riêng có của mình.

Nghèo đô thị hiện nay diễn biến phức tạp hơn, ở trong tình trạng dễ bị tổn thương hơn nhiều so với nghèo giai đoạn trước. Giá cánh kéo, việc làm không ổn định, thu nhập bấp bênh... làm cho ranh giới nghèo, không nghèo ngày càng trở nên mong manh. Số hộ nghèo – hiểu theo khả năng đáp ứng các nhu cầu cơ bản trong đời sống của hộ - có xu hướng tăng lên, do số phát sinh, mới di chuyển đến, hộ cận nghèo hoặc vừa thoát nghèo nay quay trở lại vòng nghèo. Khoảng cách giàu – nghèo tại khu vực đô thị ngày càng đoãng ra.

Trong bối cảnh khủng hoảng tài chính – kinh tế thế giới từ nửa cuối năm 2008, các doanh nghiệp hưởng về xuất khẩu sẽ gặp nhiều khó khăn, càng gây áp lực về thiếu việc làm, giảm thu nhập lên công nhân, trong đó dòng người nhập cư sẽ tiếp tục chịu những tác động mạnh nhất. Đây là chủ đề cần tiếp tục theo dõi trong thời gian tới.

Một số gợi ý thảo luận chính sách nhằm hướng tới giảm nghèo đô thị thực sự hiệu quả trong thời gian tới được rút ra từ đợt khảo sát này như sau:

- Nhận diện đúng tình trạng nghèo đô thị:** Giảm nghèo đô thị không thể thực hiện hiệu quả nếu không nhận diện đúng qui mô và vai trò của dòng người nhập cư trong bức tranh nghèo. Bổ sung các số liệu, đánh giá về nhóm người nhập cư tại các khu vực đô thị và tình trạng nghèo trong nhóm này sẽ giúp các cơ quan quản lý các tiện ích cơ sở hạ tầng (điện, nước), cung cấp dịch vụ xã hội (giáo dục, y tế) và dịch vụ bảo trợ xã hội (giải quyết việc làm, hỗ trợ người nghèo, các nhóm xã hội đặc thù) có đầy đủ dữ liệu để hoạch định các kế hoạch ngân sách, kế hoạch đầu tư của mình nhằm đáp ứng các nhu cầu bức thiết của cả người nghèo bản xứ và người nghèo nhập cư.
- Điều chỉnh chuẩn nghèo đô thị:** chuẩn nghèo đô thị cần phản ánh đúng chi phí cho các nhu cầu thiết yếu về lương thực – thực phẩm và phi lương thực – thực phẩm trong bối cảnh giá cả tăng cao trong hai năm gần đây. Nâng chuẩn nghèo sẽ giúp có thêm các chính sách hỗ trợ nhóm cận nghèo đang gặp nhiều rủi ro. Cách làm của thành phố Hồ Chí Minh dự kiến tăng gấp đôi chuẩn nghèo (thu nhập dưới 1 triệu đồng/tháng/người khu vực thành thị, 830.000 đồng/tháng/người khu vực nông thôn) từ đầu năm 2009 thể hiện cách tiếp cận này¹¹. Tuy nhiên tại các đô thị khác ví dụ như thành phố Hải Phòng vẫn giữ chuẩn nghèo thấp theo mức chung của cả nước (thu nhập dưới 260.000 đồng/tháng/người khu vực thành thị, 200.000

¹¹ Tại thành phố Hà Nội, sau khi sát nhập với tỉnh Hà Tây, đã áp dụng chuẩn nghèo mới từ đầu năm 2009 là thu nhập dưới 500.000 đồng/người/tháng tại khu vực thành thị và thu nhập dưới 330.000 đồng/người/tháng tại khu vực nông thôn.



đồng/năm/người khu vực nông thôn) do những khó khăn về cân đối ngân sách hỗ trợ hộ nghèo. Không chỉ là nâng chuẩn nghèo, mà quan trọng hơn là cần có một cơ chế điều chỉnh thường xuyên các chính sách hỗ trợ hộ nghèo và chính sách bảo trợ xã hội cho phù hợp với mức lạm phát hàng năm.

3. **Chương trình hỗ trợ các nhóm bất lợi đặc thù:** Cần có sự phân biệt giữa nhóm nghèo nói chung và nhóm nghèo nhất gặp những bất lợi đặc thù, dựa trên nguyên tắc phân loại hộ nghèo theo đặc điểm và nguyên nhân nghèo để triển khai các chính sách hỗ trợ phù hợp. Cách làm của thành phố Hồ Chí Minh tách các nhóm nghèo gặp bất lợi đặc thù ra khỏi chương trình hỗ trợ sinh kế cho người nghèo để có những chính sách hỗ trợ riêng về bảo trợ xã hội ("lưới an toàn") cho các nhóm đặc thù này rất đáng tham khảo cho các tỉnh, thành phố khác. Cũng cần đánh giá lại toàn diện các mô hình hỗ trợ các nhóm đặc thù hiện nay do nhiều chương trình, dự án đang tiến hành.
4. **Đầu tư, hỗ trợ đồng bộ để xóa các "ổ cụm" nghèo:** tại các vùng giáp ranh ven đô, trong các hẻm sâu, các địa bàn tách biệt tại các thành phố lớn còn tồn tại những "ổ cụm" nghèo - tập trung đông người nghèo đang gặp nhiều khó khăn về cơ sở hạ tầng, sử dụng đất đai, về đời sống và sinh kế. Cần có sự vào cuộc của các cơ quan ban ngành với sự đầu tư và hỗ trợ đồng bộ, dựa trên sự tham gia tích cực của người dân và thúc đẩy các thiết chế cộng đồng, để tiến tới xóa các ổ cụm nghèo này, cũng là nhằm góp phần cải thiện vệ sinh môi trường và an ninh trật tự đô thị.
5. **Cần nhắc kỹ việc hỗ trợ sinh kế người nghèo khi thực hiện các chính sách quản lý đô thị:** Các chính sách quản lý đô thị thường có mâu thuẫn với sinh kế của người nghèo (ví dụ các chính sách cấm/quản lý bán hàng rong, cấm xe tự chế...). Khi triển khai các chính sách quản lý đô thị cần nghiên cứu kỹ tác động đến sinh kế người nghèo, trực tiếp tham vấn những người nghèo bị ảnh hưởng để có biện pháp hỗ trợ phù hợp và hiệu quả.
6. **Cải thiện quản trị địa phương hướng tới giảm nghèo:** Vai trò của các phường rất quan trọng trong các nỗ lực giảm nghèo đô thị. Cùng với tiến trình cải cách chính quyền đô thị đang tiến hành (ví dụ, chương trình thí điểm bỏ HĐND cấp quận, huyện và phường tại 10 tỉnh thành trong cả nước), cần nâng cao năng lực cán bộ, tăng cường cơ sở vật chất và phân cấp, phân quyền về ngân sách để cấp phường, xã thực sự là đầu tàu trong việc thực thi các biện pháp hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn. Cần lưu ý đến việc minh bạch thông tin, giải quyết các bức xúc về giải tỏa đền bù và qui hoạch treo... trong các nỗ lực giảm nghèo. Xây dựng chương trình giảm nghèo ở từng phường, xã với sự tập trung chỉ đạo quyết liệt và sự vào cuộc của tất cả các ban ngành địa phương.
7. **Nâng cao vai trò của công đoàn trong hỗ trợ công nhân nhập cư:** Hiện nay công nhân nhập cư thường dựa vào mạng lưới xã hội phi chính thức của mình để đương đầu với khó khăn. Công nhân nhập cư đang rất cần được giúp đỡ, và công đoàn có thể làm được nhiều việc nếu phát huy được vai trò đại diện và cầu nối thực sự của mình. Có những nhu cầu của công nhân nhập cư về phía Công đoàn có thể chủ động thực hiện (như tập huấn, truyền thông về pháp luật lao động, kiến thức chăm sóc sức khỏe, phòng chống HIV/AIDS...). Còn nhiều nhu cầu khác (như cải thiện điều kiện sống và làm việc, nâng cao tay nghề...), Công đoàn có thể giúp được nếu phát huy được vai trò đại diện và cầu nối giữa người lao động với chủ doanh nghiệp, với chính quyền và các tổ chức đoàn thể tại địa phương.



Oxfam Anh

22 Lê Đại Hành

Hà Nội

Việt Nam

ĐT: 04 – 3945 4362

Fax: 04 – 3945 4365

Email: ogb-vietnam@oxfam.org.uk

Oxfam Hồng Kông

22 Lê Đại Hành

Hà Nội

Việt Nam

ĐT: 04 – 3945 4406

Fax: 04 – 3945 4405

Email: oxfamhk@ohk.org.vn

Action Aid Vietnam

Tầng 5, tòa nhà HEAC

14 - 16 Hàm Long

Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 04 – 3943 9866

Fax: 04 – 3943 9872

Email: mail.aav@actionaid.org